

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

CÁI CHÁNH-SÁCH CỦA NƯỚC PHÁP ĐỐI VỚI DÂN AN-NAM

BÀN VỀ BÀI DIỄN-THUYẾT CỦA QUAN TOÀN-QUYỀN SARRAUT Ở TIỆC TRÀ HỘI KHAI-TRÍ

Phạm chánh-sách của các cường-quốc đối với dân thuộc-địa, đại-khái có thể chia ra mấy hạng như sau này : một là « thực-dân » (*colonisation*), hai là « lợi-dụng » (*exploitation*), ba là « đồng-hóa » (*assimilation*), bốn là « hiệp-lực » (*association*), năm là « khai-phóng » (*émancipation*).

« Thực-dân », nghĩa là đem người nước mình sang thuộc-địa, khai-khẩn đất ruộng, sinh-cơ lập-nghiệp ở đấy, để dần-dần thay vào người thổ-dân, lấy đấy làm một nơi quê-hương thứ nhì. Chánh-sách này chỉ thi-hành được ở những nơi khí-hậu dễ chịu, người Âu-châu có thể đến ở vĩnh-viễn được, và thổ-dân thời vừa ít-ỏi vừa kém-hèn, không kể vào đâu, cứ để tự-nhiên cũng có ngày tiêu-diệt đi hết. Thí-dụ đất Úc-châu (*Australie*) của nước Anh thực-dân, ngày nay tức là một nước Anh mới ở giữa bể Nam-dương vậy. Hiện bây giờ trong thế-giới cũng không còn nhiều những đất như vậy nữa, nên cái chánh-sách thực-dân không thịnh-hành lắm.

« Lợi-dụng », nghĩa là lấy của thuộc-địa để làm giàu cho mình, dùng người bản-xứ để làm lợi cho mình, chỉ chủ thu-hoạch được nhiều, không quản

gì đến sự lợi-hại của người dân. Chánh-sách này thường thi-hành ở những xứ nóng, đất tốt của nhiều, người dân tuy đông mà nhu-nhuộc yếu-hèn không đủ tự-lực khai-khẩn được hết, chỉ đủ làm cái lợi-khi trong tay một cường-quốc khác đến khai-khẩn thay. Thí-dụ như ngày xưa các đất Nam-Mĩ thuộc người Tây-ban-nha, trước khi chiến-tranh các đất Phi-châu thuộc nước Đức. Cái chánh-sách « lợi-dụng » tuy lợi cho bên cường-quốc mà hại cho người bản-dân, vì dễ sinh áp-chế, nên dễ khiến cho người dân phản-đối lại, coi như các dân Nam-Mĩ ngày xưa đánh lại người Tây-ban-nha mà tuyên độc-lập thời đủ biết.

« Đồng-hóa », nghĩa là cố cưỡng hóa người dân bản-xứ cho giống như mình để dễ cai-trị hơn ; phạm chế-độ, phong-tục, ngôn-ngữ, tôn-giáo, cái gì nó đặc-biệt dân ấy với các dân khác, không thêm biết đến, muốn xóa bỏ đi, chỉ cố bắt theo y như mình, cho đối với mình không còn có bụng khác nữa. Chánh-sách này rất giáo-quyết, nhưng phải lâu năm lắm mới thành được, và cứ thực ra thời xưa nay cũng chưa từng có nước nào có cái kiên-phiên mà đồng-hóa hẳn được một dân khác,

cũng chưa từng có dân nào đã thành nước mà bị nước khác đồng-hóa được. Hay là cái chánh-sách ấy vụ lâu-dài mà sự kết-quả phải tính xa mới được? Cũng có lẽ, nhưng hiện nay thời chỉ có mấy cái « thuộc-địa cổ » của nước Pháp (như đảo Guadeloupe, Martinique, v. v.) là người thổ-dân vốn cũng không có mấy, đã bị đồng-hóa lẫn với người Pháp rồi. Còn thời đại-đề có thể nói rằng phạm dân nào đã có lịch-sử, có quốc-hồn, đã thành một đoàn-thể đến mấy trăm vạn người, thời đâu có nước khác muốn đồng-hóa cũng khó lòng mà thành được. Coi như nước Đức trước kia đối với dân hai châu Alsace-Lorraine, cũng là thi-hành cái chánh-sách đồng-hóa, bắt người dân bỏ tiếng Pháp mà phải học tiếng Đức, ngày nay dân hai châu ấy một lòng hoan-hỉ xin về với Mâu-Quốc cũ; lại coi như nước Nhật-bản đối với dân Cao-ly cũng là muốn thi cái sách đồng-hóa, mà ngày nay người Cao-ly khởi-loạn như vậy; thời đủ chứng rõ rằng cái chánh-sách ấy chưa phải là cái chánh-sách tốt, không lợi cho bên có cường-quyền mà vừa hại cho bên phải chịu cường-quyền.

« Hiệp-lực », là dân cường-quốc với người bản-xứ hợp-sức với nhau, giúp đỡ lẫn nhau, để mà sắp-đặt mọi việc trong nước, mở-mang các nghệ-nghiệp, các lợi-nguyên, như cùng nhau chung vốn chung công, một bên có của một bên có tài, khác nào như lập một cái công-ti buôn-bán để cầu lợi cả hai đặng. Chánh-sách này sánh với các chánh-sách trên là hay hơn cả, tốt hơn cả, nhưng phải thi-hành với những dân cái trình-độ đã cao cao mới được. Song muốn cho kết-quả tốt thời cốt nhất là hai bên phải một lòng tin-cậy nhau, thành-thực với nhau, vì cũng ví như hai nhà buôn chung vốn, nếu cứ ngờ-vực lẫn nhau, định lừa-lạt nhau, thời còn mong bán-buôn lờ-lãi gì? Vậy

đâu đã thi-hành cái chánh hiệp-lực, thời quyền chánh-trị không gồm cả trong tay một bên cường-quốc nữa, mà tùy trình-độ người dân chia một phần cho dân cũng được cử người tham-dự vào, tức cũng như trong một công-ti buôn phàm người có cổ-phần phải có chân đại-biểu ở hội-đồng quản-trị vậy. Ngày nay các nước văn-minh đi mở-mang thuộc-địa đều dùng cái chánh-sách ấy cả, vì đời nay là đời thiên-hạ trọng nhân-đạo, chỉ có cái chánh-sách ấy mới là hợp với nhân-đạo, vì không phạm đến cái quyền sinh-tồn là quyền tối-yếu của người ta.

« Khai-phóng », là lấy cái tư-cách một nước văn-minh hơn đến giúp-đỡ dậy-dỗ cho một nước văn-minh kém, chủ-ý mở-mang mọi đường cho người dân được chóng tiến-hóa, chóng thành tư-cách một dân-quốc hoàn-toàn, có thể ra đua-tranh được với thế-giới bây giờ. Cái chánh-sách này là cao-thượng hơn cả, vì là vị cái lý-tưởng hơn là vị sự lợi-lộc, nước nào có giàu cái bụng lý-tưởng, giàu cái lòng nghĩa-vụ lắm mới có độ-lượng mà thi-hành được, và dân nào được hưởng cái chánh-sách ấy cũng phải đã vào trình-độ văn-minh cao mới được. Theo cái lý-tưởng rất cao của đời nay, thời nước nào là nước văn-minh hơn người phải có một cái nghĩa-vụ rất to, là phạm trong thế-giới có dân nào bị áp-ức phải đến giải-phóng cho, có nước nào chậm tiến-hóa phải đến mở-mang cho, để cho cả nhân-loại không đâu là không được hưởng cái hạnh-phúc văn-minh. Chắc rằng nước nào đi « khai-phóng » cho nước khác như vậy, cũng là mong sớm trưa tất có lợi cho mình, vì đương buổi thế-giới cạnh-tranh này, cao-thượng đến đâu mà quên được hai chữ lợi-quyền, mình khai-phóng cho người ta tức là được cái quyền người ta phải biết ơn lại mình, quyền ấy sinh ra vô-số các lợi khác qui-hóa vô-cùng,

thứ-nhất là cái lợi được hưởng lợi mà không phải lo-lắng chút nào. Nhưng khó nhất là phải làm thế nào điều-hòa được cái chí khai-phóng đó với cái lòng cầu-lợi kia, không những thế, lại phải biết trọng sự khai-phóng cho người ta hơn là sự cầu-lợi cho mình, hình như cứ thành-tâm khai-phóng cho người trước, rồi sự lợi-lộc của mình nhân đó, tự đó mà ra, không quản gì. Thật là khó lắm thay! Xưa nay cái lý-tưởng cao-thượng với cái lợi-quyền cận-thiết vẫn là phản-trái nhau, và bao giờ lợi-quyền vẫn mạnh hơn lý-tưởng. Dầu người ta mà người biết trọng lý-tưởng hơn lợi-quyền cũng còn hiếm có thay, huống chi là các nước! Nhưng cuộc chiến-tranh trong thế-giới vừa rồi đã chứng rõ rằng lý-tưởng tức là một cái thế-lực rất mạnh, có thể sinh ra vô-số lợi-quyền, mà là những lợi-quyền chánh-đáng. Như vậy thời nước nào biết dùng cái chánh-sách khai-phóng đối với các dân kém mình, không những là có công-đức với loài người, mà lại là mưu cái đường lợi-ích chắc-chắn cho mình vậy. Cho nên nói cái chánh-sách « khai-phóng » là cái chánh-sách hay hơn hết cả, vì được *nghĩa-lợi lưỡng-toàn* vậy.

II.

Nay trong năm hạng chánh-sách khác nhau ấy, hạng nào là hạng nước Pháp dùng đối với dân An-nam ta? Có phải là cái chánh-sách « thực-dân » không? Quyết rằng không, vì dân ta cũng đủ đông mà ở được hết nước ta, người Pháp không có mong sang đây thế chân ta mà ở thay ta được. Vả nước Pháp vốn ít người, ở nước nhà cũng thừa sung-sướng, không cần phải đi thực-dân ở phương xa để tiêu-thoát bớt cái số dân nhiều quá như mấy nước khác (nước Đức, nước Nhật, nước Ý, v. v.). Sau nữa đất ta thuộc về nhiệt-đới, khi-hậu không hợp cho người Âu-châu sinh-trưởng được thịnh, không phải là

một đất thực-dân tốt vậy. — Hay là cái chánh-sách « lợi-dụng »? Cũng lại không phải nữa, vì nước Pháp vốn là một nước cao-thượng, biết chuộng nghĩa, tự cở-kim không từng đi áp-chế dân nào, nước nào bao giờ; vả dân ta cũng không phải là một giống đê-hèn gì, mà chịu để cho người bắt nô-lệ mình, coi mình như trâu ngựa. — Hay là cái chánh-sách « đồng-hóa »? Cũng không có lẽ được, vì một dân như dân ta ngót hai mươi triệu người, từ Bắc chí Nam thuần là một giống, đã sinh-tồn được hơn hai mươi thế-kỷ nay, đã từng có một cuộc lịch-sử cũng lắm phen hiển-hách vẻ-vang chẳng kém gì người, tất là có một cái quốc-hồn, một cái quốc-tính đặc-biệt, không có chộn lãn với dân khác nước khác được: muốn đồng-hóa một dân như vậy thời phải đến mấy trăm ngàn năm cho được? Chắc không nước nào có cái mộng cuồng như vậy, và nhất là nước Pháp lại không bao giờ mơ-tưởng như thế, vì chủ-nghĩa của nước Pháp xưa nay vẫn là lấy cái « đặc-tính » (*originalité*) của người ta làm trọng, cái đặc-tính của người ta còn trọng thời cái « quốc-túy » là đặc-tính của cả một dân một nước há lại không biết trọng hay sao? Cho nên Chánh-phủ Pháp đối với dân ta trước sau vẫn cố giữ không hề bao giờ xâm-phạm đến cái quốc-túy của ta, phạm chế-độ, phong-tục, luân-lý, ngôn-ngữ của ta vẫn biết kiêng nể, không từng muốn cưỡng bắt thay đổi bao giờ. Có lẽ về khoản đó, người mình lại có kẻ muốn bạo-động hơn Chánh-phủ: có kẻ tự cho lẽ-thối cũ của nước nhà là hủ-lậu, muốn nhất-thiết đập đổ cả để theo người, theo người là chuốc lấy cái cận-bã chớ chưa dễ đã được cái tinh-hoa của người. Nhưng mà trong cuộc sinh-hoạt của cả một dân một nước, những kẻ cuồng-dại đó có kẻ vào đâu?

Nay còn cái chánh-sách «hiệp-lực» và cái chánh-sách «khai-phóng», thời nào là cái nước Pháp thi-hành đối với dân ta? Thiết-tưởng là gồm cả hai mà tham-chước lẫn nhau vậy. Cứ đọc bài diễn-thuyết của quan Toàn-quyền tháng trước thời đủ biết. Tuy ngài không nói rõ hai chữ «hiệp-lực» và «khai-phóng», nhưng mà những ý-kiến ngài diễn-giải, những phương-kế ngài trù-liệu thật là chủ muốn liên-lạc người Pháp người Nam để cùng nhau hiệp-lực mở-mang cái cõi đất lớn này, mưu sự khai-hóa cho người dân để có ngày đủ tư-cách mà tự-lập thành một dân-quốc hoàn-toàn vậy. Hình như sự hiệp-lực là cái phương-kế mà sự khai-phóng là cái mục-đích, hiệp-lực để mà khai-phóng vậy.

Ngài nói rằng: «Cái chánh-sách của nước Pháp là chủ đem cho các dân Báo-hộ những sự tốt-đẹp của văn-minh thời nay; là dạy cho những điều công-lý nhân-đạo khiến cho được hưởng những sự kết-quả hay, vừa về đường vật-chất, vừa về đường tinh-thần. Theo cái lý-tưởng đó thời dân cường-quốc tự coi như người anh lớn, đến giúp-đỡ che-chở cho người em nhỏ; không coi dân bản-xứ như một lũ nô-lệ để lợi-dụng cho mình, như một cái máy để bắt làm cho hết sức, mà coi như một người chung phần giúp việc với mình, mình phải trông-nom săn-sóc đến, phải giúp cho mỗi ngày một phát-siễn cái nhân-cách đặc-biệt ra, phải làm cho thỏa-mãn những sự yếu-cần về đường tinh-thần tri-thức, để cho cái trình-độ mỗi ngày một cao dần lên và đến được bậc «nhân-cách hoàn-toàn» vậy. Lại phải cứ để cho tiến-hóa ở nơi chốn cũ, không có cưỡng bắt theo những lẽ-lối ngoài, hoặc có phải cải-lương những lẽ-lối cũ cho hợp

«với công-lý nhân-đạo thời cũng lấy «sự ôn-hòa mà giải cho biết, không lấy cái áp-lực mà bắt phải theo, dần dần mở-mang cho biết những cuộc văn-minh tiến-bộ mới, những điều tư-tưởng tri-thức lạ, để cho có đủ tư-cách mà làm được việc ích-lợi cho tổ-quốc mình, cùng với người anh-lớn hiệp-lực đồng-tâm. . . . »

Lại từ năm 1913, ngài cũng đã từng nói rằng: «Cái chủ-quyền của nước Pháp không phải là cái cường-quyền, cái chủ-quyền ấy trước nhất là cái quyền của sự Tiến-bộ vậy⁽¹⁾. Cái chủ-quyền ấy không có làm cho mất nước người ta đi: nó bênh-vực cho các dân các nước, nó giúp cho các dân các nước được mở-mang thêm lên. Phàm nước Pháp đến cấm cò ở đất xa-xôi nào, không có lấy cái cường-quyền tàn-bạo mà bắt một lũ dân phải cực-khổ làm nô-lệ cho mình. Không có bao giờ như thế, không có cái quyền làm như thế. Nước Pháp mà làm như thế thì không phải là nước Pháp nữa! Nước Pháp không có ức-hiếp người ta bao giờ. Phàm trong nhân-loại có giống nào phải chịu khổ, gặp khốn-ách, nước Pháp cũng lấy cái tình anh em mà nâng đỡ lên cho. Nước Pháp có đi lấy nước ngoài để làm nơi tiêu-thụ cho cái của sinh-sản trong nước mình thật, nhưng đến lấy đâu lại đem lại cho người dân ở đấy biết bao nhiêu mà kể những sự tiến-hóa văn-minh, những ơn-huệ làm sung-sướng cho loài người. Cả cái vinh-dự của cái chánh-sách nước Pháp ở các thuộc-địa là ở đó, chính ở đó. Ngày xưa có những kẻ đi sang các thuộc-địa ở châu Phi châu Mỹ mà buôn những giống người da đen để bán làm hắc-nô, thuộc-địa chỉ coi là chỗ buôn người: cái chánh-sách

(1) *Le droit du Progrès*, nghĩa là vì văn-minh hơn, tiến-bộ hơn nên mới đáng giữ cái chủ-quyền ấy.

« buôn người đó, nước Pháp xin để
 « cho các nước khác, vì nước Pháp
 « đã từng đi tháo cũi xổ lồng cho
 « kẻ bị lao-lung. Nước Pháp coi hết
 « thầy mọi người ta, dù sắc mặt thể
 « nào mặc lòng, đều là người cả, là
 « giống có tâm-hồn, có nhân-cách cả.
 « Không có hề cầm roi mà xua đuổi
 « người ta vào trường lao-động, bắt
 « kiệt-lực mà làm như giống trâu ngựa
 « để cho đẩy-túi những nhà cỗ-phần
 « các « công-ti Ấn-độ ». Không, cái
 « chánh-sách của nước Pháp không
 « có thế. Nước Pháp như cầm tay
 « các dân bảo-hộ mà đưa giắt vào
 « đường làm ăn lương-thiện, hoặc làm
 « bằng chân tay, hoặc làm bằng tinh-
 « thần, chỉ chủ khiến cho người ta
 « được *cao thêm cái nhân-cách lên*,
 « tăng thêm cái giá-trị trong xã-hội,
 « trong nhân-loại, mà làm cho cái « gia-
 « tài » chung của thế-giới ngày một
 « tăng-tiến hơn lên... *Nước Pháp là*
 « *kẻ bảo-hộ, không phải là tay áp-chế*
 « *vậy...* Cái quyền của nước Pháp là
 « cái quyền rất cao-thượng, vì *tức là*
 « *cái quyền của người mạnh được*
 « *bênh-vực cho người yếu vậy ...* »

Quan Toàn-quyền đã giải-thích rất
 phân-minh về tôn-chỉ cái chánh-sách
 cùng cái chủ-quyền của nước Pháp ở
 đây — chánh-sách lấy sự mở-mang
 ích-lợi cho người dân làm cốt nhất,
 chủ-quyền của bậc huynh-trưởng, kẻ
 bảo-hộ, không phải là tay áp-chế, —
 ngài lại nói rõ rằng cái tôn-chỉ ấy
 thật là gốc tự trong lịch-sử nước Pháp,
 nước Pháp hình như bị lịch-sử buộc
 phải theo cái tôn-chỉ ấy, không thể theo
 cái khác được, rồi ngài kết rằng cái công
 khai-hóa của nước Pháp ở đây càng
 tiến được bao nhiêu thời Chánh-phủ
 sẽ càng cho dân được rộng quyền bấy
 nhiêu, không có hạn-chế gì. Ngài nói :

« Vả ở xứ này, ngoài cái chánh-
 « sách ấy, ngoài cái chủ-quyền ấy,
 « không có cái nào là có thể được, vì

« nước Pháp mà dùng cái chánh-sách
 « khác, giữ cái chủ-quyền khác thời
 « nước Pháp không phải là nước Pháp
 « nữa. Chính chúng tôi, chính người
 « Pháp chúng tôi, đã từng có một
 « cuộc lịch-sử vẻ-vang hình như nó
 « bó-buộc chúng tôi không thể dùng
 « cái chánh-sách cưỡng-đoạt, giữ cái
 « chủ-quyền áp-chế được. Người ta
 « đã gọi nước Pháp là mẹ các dân-tộc.
 « Chính nước Pháp đã dựng ra cái
 « nền công-pháp ngày nay, để bảo-tồn
 « cho các dân các nước. Chính nước
 « Pháp đã giải-thoát cho nhiều dân
 « nhiều nước ra ngoài chốn lao-lung.
 « Mới rồi phải ra đờng cái cuộc chiến-
 « tranh long trời lở đất kia, phải xuất
 « hết sức anh-hùng, hết tài oanh-liệt,
 « cũng là để bênh-vực cho quyền-lợi
 « các dân-tộc, cứu-vớt cho thế-giới
 « khỏi vào vòng khốn-ách.

« Nay chúng tôi đến đây để mưu
 « việc tương-lai cho các ông, thì chúng
 « tôi với các ông cũng như anh em
 « cùng đồng-tâm-hiệp-lực với nhau ;
 « và chúng tôi là người Pháp, vì chúng
 « tôi có tư-cách trưởng-thành hơn,
 « nên phải giữ cái quyền bảo-hộ làm
 « người đứng mũi chịu sào cho cả cái
 « nhà Pháp-Việt này ; chúng tôi được
 « giữ quyền đó không phải là dụng
 « võ-lực mà được, thực là bởi thi-ân
 « mà được ; chúng tôi lấy tinh thẳng
 « lòng thành mà nhận cái trách-nhiệm
 « đem cho các ông hưởng những sự
 « kết-quả tốt của cái văn-minh cao
 « của chúng tôi, những sự lợi-lộc to
 « của cái thế-lực mạnh của chúng tôi.
 « *Cái công khai-hóa của chúng tôi cứ*
 « *tuần-tự không sai, tất-nhiên đến ngày*
 « *phải mở rộng cho các ông con đờng*
 « *chánh-trị ; hệ dân các ông về đờng*
 « *tinh-thần, đờng tri-thức tiến-bộ được*
 « *đến đâu, thời chúng tôi sẽ cho rộng*
 « *quyền được đến đấy, cho nó xứng-*
 « *đáng. Hiện nay chúng tôi chỉ đờng*
 « *chủ-ý dụng-công giúp cho sự tiến-bộ*
 « *ngày ấy mau hơn lên vậy....* »

Muốn giúp cho sự tiến-bộ được hơn lên, muốn gây cho dân chúng có đủ tư-cách mà hưởng những quyền-lợi rộng về đường chánh-trị, như quan Toàn-quyền đã hứa, thời việc cần-cấp thứ nhất là việc giáo-dục. Nhưng giáo-dục cũng có năm bảy đường ; trong sự giáo-dục của Chánh-phủ ban cho dân cái độ-lượng rộng-hẹp cao-thấp có khác nhau nhiều. Giáo-dục mà nếu chỉ dạy cho có hạn, chỉ chủ cho thành-nghề, chỉ luyện lấy những tay « cai thợ » giỏi, không gây cho có cái thông-tài đủ am-hiểu các việc các lễ, thời tuy cũng có ích về đường thực-nghiệp ít nhiều, mà mong sao cho có đủ tư-cách tham-dự việc chánh-trị trong nước? Quan Toàn-quyền đã rõ biết trước cái lòng lo-sợ của ta như vậy, nên trong bài diễn-thuyết ở Văn-miếu ngài có nhắc lại mấy lời tuyên-bố rất phân-minh của ngài đọc từ năm 1917 ở lễ khánh-thành trường Nữ-trung-học Sài-gòn. Lời tuyên-bố rằng :

« Công giáo-dục của nước Pháp ở xứ này, cũng phải theo cái công-lệ của sự tiến-bộ, là phạm cái nguyên-lý đã xướng-suất lên, đã quyết-định rồi — (cái nguyên-lý ở đây là cần phải cực-lực giáo-dục cho dân An-nam đến bậc thật cao), — thời phải đề cho hết sức phát-siễn ra, không thể tự-ý hạn-chế lại được ; vậy thời ta đã nhận trách giáo-dục cho người dân ở đây, ta phải giáo-dục cho hết sức, không có hạn-định là đến bậc nào, cái trí-thức người dân có thể tới được đến đâu thời phải dạy cho đến đấy. Nếu cái giống người mình giáo-dục mà có cái tư-cách bước được lên bậc thật cao, lý-hội dung-hóa được những nghĩa-lý phương-pháp của mình, thời không có lý gì, không có cơ gì hạn-chế sự giáo-dục ấy lại được, không có lý gì, không có cơ gì bảo cái người mình đã nhận trách giáo-dục rằng : « Thôi,

« đến thế là thôi, mi không được biết « hơn nữa. »

« Nước Pháp có cái nghĩa-vụ phải « khai-hóa cho người nước này, nếu « nước Pháp lại làm như thế thì thật là « phản-bội cái nghĩa-vụ của mình vậy. « Nước Pháp đã cho thời không có giữ « nữa, nước Pháp đã nhận trách gây-« dựng cho giống người nào thì không « có gây-dựng nữa chừng bao giờ. Nếu « trong các dân ở dưới quyền bảo-hộ « có một dân nào có đủ tư-cách xứng-« đáng như dân An-nam, thời tuy cái « bôn-phận người bảo-hộ là phải điều-« hòa sự giáo-dục với cái luật tiến-hóa « tự-nhiên trong nước, không nên cho « học vội quá mà thành những hạng « người mất căn-bản, nhưng cũng phải « tùy trình-độ trong dân mà ban-bố cho « cái học tương-đương với sự cần-dùng « thời mới được. »

Nay bọn ta cần nhất là sự gì? Cần nhất là có đủ tư-cách mà quản-trị được mọi việc trong nước ta. Cái tư-cách ấy, sự giáo-dục của nước Pháp sẽ dần-dần gây dựng cho ta vậy.

Mấy đoạn trích-lục những lời diễn-thuyết của quan Toàn-quyền trên kia thật là gồm cả cái chánh-sách của nước Pháp đối với dân An-nam ta, lời lẽ cực là rộng-rãi phân-minh, quốc-dân ta nên đọc đi đọc lại mà coi như một bài học cho cả nước vậy. Coi đó đủ biết nước Pháp thật là muốn lấy lòng thành-thực dùng kế hiệp-lực mà mưu sự khai-phóng cho dân ta. Hiệp-lực, khai-phóng, thật là hai cái huy-hiệu của cái chánh-sách nước Pháp đối với dân ta vậy,

Cái lý-tưởng đã rất cao, cái chánh-sách đã rất đáng, vừa hợp với chủ-nghĩa nước Pháp, vừa lợi cho tiền-đồ dân ta, nay những kế-hoạch, những phương-pháp dùng để thực-hành cái chánh-sách ấy, phát-biểu cái lý-tưởng ấy, thời phải nên thế nào? Ta nên thế ý-kiến quan Toàn-quyền mà bàn qua

về mấy đường chánh-trị, giáo-dục, xã-hội, kinh-tế, như sau này.

III

Về đường chánh-trị thời quan Toàn-quyền đã ngỏ lời cho ta biết đại-khái cái cách ngài định sắp-đặt sau này thế nào. Cả đoạn sau cùng trong bài diễn-thuyết của ngài là dự-định cái chương-trình những điều cải-cách về chánh-trị ngài sắp sang yêu-cầu bên Đại-Pháp. Đó là ngài còn nói qua-qua cho ta biết đại-ý mà thôi, vì việc còn chưa thành, chưa thể tuyên-bố cho tường-tận được.

Nay quan Toàn-quyền định sang Đại-Pháp yêu-cầu những việc gì? Thứ nhất là yêu-cầu cho xứ Đông-dương được quyền tự-chủ về đường hành-chánh (*autonomie administrative*). Thế nào gọi là tự-chủ về hành-chánh? Không nên lẫn quyền tự-chủ về hành-chánh với quyền tự-chủ về chánh-trị (*autonomie politique*). Tự-chủ về chánh-trị là gồm hết thảy, là cái quyền tự-trị hoàn-toàn vậy, Tự-chủ về hành-chánh là chỉ thuộc về việc thi-hành chánh-sự mà thôi, nghĩa là cái phương-châm chánh-trị cùng các mệnh-lệnh lớn vẫn tự bên Đại-Pháp truyền sang, chỉ có cái quyền thi-hành là ở đây được tùy-nghị châm-chước, không cần phải nhất-nhất trình-báo về Quý-chánh-phủ bên kia nữa. Vì hiện nay luật-lệ chặt-chẽ lắm, quan Toàn-quyền tuy gọi là «toàn-quyền» mà không được «toàn-quyền», từ việc nhỏ chí việc lớn cái gì cũng phải thuộc về bên Bộ, bên này không được tự-do hành-động một chút nào, vì đó mà công việc thành ra ngăn-trở. Nay ngài sang yêu-cầu bên Đại-Pháp là yêu-cầu cái quyền tự-do hành-động đó. Rút lại thời ngài muốn cho quyền Chánh-phủ ở đây được rộng hơn trước, trong ý ngài là để cho được rộng đường mà làm việc ích-lợi cho dân. Chắc rằng cái ý đó là thành-thực như vậy, vì ngài thật là có bụng thương dân; nhưng

hoặc-giả có kẻ lo xa, nói rằng ngài làm đó chẳng qua là muốn xin cho được rộng quyền riêng của ngài, rộng quyền riêng của quan Toàn-quyền ở đây mà thôi, chớ rút lại có ích-lợi gì cho dân ta; ta gặp được quan Toàn-quyền hay như ngài, có bụng thương dân như ngài thời còn phải nói chi, nhưng ngộ gặp quan Toàn-quyền khác không được am-hiểu dân-tình như ngài thời bấy giờ thế nào? Hiện nay cái quyền quan Toàn-quyền còn có hạn, vạn-nhất có sự gì oan-uổng bất-bình, dân mình còn có thể thượng-cáo về quý-chánh-phủ, quý-nghị-viện bên Đại-Pháp; đến ngày quyền quan Toàn-quyền được quá rộng, được tự-ý quyết-định xử-tri mọi việc, thì bấy giờ ta thân-oán với ai, thượng-cáo vào đâu?... Ấy hoặc-giả có người nghe quan Toàn-quyền giải nghĩa sự tự-chủ về đường hành-chánh như trên kia mà lo xa sợ trước như vậy. Nhưng ngài đã dự-liệu sẵn cả rồi. Trong ý ngài thời xứ Đông-dương trước sau vẫn là thuộc quyền kiểm-đốc của quý-nghị-viện, quý-chánh-phủ bên kia; chỉ khác là sau khi được quyền tự-chủ về đường hành-chánh thời bên Bộ không còn can-thiệp đến những việc thi-hành chánh-sự bên này nữa, chỉ hạn bao nhiêu lâu lại phải người sang thanh-tra tình-hình các công việc lớn bên này mà thôi. Như vậy thời cái giầy liên-lạc với quý-quốc vẫn như trước, nhưng không đến nỗi bó-buộc như xưa. — Sau nữa, tuy điều thứ nhất là yêu-cầu cái quyền tự-chủ về hành-chánh, mà điều thứ nhì là ngài muốn xin mở rộng cùng đặt thêm các nghị-hội cho người dân được quyền bàn-bạc việc nước, tức cũng là một cách để hạn-chế cái quyền quá rộng của Chánh-phủ ở đây. Khoản này, quốc-dân ta nên hết sức hoan-ngênh, vì nhờ đó mà ta được mỗi ngày một rộng quyền tham-dự các công việc trong nước ta, nơi nghị-hội tức là trường tập-luyện cho cái tư-

cách tự-trị của ta sau này vậy. Thuộc về cách tổ-chức các nghị-hội ấy thế nào, thời quan Toàn-quyền chưa nói rõ, không biết là định đặt chung cả người Tây người Nam hay là đặt riêng hai đẳng khác nhau. Chắc rằng cứ lý thời nên để người Tây người Nam cùng nhau bàn-bạc, hòa-hiệp với nhau, là phải hơn cả, hay hơn cả. Nhưng cứ thực thời khó lòng cho được như thế. Nay dân An-nam là số nhiều, dân Tây sang ở đây là số ít, chắc số nghị-viên An-nam nhiều gấp mấy mươi lần số nghị-viên Tây, phần An-nam tất được nhiều vé hơn phần Tây, cứ lẽ đương-nhiên thời phải như thế mới là công-bằng. Nhưng dân Tây có chịu như thế không? Thiết-tưởng không bao giờ chịu vậy. Đã không chịu kém thời tất cố đòi cho được ngang bằng số nghị-viên An-nam. Nhưng người Tây vẫn là có quyền có thế hơn người ta, trong một nghị-hội hai bên ngang nhau thời phần nghị-viên Tây tất là dễ át được phần ta đi mà chiếm lấy phần hơn, lẽ đó hiển-nhiên ai cũng hiểu. Vả lại không kể người Tây học-thức rộng hơn người Nam mà cái tính-tình cũng khác ta nhiều; lại trong khi nghị-luận chắc dùng tiếng Pháp thời người ta dẫu thật giỏi tiếng Pháp cũng không tài nào cãi kịp được, huống trong dân ta hiện nay một trăm người không được một người nói thông tiếng Pháp thời đủ bàn-bạc sao được. Đó toàn là những có hai bên khó lòng hòa-hiệp mà cùng nhau bàn-bạc ở một nơi nghị-hội chung được, nhất là những khi hai bên lợi-quyền xung-đột nhau vậy. Cứ coi ngay các hội-đồng cùng nghị-hội người Tây người Nam họp chung xưa nay, bao giờ phần An-nam vẫn là kém số, kém vé, nói-năng không được tự-do, bàn-bạc không được hết lẽ, người Tây vẫn được phần hơn, thời đủ biết vậy. Vậy thiết-tưởng nên đặt các nghị-hội riêng cho người Tây người Nam là ổn hơn cả. Cứ lời quan Toàn-quyền thời dưới nhất có

các hội-đồng hàng tỉnh; trên có các kỳ-hạt-nghị-viện riêng cho mỗi xứ Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ, Cao-man, Ai-lao; trên nữa có Đông-dương-Thượng-nghị-viện chung cho cả năm xứ, tức như Chánh-phủ-nghị-hội ngày nay mà chức-quyền được rộng hơn nhiều. Các hội-đồng hàng tỉnh cùng các kỳ-hạt-nghị-viện thời chắc là thuận người ta cả, như hội Tư-vấn Bắc-kỳ ngày nay, nhưng quyền bầu-cử được rộng và quyền nghị-luận cũng được hơn trước. Duy có Đông-dương-Thượng-nghị-viện là phải lẫn cả người Tây, người Nam, người Mên, người Lào, thời bởi các lẽ đã nói trên kia xin chia ra làm hai ban: một ban gồm các nghị-viên Tây, thêm nghị-viên Mên và Lào, vì hai dân đó bé nhỏ ít người, không có quyền-lợi gì mấy; một ban gồm cả các nghị-viên An-nam của tam-kỳ (Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ); hai bên bàn-bạc riêng, như phải xét về một vấn-đề gì thời đưa cả hai bên xét, mỗi bên cứ quyết-nghị riêng, xong rồi đem ra đối-chiếu hễ hai bên cùng đồng-ý thời cái nghị đó mới thành án và mới chuẩn thi-hành được. Hoặc khác ý nhau, thời mỗi bên sẽ phái mấy người ủy-viên cùng nhau họp để thương-thuyết cho đồng-ý. Như vậy thời cái ban An-nam ở Thượng-nghị-viện Đông-dương đó, tức là cái nghị-hội chung của dân-tộc An-nam, là phần quan-trọng nhất trong cõi Đông-dương. Có cái nghị-hội như vậy thời cuộc thống-nhất trong nước ta mới thành được. Cuộc thống-nhất có thành được, thời nước Nam mới mong có ngày trở nên một quốc-gia hoàn-toàn, đó là cái hi-vọng chung của suốt cả dân An-nam ta vậy.

Quan Toàn-quyền là thống-lãnh cả cõi Đông-dương, nên ngài phải trù-tính chung cho cả Đông-dương, nhưng ta là dân An-nam là cái số nhiều nhất, phần trọng nhất trong cõi Đông-dương,

— Đông-dương không có ta thời Đông-dương là gì? — thật là đáng quan Toàn-quyền chú-ý riêng mà giúp cho ta đạt được cái hi-vọng như trên kia. Trong cái chương-trình cải-cách của ngài, chắc ngài sẽ rành cho dân ta một phần đặc-biệt vậy.

Ở cuối bài diễn-thuyết ngài có nói mấy câu về cách Chánh-phủ Bảo-hộ đối với Triều-đình ta ở Huế. Ngài nói rằng Chánh-phủ vẫn tôn-trọng các điều-ước, phạm cái gì quan-hệ đến quyền-chính của đấng Quán-chủ ta, không hề xâm-phạm bao giờ, vẫn hết sức giữ-gìn cho hoàn-toàn. Điều đó quốc-dân ta ai cũng từng biết, và vẫn cảm-phục cái lòng thành-tín của các quan Đại-Pháp sang cai-trị bên này. Nay Nam-kỳ không dám nói đến, vì là đất của Triều-đình đã nhượng cho qui-quốc rồi, còn Bắc-kỳ và Trung-kỳ theo điều-ước đều là thuộc chánh Bảo-hộ, mà trong khoảng mấy mươi năm nay vì công-việc Triều-đình còn bối-rối nên Bắc-kỳ với Trung-kỳ thành ra hầu như cách-biệt nhau, thật về đường danh-nghĩa chưa được phân-minh lắm. Nay nước Nam ta đã được cái hạnh-phúc có một bậc Trượng-quân sáng-suốt, muốn chỉnh-đốn lại mọi việc trong nước, vậy ta xin với Chánh-phủ Bảo-hộ cho Bắc-kỳ với Trung-kỳ liên-hiệp như trước, trước là cho thuận danh-nghĩa Bảo-hộ, sau là cho hợp thể-thống Triều-đình. Đó cũng là một sự hi-vọng tối-thiết của quốc-dân An-nam, sự hi-vọng ấy mà thành được thời là bước được một bước to vào con đường thống-nhất vậy.

Từ trên là nói về đường chánh-trị, nay nói về đường giáo-dục, giáo-dục với chánh-trị vẫn là có quan-hệ với nhau thiết lắm. Muốn cho đường chánh-trị được hoàn-toàn, thời trước nhất phải dựng nền giáo-dục cho xứng-đáng. Giáo-dục có tốt thời chánh-trị mới hay được. Nay việc giáo-dục dân

An-nam phải thế nào cho nước ta có đủ tư-cách một quốc-gia hoàn-toàn? Quan SARRAUT thật là người rất chú-ý về việc giáo-dục; cái chương-trình giáo-dục của ngài khởi đầu thi-hành mấy năm nay thật đã chu-đáo lắm. Ngài rành thấy cái khuyết-điểm của nước ta là ở bọn thượng-lưu, hiện còn thiếu những người có học-thức, có tư-cách mới, nên ngài vội mở ra nhiều trường cao-đẳng để kịp gây lấy những nhân-tài mới cần cho nước Nam bây giờ. Nhờ các trường cao-đẳng đó, bọn ta mới được nếm cái mùi học-thuật mới của Thái-Tây, trong ba bốn mươi năm ở dưới quyền bảo-hộ của Đại-Pháp ta vẫn chưa từng được biết, vì những trường Pháp-Việt của Chánh-phủ đặt ra từ trước đến nay, chẳng qua là để dạy cho người An-nam ít nhiều chữ tây đủ dùng làm những công việc hạ-lại ở các sở, đã gọi là giáo-dục sao được, đã gọi là đào-luyện nhân-tài sao được? Cái học ở các trường Pháp-Việt thật là không có giá-trị gì cả, khiến cho những người biết nghĩ so-sánh nho-học cũ với cái tây-học mới ấy không thể không than rằng nếu học tây như vậy thời thà rằng học nho còn hơn, học tây mà chỉ gây được cái tư-cách kém-cỏi nhố-nhăng như vậy thời có ích chi, không những không có ích, mà thật là hại cho nhân-tài trong nước; thậm-chí chính người Pháp cũng đã có người phải kêu lên rằng: « Ta dạy người An-nam như vậy là chỉ dạy chó nó biết đủ tiếng để làm đầy-tớ cho ta mà thôi. » Than ôi! trong bốn mươi năm trời, bao nhiêu những bậc thiếu-niên trong nước, đều là qua các trường Pháp-Việt mà ra cả, đều là học cái học vô-vị ấy cả; trách chi mà nước chẳng hiếm người! Vậy nay nhờ quan Toàn-quyền SARRAUT ta được hưởng cái cao-đẳng-giáo-dục của Đại-Pháp là cái giáo-dục xưa nay vẫn làm

cho nước mạnh người khôn, ta thật nên cảm cái công-đức ngài vô-cùng vậy. Song, tuy cái cao-đẳng-giáo-dục đã có, mà cái quốc-dân-giáo-dục vẫn chưa có. Thế nào gọi là quốc-dân-giáo-dục? Quốc-dân-giáo-dục là cái giáo-dục phổ-thông cho hết thầy người dân trong nước, ai ai cũng phải qua đấy, qua đấy rồi thời tuy chưa có cái chuyên-tài gì mà cái tri-thức thông-thường đã đều-đủ cả, người ấy dẫu sau ra làm việc gì, chuyên nghề gì, cũng dễ trở nên người có tư-cách. Cái giáo-dục ấy hiện nay nước ta đã có chưa? Quyết rằng chưa. Có trường sơ-học, có trường tiểu-học, có trường trung-học, có trường đại-học, mà cái quốc-dân-giáo-dục vẫn chưa có, là bởi sao vậy? Gốc quốc-dân-giáo-dục là ở quốc-văn, dẫu nước nào cũng vậy. Đưa trẻ con mới vào trường sơ-học, trước nhất phải học quốc-văn, là học cái tiếng nói chữ viết của nước mình. Đến khi đã biết đọc biết viết thông-thông thời lấy quốc-văn mà dạy các khoa thông-thường như tu-thân, vệ-sinh, địa-dư, lịch-sử, và trọng nhất vẫn là dạy cho thông quốc-văn. Cả bậc tiểu-học đều dạy bằng quốc-văn cả, chỉ trừ đến lớp trên mới bắt đầu học một thứ tiếng ngoài nào là thiết-dụng mà thôi. Như vậy thời đến khi ở tiểu-học ra cái tri-thức thông-thường đã đều-đủ cả, vì dạy bằng quốc-văn học trò dễ nghe dễ hiểu, trực-tiếp mà lý-hội được ngay, không phải mất công-phu, mất thì-giờ học qua ở một tiếng khác, mà học không đến nơi. Chắc bấy giờ thời chưa biết tiếng tây tiếng tàu gì cả, nhưng tiếng nước mình đã thông-thạo rồi, cái học-thức thông-thường đã có đủ cả, tri-tuệ đã tập biết suy-nghĩ xem-xét, tự đó muốn học thêm nữa hay là làm nghề gì cũng dễ, khác nào như cái đất đã bón-sôi kỹ, dẫu muốn trồng giống cây gì cũng có thể lên tốt được. Nay bậc tiểu-học ở các trường Pháp-Việt thật là trái-ngược

cả. Trẻ con từ khi bước chân vào trường là bắt đầu học chữ Pháp ngay, các môn phổ-thông đều dạy bằng tiếng Pháp cả, thành ra bốn năm năm trời ở nhà trường chỉ thuần học tiếng mà thôi, cả ngày từ sáng chí tối chỉ đương cõ mà gào « con lừa, con la », rút cục lại đến khi tốt-nghiệp thời chữ Pháp cũng chưa biết đủ mà những điều tri-thức thông-thường thời tuyệt-nhiên không có gì. Vì phạm học tiếng ngoài, chỉ phải dụng ký-ức, người ta truyền cho thế nào lặp lại như thế, cốt là nhớ không quên thời thôi, không cần phải suy-nghĩ gì cả, thành ra cái kết-quả là gây ra một bọn « khờu » chỉ biết truyền-khẩu, như quan Toàn-quyền nói trong bài diễn-thuyết vậy. Cái bước đầu đã sai-lầm như vậy thời lên đến bậc trên cũng vẫn giữ cái nếp như thế, học là chỉ chuyên-chủ học tiếng mà không biết suy-xét nghĩa-lý là gì. Ấy sự khuyết-hám to trong cách giáo-dục của nước Pháp ở bên này là ở đó, là bởi không có một nền quốc-dân-giáo-dục vậy. Nếu sự khuyết-hám ấy mà không bỏ-cứu lại được thời dẫu có trường cao-đẳng mà cái trình-độ học trong dân cũng không mong cao lên được.

Nay có một điều thật là có thể giúp cho việc giáo-dục được nhiều, là phái người sang du-học bên Đại-Pháp. Không phải là cho những trẻ con sang học các trường tiểu-học trung-học, khi trở về được cái bằng tú-tài tây là tốt cùng, nếu học như vậy thời học ngay ở đây cũng được, cần gì phải đi xa mấy nghìn dặm cho phiền. Không, cách du-học không phải thế. Du-học đây là thứ nhất kén những bậc lỗi-lạc trong các học-sinh tốt-nghiệp ở các trường cao-đẳng ở đây cho sang theo học thêm ở các trường đại-học bên qui-quốc cho kỳ bao giờ thành-tài mới về; thứ nhì là lựa những người tri-thức, đã đứng tuổi, dù là người cựu-học, dù là người tân-học, dù là nhà kỹ-

nghe có tài cũng được, cho đi sang du-lich khắp mọi nơi bên qui-quốc, vừa đi du-lich vừa chia ra mỗi người điều-tra nghiên-cứu về một việc riêng, người chuyên xét về việc giáo-duc, người chuyên xét về việc chánh-trị, việc công-nghệ, việc buôn bán, v. v. ; tức cũng như các « phái-bộ » hồi xưa, nhưng sắp-dặt cho chỉnh-đốn và kén-chọn cho đích-đáng hơn. Những phái-viên ấy khi về nước phải làm sách, phải diễn-thuyết để công-bố cho quốc-dân biết những sự mình đã trông thấy nghe thấy, đã kinh-nghiệm suy-xét được. Đó cũng là một cách giáo-duc phổ-thông, cái ảnh-hưởng có thể ba-cập được sâu và rộng lắm.

Thuộc về đường giáo-duc (1), còn nhiều việc cần nên làm nữa, như lập một cuộc tu-thư, sửa đổi lại thi-cử, văn-vân, không thể nói hết cả trong bài này được.

Hai đường chánh-trị giáo-duc là quan-trọng hơn cả, nên phải nói kỹ hơn; còn về đường kinh-tế, đường xã-hội cũng có nhiều phương-chức có thể dùng để thực-hành cái chánh-sách hiệp-lực và khai-hóa như trên kia. Về đường kinh-tế thời người Tây người Nam nên nhất-quyết kết-liên với nhau mà mở-mang sự buôn-bán, các công-nghệ trong nước, người Tây nên hết lòng giúp người Nam để giữ lấy lợi-quyền khỏi vào tay bọn Khách. Hiện nay các nhà đại-thương Tây vẫn chưa có bụng tin người An-nam cho lắm, nên từ trước đến giờ chưa cùng nhau lập chung được cái công-cuộc gì lớn; nay rất mong rằng Tây-Nam một lòng tin-cậy nhau, cùng nhau kinh-doanh mọi việc, đường kinh-tế trong nước tất được lợi-ích nhiều. — Về đường xã-hội thời phải làm thế nào mà liên-lạc người Tây người Nam,

gây lấy cái cảm-tình thân-mật, vì hai giống còn phải ở với nhau lâu, không thể ngờ-vực hiềm-ky nhau mãi được. Hiện nay phần nhiều người Tây người Nam vẫn còn cách-biệt nhau lắm, hầu như không biết đến nhau vậy. Cái tình-hình như vậy không thể để lâu được nữa, vì đã từng trải ba bốn mươi năm nay rồi, nay phải tìm cách bỗ-cứu ngay mới được. Gần đây có quan cai-trị OGER xướng ra cái « Pháp-Việt-công-gia », làm một chốn công-đồng cho những bậc thương-lưu hai nước tới-lui giao-tiếp với nhau cho thêm cái tình thân-mật. Cái bản-ý thời hay lắm, sự thi-hành cũng được nhiều điều tiện-lợi. Chánh-phủ nên chăm-chức mà làm thành được công-cuộc ấy thì còn gì ích-lợi bằng? Ở chốn nghị-trường người hai giống không nên chung-đụng nhau, là sợ rằng có khi lợi-quyền xung-đột sinh ra nhiều nổi bất-bình; nhưng về đường giao-tế thời rất là nên gần-gụi nhau, có gần-gụi thời mới quen biết, có quen biết thời mới dễ thương-yêu nhau được. Điều đó người An-nam chúng ta rất lấy làm mong mỏi lắm.

*
* *

Coi như trên kia thời cái chánh-sách của nước Pháp đối với dân An-nam ta quả là cái chánh-sách hiệp-lực khai-phóng vậy. Nếu cái chánh-sách ấy mà theo đuổi được đến cùng, thời cái tiền-đồ của nước Việt-Nam ta còn phải lo gì nữa? Cứ tuần-tự mà rồi có ngày trình-độ ta đã cao, tư-cách ta đã đủ, Chánh-phủ Bảo-hộ sẽ được nhẹ bớt cái công cai-trị mà có thể dần-dần trao lại cho ta cái quyền quản-trị mọi việc trong nước. Ngày ấy chắc còn xa, nhưng nếu ta cố công cùng sức, chăm-chăm mà đi cho tới mục-đích, nếu chánh-phủ cũng một lòng thành-thực giúp đỡ cho ta

(1) Thuộc về khoản giáo-duc này, phải nên bàn cho tường-tận lắm mới hết lẽ được. Đây chúng tôi chỉ nói qua cái đại-ý mà thôi, định sau này sẽ làm một bài chuyên-luận kể rõ về các sự nên cải-cách, thứ nhất là nên lấy quốc-văn làm tiếng gốc trong các trường tiểu-học.

thời lo gì mà chẳng tới được? Đến ngày ấy thời cái nghĩa hai chữ *khai-phóng* mới thật là được hoàn-toàn vậy. Vì *khai-phóng* nghĩa là gì? Là hết sức mở-mang cho được rộng đường phát-đạt, không bị ngăn-cầm bó-buộc, được tự-do tiến lên cho đến cái trình-độ thật cao vậy. Cái trình-độ rất cao cho một quốc-dân là gì? Là có đủ tư-cách mà quản-trị lấy công-việc mình, như người ta đã đến tuổi trưởng-thành vậy. Vậy bọn ta nên cố gắng lên, cố công mà luyện-tập thêm lên; có công tất người trên không phụ.

Quan SARRAUT thường nói rằng :
« Chúng tôi khai-hóa cho các ông, tức

là gây lấy những người thay chân chúng tôi đó. Tôi nói câu đó khi bạo, nhưng cái lẽ đương-nhiên như thế. Đến ngày công việc gì các ông cũng có người cả, gọi đến ai có người nấy, thời chúng tôi hẹp gì mà không để cho các ông quản-trị lấy công-việc nước các ông. Hiện nay thời còn phải học nhiều lắm mới được. » — Lời thành-thực, bụng quảng-đại thay! Quan Toàn-quyền đã nói chỉ cần phải học rồi có ngày nên, thời dám khuyên đồng-bào ta hết sức học đi, tập đi, đoàn-luyện cái tư-cách đi. Phương-ngôn đã có câu :
Có công mài sắt có ngày nên kim !

N. P.

CÁI THỂ-LỰC CỦA ĐỒNG TIỀN

— « La plus grande valeur humaine, c'est l'homme lui-même. »

ANATOLE FRANCE

Cái giá-trị cao nhất của loài người, tức là người ta vậy.

— 金錢兩字誤蒼生。 Hai chữ kim-tiền làm người đời.

Một nhà văn-sĩ nước Anh có nói một câu nửa khôi-hài nửa châm-biểu rằng : « Tôi có một su trong túi thời tôi cũng được làm vua thế-giới trong vòng một su ». Lời đó là để tả cái thể-lực vô-hạn của đồng-tiền vậy.

Đồng-tiền vẫn là có thể-lực, mà đời nay lại là có thể-lực lắm nữa, có thể nói cái thể-lực đồng-tiền bây giờ là cái thể-lực mạnh hơn hết thảy; dù phép vua, dù lệ làng, dù lễ cương-thường, dù sức phong-tục, cho đến lòng danh-dự, sự ái-tình là hai cái động-lực thứ nhất trong người ta, cũng không gì là địch nổi, cũng không gì là mạnh bằng.

Bởi đồng-tiền có cái thể-lực vô-song như vậy, nên người đời yêu, quý, trọng, thờ đồng-tiền không gì bằng. Đồng-tiền đã thành một vị thần tối-linh ở

đời nay. Cái thần Tài là cái thần ngày nay cả thiên-hạ đều sùng-bái, dù bên Tây dù bên Đông cũng vậy, mà nhất là ở cõi Nam-thổ ta trong giữa thời-đại bây giờ; vì ở đây sự sùng-phụng, lòng thành-kính cái vị thần mới ấy thật đã đem đến cực-điểm, và cách thờ thần cũng thật ngoan, thật khéo không đâu bằng.

Nay ta thử xét bởi đâu mà đồng-tiền có cái thể-lực rất to rất mạnh như vậy, và cái thể-lực ấy có phải là chánh-đáng không, cùng người ta đối với đồng-tiền phải nên thế nào, nên cam-tâm làm nô-lệ hay nên rõ mặt làm chủ-nhân, nên để cho đồng-tiền nó khiến mình hay nên ra tay khiến được đồng-tiền. Bàn cho võ mấy cái vấn-đề đó tưởng cũng là một việc có ích cho phong-hóa, giữa buổi trong quốc-dân

cái lòng trực-lợi đương thịnh-hành, làm mờ-ám cả tấm lương-tâm.

I

Xã-hội là một đám đông người, trong đó có kẻ hơn người kém, kẻ sang người hèn, tuy đối với pháp-luật phải nên bình-đẳng ai cũng như ai, mà cứ thực-sự thật là có một cái «trật-tự» rất phân-minh. Trật-tự ấy bởi đâu mà thành ra? Bởi cái giá-trị của người ta đối với xã-hội mỗi người có khác nhau, nên nhân đó mà đặt ra trên dưới thấp cao, nhân đó mà sinh ra bạc-tru khinh-trọng. Nhưng cái giá-trị ấy nữa, bởi đâu mà đặt ra, lấy gì làm bằng-cứ? Chắc rằng cái giá-trị đặc-biệt của mỗi người, nghĩa là cái phần tinh-hoa trong mỗi người, thời không thể nào mà biết rõ được, không lấy gì mà đo lường được, và cứ con mắt nhà triết-học thời người ta hơn kém nhau chỉ bằng cái giá-trị đó mà thôi. Nhưng xã-hội không phải toàn là những nhà triết-học cả, nên cần phải có một cái «biểu» những giá-trị trung-bình, để lấy đấy làm mẫu mà cân-nhắc sắp-đặt các hạng người, cho biết người hơn kẻ kém, người đáng trọng, kẻ đáng khinh. Bởi thế nên mỗi xã-hội có một cái «trật-tự» phân ra các hạng người, hạng nào là hạng quý-tộc, hạng nào là hạng thượng-lưu, trung-lưu, hạ-lưu, đều là do cái cách của xã-hội đánh giá trung-bình của mỗi người vậy. Cái cách ấy đời xưa với đời nay thật là khác nhau. Đời xưa thời xã-hội đánh giá người theo một cái tỉ-lệ thuộc về tinh-thần, đời nay thời xã-hội đánh giá người theo cái tỉ-lệ thuộc về vật-chất. Theo cái tỉ-lệ về tinh-thần thời trọng ở người nhiều mà trọng ở cái phụ-thuộc vào người ít; theo cái tỉ-lệ về vật-chất thời trọng ở người ít mà trọng ở cái phụ-thuộc vào người nhiều. Đã trọng ở người tức là trọng ở nhân-phẩm, ở cái gì làm ra nhân-

phẩm người ta, nghĩa là sự đạo-đức, sự tri-thức, sự tài-năng của mỗi người, là những cái tự trong người có, không phải mượn ở ngoài. Trọng ở cái phụ-thuộc vào người tức là trọng cái địa-vị, cái thể-lực, cái lợi-quyền của mỗi người, nghĩa là những cái không phải tự trong người có, ở ngoài phụ-thuộc vào. Coi đó thời biết hai bên giá-trị khác nhau là dường nào, một bên phải tự-lực làm ra mới được, một bên có thể mua chuộc ở ngoài mà được. Tự-lực làm ra mới được thời cái tài-liệu nó ở trong người, vì là gồm sự đạo-đức, sự tri-thức, sự tài-năng của mỗi người, nếu trong người không có, không thể kiếm đâu cho được. Mua chuộc ở ngoài mà được thời cái tài-liệu nó là của chung, vì chỉ ở cái địa-vị, cái thể-lực, cái lợi-quyền của mỗi người, nếu tự mình không có, có thể tìm-kiếm mà được. Nay muốn tìm kiếm cho được, thời dùng cách gì? Không nói tắt ai cũng biết: chỉ có một cách, là kim-tiền vậy. Vì đồng-tiền là cái đại-giá thông-thường của mọi vật ở đời, phẩm vật gì có thể mua chuộc được, đều là ở trong phạm-vi đồng-tiền cả. Như vậy thời địa-vị, thể-lực, lợi-quyền là cái giá-trị chung trong xã-hội, đều có thể lấy tiền mà mua chuộc được cả, mà đạo-đức, tri-thức, tài-năng là cái phẩm-giá riêng của mỗi người mới là không thuộc quyền trường-át của đồng-tiền vậy. Nay xã-hội chỉ chuyên-trọng cái giá-trị chung kia mà không biết đến cái phẩm-giá riêng này, thời đồng-tiền nghiêm-nhiên thành ra cái thước đo người, cái tiêu-chuẩn của xã-hội để đánh giá người, thật là một lẽ hiển-nhiên ai cũng rõ vậy. Cả cái trật-tự của xã-hội là lấy đồng-tiền làm «bản-vị», nghĩa là cái ngôi chính theo đó mà sắp-đặt các ngôi khác, các ngôi khác đều tùy-thuộc vào đó, lấy đó làm bằng, bởi đó mà ra.

Ấy bởi những nguyên-lý sâu-xa ấy mà đồng-tiền có cái thế-lực tuyệt-trần như vậy. Nay thử rộng trông cái hiện-tình trong xã-hội ta bây giờ, thật thấy quả-nhiên như thế, không sai một chút nào. Đồng-tiền thật là chúa-tể trong xã-hội ngày nay. Ngày xưa cái giá-trị của người ta là bởi sự-nghiệp làm nên; xã-hội trọng là trọng cao thời những bậc anh-hùng chí-sĩ, liệt-nữ cao-nhân, biết sống làm người một cách siêu-việt hơn người thường; vừa thời những người tu-nhân tích-đức, học rộng văn hay, làm vẻ-vang cho nhà-họ, danh-tiếng cho nước-làng, thấp thời hết thấy những người ăn hiền ở lành, chăm công cần việc, tuy không có tài-đức gì hơn người mà biết trọn cái bổn-phận làm người, biết lấy việc đời làm cần-trọng, không dám trái-ngược khinh-thường. Cái giai-cấp trong xã-hội rất nghiêm, không ai có thể dùng cách gián-tiếp mà vượt được; muốn tự thấp lên cao, phải từ-từ, phải lần-lần, phải trau-dồi nhân-cách cho xứng-đáng, tăng-tiến phẩm-giá cho cao hơn, mới mong bước lên được. Như vậy thời đạo-đức, trí-thức, tài-năng là phần chính-cốt, mà địa-vị, thế-lực, quyền-lợi là phần phụ-thuộc, một đẳng là lần; một đẳng là lót, có lần thời mới có lót được, có chính thời mới có thuộc, có cốt thời mới có phụ được. Ngày nay, trật-tự điên-đảo cả, giai-cấp lẫn-loạn cả, phụ lấy làm cốt, thuộc lấy làm chính, mà lót lấy làm lần vậy. Địa-vị, thế-lực, quyền-lợi át cả đạo-đức, trí-thức, tài-năng; cái giá-trị của người ta không bởi sự-nghiệp làm nên nữa, mà lấy kim-tiền mua chuộc được. Xã-hội đã không biết lấy nhân-phẩm mà đánh giá người, tất phải lấy cái tỉ-lệ ở ngoài người ta, mà cái tỉ-lệ ở ngoài người ta thời ngoài kim-tiền không còn có gì nữa, vì kim-tiền là nguồn-gốc của mọi sự cao-sang ở đời. Ngày nay xã-hội trọng là trọng những người

nào? Không phải trọng những bậc chí-sĩ cao-nhân, không phải trọng những người tài cao học rộng, không phải trọng những kẻ đôn-độc thuần-lương; xã-hội trọng là trọng những người nhiều tiền vậy. Giá-trị cao-thấp là ở túi tiền nặng nhẹ vậy. Nhiều tiền thời dẫu ngu-ngốc cũng là tài, ít tiền thời dẫu thông-minh cũng là độn. Có tiền tức là có địa-vị, có thế-lực, có lợi-quyền, là ba mối tuyệt-phẩm ở đời, mà lợi-quyền to hay nhỏ, thế-lực mạnh hay yếu, địa-vị thấp hay cao đều là bởi tiền nhiều hay ít vậy. Nhưng tiền làm ra địa-vị, ra thế-lực, ra lợi-quyền, mà có lợi-quyền, có thế-lực, có địa-vị mới lại làm được ra tiền, thành ra hai cái tự làm nhân-quả lẫn cho nhau, mà người ta không có ngày nào là thoát khỏi cái quyền áp-chế của đồng-tiền, mà người ta chung-thân là làm nô-lệ cho đồng-tiền! Cực thay, mà nguy thay!

Ôi! Kim-tiền, kim-tiền! người là cái chi chi mà tài ngang cùng tạo-vật, đức sánh với càn-khôn? Người là cái chi chi, là thần hay là ma, mà áp-chế loài người như vậy? . . .

II

Có tiền mới có địa-vị, có thế-lực, có lợi-quyền, mà có lợi-quyền, có thế-lực, có địa-vị mới có tiền: người ta thật là cả đời giam mình trong hai cái đường nghẽn ấy, không biết bao giờ thoát ra cho được. Thành ra cả công-việc ở đời, cả sự-nghiệp làm người, chỉ quanh-quanh ở hai chữ *kim-tiền*, có tiền mới chiếm được phần hơn trong xã-hội, có chiếm được phần hơn trong xã-hội mới có tiền, nhìn ngược nhìn xuôi, trông xa trông gần, đâu đâu cũng chỉ thấy hai chữ *kim-tiền* trói-lợi rục-rỡ, như hai vùng nhật-nguyệt chiếu-diệu cõi nhân-gian vậy.

Ngoài kim-tiền không có giá-trị gì nữa, có tiền mới có giá, nên nhất-ban xã-hội, từ trên chí dưới, đều chỉ có một

mục-đích, là kiếm lấy tiền, làm ra tiền, vét cho có tiền, cướp cho được tiền, muốn dùng cách gì thì dùng, dù dè-hèn, dù tàn-ngược, dù điên-đảo, dù xấu-xa đến thế nào mặc lòng, miễn là trong tay cầm được cái báu tuyệt-phẩm ở đời là đồng-tiền thời thôi. Đạo-đức là khôn kiếm tiền, trí-thức là giỏi kiếm tiền, tài-năng là khéo kiếm tiền. Ngoài tiền không có gì nữa, không có nhà, không có nước, không có tư-tưởng sự-nghiệp gì nữa, đến cái phẩm-cách con người cũng không có nữa. Cả xã-hội ví như một đám đông người chen nhau, đẩy nhau, xô nhau, đạp nhau mà đi cho tới cái núi vàng ở xa kia : phần nhiều người thời mỗi, mệt, ốm, chết ở giữa đường mà chung-thân không tới được, có một số ít người mau chân rảo cẳng hơn bước được tới nơi ; nhưng kỳ thay ! từ khi bước chân vào núi, tinh-thần lụng-vụng, đầu óc lao-đao, như si, như ngốc, như hôn, như mê, như có đám sương mù-ám che lấp cả cõi trần-gian, rồi mà tới ngọn thời người thành ra đá ! Ấy cả lịch-sử của người đời là như vậy, nghĩ có buồn không ?

Tiền đã công-nhận là cái của báu ở đời, người ta cố công cùng sức thu-hoạch cho được, nhưng đến khi được rồi, không những người không hay ra mà lại hư đi, không tốt hơn lên mà lại xấu kém đi, thời đủ biết rằng trong cái thể-lực của đồng-tiền có một cái mầm ác, một cái nọc độc ở đấy vậy. Bởi thế mà cái thể-lực của đồng-tiền hại như vậy. Bởi thế mà xã-hội nào chỉ biết lấy tiền làm cái giá-trị có một, cái mục-đích không hai, là xã-hội ấy đến ngày nguy-vong vậy.

Lẽ đó các bậc hiền-triết đời xưa đời nay đã từng diễn-giải ra rất tường. Các ngài dạy rằng kim-tiền cũng ví như mấy cái chất hóa-học kia, rất mạnh mà rất độc. Biết khéo dùng có điều-độ, biết hòa-hợp với chất khác, thời thật là thiên biến vạn hóa, ứng-dụng được vô-cùng, mau hơn điện-khí, mạnh hơn hơi nước.

Không biết dùng, không biết chế, thời cái độc-khí xông lên, làm cho mù mắt điếc tai, óc khô máu cạn, tiêu-tán cả tâm-thần tinh-lực người ta, cái hại không biết đầu mà kể. Đồng-tiền trong xã-hội cũng vậy, biết dùng thời làm cho nước giàu dân mạnh, không biết dùng thời làm cho nhà đổ nước tan. Tiền chẳng qua là cái đồ-dùng, không thể lấy làm cái mục-đích ở đời được. Một xã-hội chỉ biết lấy tiền làm trọng hơn cả, hết thầy làm nô-lệ cho đồng-tiền, là một xã-hội bỏ đi. Lấy đồ-dùng làm mục-đích, lấy « phương-tiện » (*le moyen*) làm « cứu-cánh » (*la fin*), không những là trái-ngược phép người mà trái-ngược cả luật trời nữa. Người ta sinh ra để phụng-sự, để thực-hành một cái lý-tưởng cao, hoặc cái lý-tưởng về đạo-đức, hoặc cái lý-tưởng về tài-tình, nghĩa là ai ai cũng phải cố-công cùng-sức trau-dồi cho cái nhân-cách mình hay hơn lên : đó là cái phép làm người, đó là cái luật của trời, người ta sở-dĩ hơn loài cầm-thú là chỉ vì biết theo luật phép ấy mà thôi. Nay người ta ngoài đồng-tiền không còn có cái lý-tưởng gì nữa, xã-hội ngoài đồng-tiền không còn biết cái giá-trị gì nữa, thời nhân-cách bởi đâu mà tăng-tiến lên được, phép người luật trời thể nào mà giữ cho trọn được ? Không những không tăng-tiến được mà mỗi ngày một suy-sút, không những không giữ trọn được mà mỗi ngày một đảo-điên. Nguy vậy thay !

Người ta sinh ra ở đời phải biết thờ một cái gì, hoặc thờ nhà, thờ nước, thờ Trời ; hoặc thờ sự đạo-đức, thờ sự học-vấn, thờ cái đẹp, thờ cái tinh ; phàm cái gì nó làm cho nhân-cách được thanh-cao, tâm-hồn được rộng-rãi là đáng thờ cả. Duy có thờ Tiền là đê-tiện hơn hết, vì chính đồng tiền là cái vật nó làm cho nhân-cách hèn-hạ đi, tâm-hồn eo-hẹp lại. Các vật kia là vô-cùng vô-hạn, càng lên càng cao,

càng nhìn càng rộng, khiến cho người ta hằng phải nỗ-lực mà theo đòi, càng ngày càng hay hơn lên, càng ngày càng đẹp thêm ra; chớ như đồng-tiền thời nó chỉ có nó mà thôi, đã được nó rồi thì không còn gì nữa, đã được nó rồi là được cái tuyệt-phẩm ở đời vậy. Cho nên đồng-tiền hại cho nhân-phẩm người ta là thế. Nó chặn con đường tinh-tiến của người ta, không những thế, nó làm cho người ta hôn-mê ám-muội đi, ngoài nó không còn biết gì nữa. Nó cũng như mấy vị thần bèn Ấn-độ kia, bắt ai đã theo thời phải theo cho đến chết, già đời không được biết đến thần khác, không những thế, lại phạm cái gì trái với mệnh-lệnh của thần mình phải ra tay phá đồ đi cho được.

Ôi! cái ác-hại của đồng-tiền đã là hiển-nhiên rồi, mà cái ác-hại của đồng-tiền ở nước ta ngày nay mới lại càng hiển-nhiên lắm nữa. Bút nào mà tả cho được hết cái hi-kịch hi-kịch của đồng-tiền đã gây ra trong xã-hội ta? Bút nào mà vẽ cho được hết cái tư-cách bỉ-đồi của những kẻ sống chết vì cái thần oan-nghiệt ấy? Những chước kiếm tiền, những cách dùng tiền của người mình, những lời ăn tiếng nói, những giảng-điệu đứng ngồi, những cách ô-mị xiêm-nịnh, những thói phóng-đăng kiêu-căng của những kẻ sang vì tiền, hách vì tiền, phải cái tài các nhà hi-kịch nước Pháp lúc thịnh-thời mới mong hình-dung tả-mạc cho hết, cho hết được. Nhưng ngoài cái nhớ-nhãng những hạng trọc-phú đó, lại còn cái đê-tiện của những kẻ tự-xung là thương-lưu mà vì tiền đến bán rẻ mất cả cái phẩm-giá con người tai-mắt trong nước; lại còn cái đều-giả của những kẻ hạ-lưu vì tiền mà đến gia-đình phá-hoại, cốt-nhục tương-tàn...

Ôi! Kim-tiền, kim-tiền, người là cái chi-chi mà độc, mà ác, mà làm cái vạ cho người đời như vậy? ...

III

Không, tiền không phải là ác, không phải là độc, không phải là cái vạ cho ai cả. Tiền là cái khi-giới rất mạnh ở đời cạnh-tranh này. Nhưng phải biết dùng mới được. Tiền là súng đại-bác, súng cối-xay; đem súng cối-xay, súng đại-bác mà nạt trẻ con hay là bắn chim sẻ, thì không có ích gì mà có khi đến tai-hại quan-gia; nhưng dùng đại-bác cối-xay mà bảo-thủ cho đất nước nhà, bảo-tri cho công-nghĩa nhân-đạo, thì đại-bác cối-xay rất là có ích, mà có khi đáng tôn-sùng như vị thần cứu-thế. Tiền cũng vậy, tự đồng-tiền không có giá-trị gì, giá-trị là ở người dùng tiền. Tiền là một cái vật để mà dùng, dùng hay ra hay, dùng dở ra dở, dở hay là ở việc dùng, ở cách dùng, ở người dùng; tiền không phải là một cái thần phải mê-tin, tiền là một thằng đầy-tớ giỏi được việc, nhưng phải biết sai biết khiến mới được, không thì nó lãng-áp cả chùa nhà. Ấy cả cái lầm của người đời là ở đó: là không biết coi tiền như thằng đầy-tớ, mà coi tiền như bậc thần-mình. Bởi đó mà tiền thành ra cái vạ cho xã-hội, hại cho nhân-cách, độc cho người đời.

Nay muốn lợi-dụng cái thế-lực của đồng-tiền mà không mắc phải cái ác-hại của đồng-tiền, thì phải làm thế nào? Phải đặt mình cao hơn đồng-tiền mới được; phải bắt được đồng-tiền làm nô-lệ cho mình mà không tự-cam làm nô-lệ cho đồng-tiền mới được. Phải để cái mục-dịch ở đời cao hơn sự kiếm tiền, mà kiếm tiền là chỉ để cho đạt tới cái mục-dịch đó mà thôi. Phải coi đồng-tiền như trong sách Phật gọi là một con đường « phương-tiện », không phải là cõi « cứu-cánh » ở đời. « Cứu-cánh » là chỗ tốt cùng, nơi tuyệt-đỉnh, như ngọn núi cao, đi đến đây là cùng; tức là cái mục-dịch cao-xa của một đời người, tức là cái lòng người ta tưởng-tượng mong-mỏi

phải được như thế mới là mãn-nguyên. « Phương-tiện » là những phương, những kế, những cách, những chức, dùng để cho đạt tới cái mục-dịch đó, để mà thực-hành sự hi-vọng đó. Một bên là chính, một bên là phụ, lấy phụ làm chính, thật là lắm to.

Nay người đời lấy sự kiếm tiền làm cái mục-dịch ở đời, lấy kiếm tiền được nhiều làm cái hi-vọng ở đời, là trước tự làm mình, sau ngộ cả cái công-đức của đồng-tiền vậy. Vì đồng-tiền mà khéo biết dùng, dùng phải đường, thật là có cái công-đức không gì bằng. Ý-tưởng hay, bụng-dạ tốt, mà không có tiền thì sao cho thành-hiệu-quả? Nhưng cốt-nhất là phải biết đem đồng-tiền mà thờ những ý-tưởng hay, giúp cái bụng-dạ tốt mới được. Mà cốt-nhất nữa là trước phải có cái ý-tưởng hay, cái bụng-dạ tốt ấy đã. Ấy cả cái yếu-thuật về sự dùng tiền là ở đó.

Ồ! ở đời có cái thể-lực rất mạnh, là cái thể-lực của đồng-tiền. Nhưng cái sức mạnh ấy là để cho người ta dùng, nên dù mạnh đến đâu, người ta cũng phải khiến cho được mới mong lợi-dụng được, dùng để nó khiến lại mình mà hao-tồn mất cái nhân-cách của mình, cái giá-trị làm người. Người ta phải làm chủ-nhân, mà đồng-tiền làm nô-lệ, chớ để cho đồng-tiền nó lụy mình. Ở đời không có cái áp-chế gì hại bằng cái áp-chế của đồng-tiền, vì cái áp-chế khác nó có làm cho người ta khổ-nhục mà người ta không bao giờ quên, bao giờ cũng có cái lòng muốn phản-đối lại mà mong đập-đổ cho được; duy có cái áp-chế của đồng-tiền là nó làm cho người ta tiêu-tán tâm-hồn, hôn-mê tinh-tính, cam-tâm vui lòng mà chịu. Cái áp-chế ấy, làm người phải biết phá cho được mới nên, không thì cả cái vẻ phong-thú, cả cái nghĩa cao-thượng của đời người sẽ bị tiêu-ma đi mất, tan cả vào trong cái mùi xú-uế của đồng-tiền.

Nói tóm lại, đồng-tiền vẫn là một vật rất có thể-lực ở đời, rất có công-đức với đời; nhưng cũng là một vật rất hại cho đạo-đức, rất độc cho tinh-tinh. Làm cho nước giàu dân mạnh, của khéo người khôn cũng là nhờ đồng-tiền; mà làm cho thói đời điên-đảo, nhân-cách suy-dồi cũng là bởi đồng-tiền. Đồng-tiền là con dao hai lưỡi, con rắn hai đầu. Những nhà có tiền, những người dùng tiền, những kẻ kiếm tiền, chẳng nên thận-trọng lắm rư? Nội như nhà danh-sĩ nước Anh rằng trong túi có một đồng su cũng đủ làm vua thế-giới trong vòng một đồng su, thời cũng khi quá thật, nhưng trong tay có một đồng bạc mà cái cách kiếm được đồng bạc ấy cùng cái cách tiêu-dùng đồng bạc ấy thật là có một phần quan-hệ đến thế-đạo luân-thường vậy. Những kẻ làm môn-đồ cho cái « kim-tiền-chủ-nghĩa » có từng bao giờ nghĩ đến thế không?

Bây giờ muốn cho cái thể-lực của đồng-tiền không hại cho nhân-cách mà có ích cho xã-hội, thời thiết-tưởng trước phải sửa cái tâm-lý của những kẻ có tiền cùng kẻ kiếm tiền, sau phải sửa cái dư-luận của xã-hội đối với đồng-tiền. Mà xét cho kỹ có lẽ cần phải sửa cái dư-luận của xã-hội trước nhất, rồi cái tâm-lý của người ta sẽ tự-khắc theo đó mà đổi dần về sau. Vì bởi đâu mà đồng-tiền ngày nay có cái thể-lực quá-đáng như vậy? Bởi xã-hội không trọng sự đạo-đức, sự tri-thức, sự tài-năng nữa, mà đặt cả cái giá-trị của người ta vào đồng-tiền, khiến cho đồng-tiền nghiêm-nhiên thành cái tỉ-lệ công-đề đánh giá người, mà người ta xô nhau đổ nhau cả vào đường trục-lợi vô-ngần, chỉ biết có một cái thần tiền mà thôi, ngoài tiền không còn có danh-nghĩa sự-nghiệp gì khác nữa. Nay xã-hội phải tu-tĩnh lại, gây lấy một cái quan-niệm chánh-đáng về cái giá-trị của người ta ở đời,

biết lấy dư-luận mà biểu-dương những người có chí, có đức, có tài, bài-kích những kẻ yêu-hãnh cậy thế cậy tiền; cũng trọng đồng-tiền mà trọng cho phải đường, trọng đồng-tiền khôn-ngoaan ở trong tay người tri-thức, không trọng đồng-tiền cuồng-dại ở trong tay kẻ ngu-si; lấy đồng-tiền làm cái khi-giới rất mạnh để giúp cho người ta chiếm được giữ được phần hơn ở trên trường cạnh-tranh của thế-giới, không coi đồng-tiền như một vị thần độc-tôn ở đời, bắt người ta phải đem cả sinh-mệnh phẩm-giá con người mà hi-sinh, mà cống-hiến vào đó, biến xã-hội thành một cái sông bạc lớn mà người ta là một lũ « keo » già... Cái khí-vị trong xã-hội đã trong-sạch rồi, thời cái tâm-lý của người ta tất thanh-cao lên; có cái dư-luận tốt tất dễ hun-đúc nên người hay. Người ta thấy xã-hội không trọng tiền nữa, không cho tiền là cái giá-trị độc-nhất-vô-nhị ở đời nữa, sẽ ra công mà gây lấy cái giá-trị khác cao-qui hơn. Chắc bao giờ cũng phải kiếm tiền, vì tiền là cái yếu-tố ở đời — *tiền-tài là huyết-mạch*, phương-ngôn đã có câu nói thế —, mà có lẽ càng ham cái giá-trị lớn, càng mưu những sự-nghiệp to, lại càng cần phải có tiền lắm, nhưng sự kiếm tiền bấy giờ không phải là cái mục-dịch ở đời nữa, mà chỉ là một cái « phương-tiện » để cho đạt tới, để mà thực-hành những mục-dịch cao-xa hơn. Những mục-dịch ấy, ai ai cũng phải có ở trước mắt, tuy tùy cái cảnh-ngộ, cái địa-vị, cái tài-năng, cái tri-thức của mỗi người có cao-thấp khác nhau, mà bao giờ cũng là vụ cho nhân-cách được hoàn-toàn, xã-hội được hạnh-phúc. Cái mục-dịch của nhà chánh-trị muốn đem tài kinh-luân mà sửa-sang việc nước, cái mục-dịch của nhà giáo-dục muốn đem tay sụ-phạm mà đào-tạo nhân-tài, với cái mục-dịch của người thợ nhỏ muốn đem hết cái khéo mà chế ra đồ đẹp cho đáng

của đáng công, với cái mục-dịch của người làm công thường chỉ mong kiếm được đủ cho vợ con được no-ấm, nhà cửa được thanh-thoai, tuy bấy nhiêu cái mục-dịch cao-thấp có cách nhau xa lắm, mà đều là những mục-dịch chánh-dáng cả, đủ khiến cho mỗi người tùy tài tùy sức nên tận-tụy một đời cho đạt tới. Người ta đã có những cái mục-dịch như vậy thời đồng-tiền là một cái « phương-tiện » rất mau để giúp cho chóng thành-công kết-quả. Nhưng trong khi tìm cái phương-tiện này, không nên quên cái mục-dịch kia, phải biết rằng cái phương-tiện này phải có cái mục-dịch kia mới có việc dùng, mới có giá-trị, không thời không đủ cho người ta nhọc lòng mệt trí mà tìm kiếm làm chi.

Nay những người vì chút hạnh-phúc riêng mà trong tay được cầm bạc vạn tiền nghìn, có cái tư-bản khá gây dựng được những sự-nghiệp tay đình, tuy lắm khi cũng vì khôn-khéo, bởi khó nhọc mới làm nên, nhưng đến được cái địa-vị ấy lại càng phải biết nghĩ lắm mới được. Các ông không cần phải là tay triết-học mới hiểu rằng tiền-của là cái của chung của đời, nhất-thời đong vào tay ai là người ấy phải mang một cái nợ với người đời, của càng nhiều nợ càng nặng, chớ không những là được một cái thế-lực hơn người mà thôi đâu. Các ông lại càng cần phải có một cái mục-dịch cao hơn người thường, mà đem dùng cái thế-lực rất mạnh của đồng-tiền để làm nên những sự-nghiệp to-lớn, ích-lợi cho xã-hội nhân-quần. Nước Mỹ là một nước có nhiều người giàu nhất trong thế-giới; những người giàu ấy không phải như phần nhiều người nước mình yêu-hãnh mà nên giàu, thực là bởi cái tài kinh-doanh to-tát mà nên giàu; vậy những bậc phú-hào đó, người nào cũng vậy, coi cái của của mình như một cái gánh nặng, có người ăn-năn lấy sự giàu-có như một cái tội

phạm với loài người, nên thi nhau mà xuất của ra để giúp những việc công-đức, việc khai-hóa, việc giáo-dục, việc cứu-tế, việc học-vấn, kể thì lập trường đại-học, người thì dựng nhà bệnh-viện, có người giúp tiền cho người ta làm những sự phát-minh mới lạ, có kẻ cấp tiền cho người ta đi thám-hiểm những đất phương xa. Người mình tuy chưa được bằng trình-độ người nước Mỹ, mà trong cái phạm-vi nhỏ của mình cũng có thể làm được việc ích-lợi cho nước. Chớ có tiền mà chỉ biết làm nô-lệ cho đồng-tiền, chỉ biết ngồi một xó mà bái-ngưỡng cái tượng vàng, thòi sao cho xứng-đáng? Không những không xứng-đáng, mà thật là một cái tội với loài người vậy. Những lúc bình-tâm tĩnh-lự, đêm vắng canh khuya, một mình một bóng, thử để tay lên

ngực mà tự mình hỏi mình trong cái tung-tịch cuộc giàu-sang bây giờ có cái mầm điên-đảo độc-ác nào ở đấy không? Chắc lúc bấy giờ những người còn chút lương-tâm, ai cũng thấy rung mình rợn tóc, muốn kip-kip đem của đời trả lại cho đời, để mong cứu vớt cho linh-hồn được siêu-thoát sau này. Kể cũng là một cách chuộc tội đó mà thôi...

Ôi! kim-tiền, kim-tiền là cái chi-chi, mà mạnh mà bạo như vậy; là thần hay là ma mà tác-phúc, mà giáng-họa cho người đời như vậy? Kim-tiền chẳng phải là thần, mà cũng chẳng phải là ma, chẳng chuyên tác-phúc mà cũng chẳng chủ giáng-họa cho ai: ma hay thần, họa hay phúc, là tự ở người ta vậy.

THƯỢNG-CHI.

CHẢY CHÙA HƯƠNG

« ... A mesure que la pitié des uns pour les autres, la fraternelle pitié prê-
« chée par Bouddha et par Jésus, faisait son chemin dans nos âmes aux tendances
« plutôt féroces, la notion se fortifiait en nous qu'il devait y avoir quelque part
« une Pitié suprême pour entendre nos cris, — et alors les sanctuaires devenaient
« de plus en plus des lieux de supplications et de pleurs... »

« ... La souveraine Pitié, j'incline de plus en plus à y croire et à lui tendre
« les bras, parce que j'ai trop souffert, sous tous les ciels, au milieu des enchan-
« tements ou de l'horreur, et trop vu souffrir, trop vu pleurer, et trop vu prier...
« Il faut qu'elle existe, quelque nom qu'on lui donne; il faut qu'elle soit là,
« capable d'entendre, au moment des séparations de la mort, notre clameur
« d'infinie détresse, sans quoi la Création, à laquelle on ne peut raisonnablement
« plus accorder l'inconscience comme excuse, deviendrait une cruauté par trop
« inadmissible à force d'être odieuse et à force d'être lâche... »

PIERRE LOTI

Le Pèlerin d'Angkor

Lòng người vốn độc-ác; cái đạo từ-bi của đức Phật-tổ, đức Gia-tô dạy cho người đời, càng ngày càng thấm-thía vào trong lòng thời càng ngày ta lại càng tin rằng tất phải có một cái thần Đại-từ Đại-bi ở một chốn nào để mà nghe những tiếng kêu tiếng khóc của ta, — từ đó thời những nơi lễ-bái càng ngày càng thành ra những chốn than-vãn xút-xùi...

...Ồi ! cái thần Đại-từ Đại-bi, càng ngày tôi lại càng đem lòng tin, tôi muốn dơ tay lên để cầu-cứu, vì tôi từng khổ-não đã nhiều, đi khắp gầm trời, trải khắp cảnh lạ, chỗ đẹp như bông-lai, chỗ ghê như địa-ngục, đi đến đâu cũng thấy người đau khổ, đi đến đâu cũng thấy người than-khóc, đi đến đâu cũng thấy người cầu-nguyên... Cái thần Đại-từ Đại-bi, phải có mới được, dù gọi tên gì mặc lòng, phải có để những khi sinh-tử biệt-ly đứng đứy mà nghe lấy những tiếng gào khóc vô-hạn-thâm-thê, không thời cái Tạo-vật kia không thể cho là giống vô-tri vô-giác được nữa, hèn quá xấu quá, thành ra cái Oan-nghiệt vô-ngần...

* * *

Bề khổ mênh-mông, bề từ trôi-nổi ; bên mê man-mác, bờ giác tịt-mù. Ở đời là khổ, làm người là lầm, dấu đạo nào từ xưa đến nay cũng dạy như thế, chỉ khác nhau ở cái phương-pháp đặt ra để giải lầm, để thoát khổ mà thôi. Nếu người ta từ lúc lọt lòng đến khi vùi-rập được sung-sướng trọn- vẹn cả, không phải sự gì phiền-muộn đau-dớn, không gặp cảnh gì trái-ngược thâm-thương, thời chắc ở đời không có thần-phật, không có đền-chùa, không có đạo-giáo gì nữa. Nhưng, than ôi ! cái hạnh-phúc hoàn-toàn không phải ở đời này, mà sự khổ-não gian-truân là thân-phận của người ta. Đã sinh ra kiếp làm người, ai cũng phải khổ, kẻ khổ ít, người khổ nhiều, có người mang cái đau-dớn ở trong lòng như con trùng độc hăng ngày nhấm gan đục óc, có kẻ đeo cái ủ-dột ở ngoài mặt như cơn mây tối che ám một góc trời thu ; có người khổ ngấm-ngấm như ngậm cay nuốt đắng, có người khổ vỡ-lở ra giọng khóc lời than ; mỗi người đau một vẻ, mỗi người khổ một nỗi, nhưng ai ai cũng đã từng đau khổ cả, ai ai cũng còn phải đau khổ nhiều. Thật người ta không có cái gì giống nhau, mà duy có cái khổ là chung nhau cả. Đã khổ tất sinh lòng cầu-cứu để mong cho thoát khỏi. Nhưng cầu-cứu ai cho được ? Chắc không thể cầu-cứu ở người đời được, vì phần nhiều, vì hết thấy sự khổ-não ở đời là bởi người đời làm ra cả, bởi cái lòng độc-ác của người ta tương-

tàn tương-tặc lẫn nhau mà sinh ra cả. Nay không cầu-cứu ở người được, thời cầu-cứu ở ai bây giờ ? Tất thân đau-dớn này, vì kẻ đồng-loại mà nên cơ-cực, biết đem ký-thác vào ai cho được an-toàn, biết kêu oan với ai, biết than-khóc với ai bây giờ ? Lại những lúc sống chết xa nhau, nửa đường đứt gánh, cái thâm đã đến cực, cái khổ đã đến cùng, lúc bấy giờ muốn gào muốn hét lên một tiếng lở đất vang trời cho cam, thời ai là người nghe cho ? ai là người nghe mà thấu, mà hiểu, mà biết, mà thương cho ? ai là người nghe mà mình tin rằng có người nghe đủ khiến cho an-ủi trong lòng, mát-mẻ trong dạ, có cái can-dảm, cái kiên-nhân mà chịu khổ cho đến cùng ? Tất là trên loài người phải có một Đấng cao hơn hết thấy, toàn-tri, toàn-năng, đại-từ, đại-giác, để mà chứng cho cái khổ-hải vô-hạn ở cõi đời. Đấng ấy là ai ? Là Trời, là Phật, là Thánh, là Thần, tuy danh-hiệu có khác nhau, tùy tập-tục của mỗi xứ, mà tính-cách đâu cũng một, tức là một Đấng Đại-từ Đại-bi, cứu-khò cứu-nạn, để những khi chán-chê cuộc thế, tê-tái nổi lòng, có chỗ mà qui-y cho an-đôn, có nơi mà than-khóc cho hả lòng. Đấng ấy mắt không trông thấy, tai không nghe thấy, mà trong lòng mong-mỏi, trong dạ khát-khao, trong trí tưởng-tượng, trong bụng cầu-nguyên, giữa những lúc cực chẳng đã, thế không sao, lại càng bồi-hồi mà tin cậy, nóng-nảy mà ước-ao ; Đấng ấy

không thể không có được, vì người đời khổ quá không có lẽ không ai biết đến; dẫu không có thật mà lòng người khản-nguyên như vậy, trí người yêu-cầu như vậy, không có cũng phải có, có trong tâm-hồn, trong tưởng-tượng người ta. Thật hay hư, hư hay thật, sắc không, không sắc, biết đâu? Chỉ biết có thời tấm lòng an-ủi, không thời tác dạ bần-khoăn. Bởi thế nên sinh ra các tôn-giáo, bởi thế nên dựng ra các đền chùa. Lấy cái tư-tưởng hẹp-hòi của nhiều người thời cho là những sự mê-tin vô-ích, nhưng cứ cái nguyên-lý sâu-xa trong tâm-tĩnh thời phạm sự lễ-bái là chánh-đáng cả, vì có cái ý-nghĩa thiết-tha. Chắc những khi sự lễ-bái đã suy-dồi mà thành ra một lối buôn-bán, buôn thánh bán thần, hay là bại-hoại mà thành ra những tục mê-tin, mê xằng tin nhảm, thời người trí-giả không thể sao dung được, nhưng bao giờ cái gốc sự lễ-bái là tự cái lòng tin-ngưỡng thâm-thiết của loài người, thời những khi ấy phải lấy bụng cân-trọng mà suy xét, không nên nhất-thiết báng-bổ, không nên nhất-thiết hoài-nghi cả. Người ta có cực mới phải cầu, cầu mà đỡ cực được thời chẳng phải là một sự hay ru? Cái lòng tin-ngưỡng của người ta là một mối cao-thượng, không nên khinh-thường mà bài-bác, phải nên cân-trọng mà kính-nghiêm.

Lòng tin-ngưỡng ấy giống nào dân nào cũng có, vì cái gốc đau-khổ là chung cho cả loài người. Tuy bọn thượng-lưu có học-thức hay khinh-rẻ mà coi thường, nhưng người thường-dân mộc-mạc phần nhiều nhờ đó mà giữ được cái lòng hi-vọng ở đời. Dân An-nam ta theo nho-học trong mấy mươi đời, mà nho-học là cái học chỉ vụ thực, Khổng Phu-tử nhất-sinh không biết đến thần-quyền, nên cái lòng tin-ngưỡng về tôn-giáo của nước ta sánh với các nước khác thấp kém lắm, thật là thiếu mất một cái sức mạnh rất to trong xã-hội

vậy. Nước người ta vì lòng tin đạo mà dựng nên những nhà giáo-đường to lớn, những chốn tinh-xá minh-mông, nước mình trong suốt cõi được rằm ba nền chùa nát, một vài góc miếu siêu, coi đó thời đủ biết cái « tôn-giáo-lâm » (*le sentiment religieux*) của người mình thật là lạnh-nhạt vậy. Ở những chốn thành-thị phiền-hoa thời sự lễ-bái đã nghiêm-nhiên thành một cách hồi-lộ vô-ngần; người ta đối với thần-thánh chẳng khác gì lũ dân ngu xử với bọn quan tham, tưởng cứ lễ-lót nhiều là được ơn-huệ to. Như vậy thời còn gì là cái lòng tin-ngưỡng cao-thượng nữa?

Người mình không giàu cái lòng tin-ngưỡng về tôn-giáo bằng người các nước, sự đó đã quả-nhiên rồi, nhất là trong bọn thượng-lưu trung-lưu đã nhiệm sâu cái « vô-thần-chủ-nghĩa » của Khổng-giáo. Nhưng trong dân-gian, những người thật-thà mộc-mạc, gần cái bản-tính thiên-nhiên, chắc còn giữ được cái bụng tin thành-đốc chơn. Muốn xét nghiệm xem cái bụng tin ấy phát-biểu ra thế nào, không gì bằng đi coi những nơi chầy lễ, hoặc là đền-phủ, hoặc là chùa-chiền. Ở Bắc-kỳ ta có mấy nơi chầy lễ có tiếng, mỗi năm đến ngày vía ngày tiệc kê hàng mấy vạn con người ở thập-phương kéo lại, thật là những trường thi-nghiêm rất tốt cho người muốn khảo-cứu về cái lòng tôn-giáo trong quốc-dân ta; như chầy Phủ Giầy, chầy Kiếp-bạc, chầy chùa Hương. Phủ-Giầy Kiếp-bạc cùng mấy nơi khác nữa thời tuy sự lễ-bái cô thịnh mà đã biến thành những chợ buôn thần bán thánh cùng những trường luyện quỷ trừ ma, không còn gì là cái hứng-vị về tôn-giáo nữa. Duy có chùa Hương hòa-hợp cái thú thiên-nhiên một nơi phong-cảnh có một trong cõi Bắc với cái nghĩa màu-nhiệm một đạo tu-hành rất cao của trời Tây, là chốn cao-thượng hữu-tình hơn cả. Đổng Hương-tích, thuộc huyện-phận làng Đục-khé

Yến-vĩ, phủ Mỹ-đức, tỉnh Hà-đông, tục truyền là nơi hóa-thân của đức Phật-bà Quan-âm. Đức Quan-âm theo trong sách Phật không phải là Phật-bà; và đạo Phật vốn không có phân-biệt nam-thần nữ-thần, chỉ có chia ra các hạng Phật mà thôi: dưới Phật có hạng Bồ-tát (*bodhisattva*), là bậc tu hành đã gần trọn đạo, chỉ còn một kiếp nữa là thành Phật. Đức Quan-âm chính là bậc Bồ-tát, cứ trong kinh Ấn-độ tức nhất-danh là A-va-lô-ki-tát-va-la (*Avalokiteçvara*). Trong kinh nói rằng ngài đã sắp thành Phật, mà chưa muốn vào cực-lạc vội, ngài tự phát-nguyện rằng: bao giờ nhất-thiết chúng-sinh trong trần-thế đều thoát-khỏi thoát-nạn cả, bấy giờ ngài mới chịu thăng Phật, hễ còn một mảy bụi trần bị trảm-luân thời ngài còn ra tay tế-độ. Ôi! từ-bi thay là đạo Phật! huyền-diệu thay là lẽ Phật! Thế mà đức Bồ-tát Quan-âm tự Tây-thiên sang Trung-thổ, tự Trung-thổ xuống Nam-phương, nghiêm-nhiên biến thành một vị nữ-thần! Hay là đức Bồ-tát cao-xa quá mà người thường muốn vẽ hình thờ không biết hình-dung ra làm sao, bèn nghĩ ra hình người đàn-bà để biểu cái lòng từ-thiện nhân-hòa? Cũng có lẽ, nhưng Bồ-tát nhất-biến thành nữ-thần mà nữ-thần nhất-biến thành bà « Quan-âm tống-tử », tức gọi nôm có khác gì là bà chùm bọn đàn-bà hiểm vậy. Từ đó quốc-dân tôn-sùng đức Quan-âm là chỉ vì tin rằng ngài có phép giúp được sự sinh-đẻ cho người ta! Than ôi! đạo Phật vẫn là hay, phép Phật vẫn là màu, mà truyền cho một dân cái trình-độ thấp kém, không có lòng tin-ngưỡng cao xa, cái kết-quả thành ra như vậy. Buồn thay! — Rồi mỗi ngày người ta một phụ-họa vào, bịa đặt ra những chuyện công-gai vua Trang-vương hóa-thân thành Phật, chuyện nàng Thị-Kính cắt râu cho chồng, tuy đều là có ý khuyến-giới cả, mà sánh với tích cũ

trong Tam-Tàng cách xa biết bao nhiêu!...

Bình-sinh vốn ưa sách Phật, miễn mùi thuyề, những lúc chán-ngán nỗi đời tưởng giả đem gửi mình ở chốn am-thanh cảnh vắng cũng ngoan. Lại mang cái tư-cách nhà-học-giả, phạm sự lý muốn sưu-sách cho cùng, lắm lúc nghĩ đến cái lòng tôn-giáo bạc-nhược của người mình, sánh với cái bụng tin-ngưỡng cao-thượng của người ta, mà riêng than rằng giống mình thật lắm nỗi kém hèn, muốn tìm xem có kế nào chấn-hung được tôn-giáo ở nước nhà không, nên vẫn có ý muốn đi du-lãm những nơi danh-lam cổ-sái để chiêm-nghiệm cho biết chân-tinh.

Vậy mùa xuân năm nay, tháng hai ngày 18, là ngày hội Chùa, cùng với bạn là Trần-quân và Phạm-quân đi chày chùa Hương. Lại thêm một ông bạn chung nữa là Sa-công, ông chính là người đồng-châu với Phật-tổ Thích-già, lạc-loài đến cõi Nam-thổ này, vì thanh-khi lẽ hăng cùng với bọn mình gây thành một cuộc giao-tinh thân-mật. Ông sắp phải viễn-biệt anh em, nên anh em muốn rủ đi, trước là vẫn cảnh thăm chùa, sau là cùng nhau chuyện-trò trước khi xa vắng. Phạm-quân Trần-quân hai người thời cũng có thể gọi là hai bậc chí-sĩ ở nước ta ngày nay, tuy chưa làm sự-nghiệp gì cho người biết mà thật là một lòng yêu nước không ai bằng. Một đoàn du-xuân, bốn người đồng-chí, dẫu cảnh không đẹp, tiết không xuân cũng đủ vui thay, hưởng lại giữa tiết thiều-quang, cùng nhau đan-diu trong một chốn phong-cảnh tối hữu-tình!

Từ Hà-nội về Chùa có hai đường: một đường Hà-đông, một đường Hà-nam. Đường Hà-đông, là đường bộ, đi xe hơi mau hơn, chỉ trong khoảng một ngày vừa đi vừa về được. Nhưng bọn mình đã đi du-xuân mà lại thêm cái mục-dịch khảo-cứu nữa, nếu vội-vàng

hấp-tấp như vậy thời còn thú chi mà có ích chi? Vậy anh em định đi đường Hà-nam là đường thủy, tuy chậm hơn mà cộ phong-thú hơn. Chiều ngày 17 đi chuyển xe lửa cuối cùng xuống Phủ-Lý. Đã hẹn trước với Bùi-quân ở Châu-cầu mượn chiếc đò đọi sẵn. Tám giờ tối tới nơi. Bùi-quân cho ăn cơm rồi cùng bọn mình xuống đò. Ước 10 giờ đêm, trời sáng trăng suông, gió hơi hiu-hắt, thuyền dương buồm chạy, lên bến Đục-khê. Đêm khuya thanh-vắng, sông rộng bờ cao, giữa khoảng trời nước long-lanh, tiếng ca-nhi thánh-thót, giọng du-tử hề-hà, cũng phảng-phất được ít nhiều cái thú của các bậc cao-nhân danh-sĩ đời xưa lấy bầu rượu túi thơ mà sánh với non xanh nước biếc...

Thuyền chạy cả đêm, ước tám giờ sáng thời đến bến Đục. Khách lên bộ, cho thuyền đọi đó. Đi một thôi đường, qua mấy cái chợ, rồi đến bến đò suối, là đường đi thẳng vào Chùa. Mấy bữa trước đã có viết thư nói chuyện bọn mình chẩy Chùa với Nguyễn-phủ-đài, là quan sở-tại ở đấy, lại là một người bạn cũ của báo *Nam-Phong* này. Nên hôm ấy phủ-đài có sức cho dân-phu dọn chiếc thuyền quan đón sẵn. Nhờ ngài mà bọn mình khỏi phải cái cực tranh đò với hàng xóm. Thật trông cái cảnh-tượng nơi bến đò đó mà thảm thay. Hàng nghìn con người đứng chực, có người đứng từ tang-tảng sáng, chốc mới có chiếc đò chở khách trong Chùa ra, khách dưới chưa lên, khách trên ồ xuống, đò bất-quá là một chiếc tam-bản dựng được mười người là nhiều quá, thế mà mỗi lúc xô xuống đến hai ba mươi người, vừa gồng vừa gánh, vừa siêng vừa cộ, đò chệnh nghiêng chệnh ngửa đi, lắm khi chỉ còn mấp-me mặt nước, tưởng chỉ ngồi nánh một tí là đổ cả người lẫn đò xuống nước, nhiều người ướt cả quần áo, mất thắt-lưng tay-nải, dây-dép áo-khăn là thường. Thật là hỗn-độn cầu-thả, không có lẽ-

luật phép-tắc gì cả. Nguyên chỉ có làng sở-tại đó mới có quyền chở đò suối, đón khách vào Chùa cùng đưa khách ở Chùa ra, quyền ấy tức là một cái « chuyên-quyền » (*monopole*) không ai tranh được. Làng có ước 80 chiếc đò, vừa ra vừa vào, ngày ít khách thời chở đủ mà những ngày nhiều khách, nhất là mấy ngày hội, thời quyết là không sao suê được. Cứ như lời quan Phủ thời riêng một khoản đó làng mỗi năm cũng thu được tới 5 ngàn bạc, thật là một món thù-nhập to, nếu khéo biết quản-trị kinh-lý thời gây nên cái tư-bản lớn làm được nhiều việc công-ích cho dân-đoàn. Nhưng không những không kinh-lý quản-trị được, mỗi năm thu được bao nhiêu lãng-phí đi mất cả, mà cả làng lại chỉ trông vào một khoản đó mà ăn, ngoài không có nghề-nghiệp gì. Đã không có nghề-nghiệp gì, lấy đấy làm sinh-nhai, mà cách sắp-đặt vụng-về như vậy, hỗn-độn như vậy, thời đủ biết người mình hèn thật. Đàn anh trong làng, anh nào cũng chỉ biết khu-khul lấy một mình, không ai nghĩ đến việc lợi hại chung, thời trách nào mà công việc chẳng hư-hỏng. Nay bọn đàn-anh nếu biết khôn-khéo ra thời nên chỉnh-đốn lại cái cuộc chở đò suối đó thế nào cho vừa tiện cho hành-khách, vừa lợi cho dân làng. Trong làng có bao nhiêu đò, của những ai, trước hết phải kê ra cho rõ. Ngày vắng khách cho chạy một phần, ngày đông khách cho chạy hết cả. Phải đặt ra từng chuyến, định giá nhất-định, hạn mỗi chiếc chở bao nhiêu người là vừa, không được hơn. Trên bến đặt một cái nhà cho các người phân việc ngồi, người phát vé thầu, tiền, người coi việc cảnh-sát, người ràn khách xuống đò, v. v., chọn trong những hạng đàn anh có vai-vế, mỗi ngày cắt phiên nhau mà làm. Hành-khách trước khi xuống đò phải lấy vé, rồi cứ thứ-tự mà xuống, người trước xuống trước, người sau xuống sau, không được tranh nhau hỗn-

đón. Các người phân việc phải nhanh-nhẹn khéo-léo, trông có những người già cả yếu đuối thời liệu cho xuống trước, đưa giắt cho khỏi vấp-ngã. Thứ nhất là trên bến phải đặt ra hai chỗ cách nhau : một chỗ để đỗ khách lên, một chỗ để đón khách xuống, chớ hiện nay chiếc đò chưa ráp bờ, đã kể lên người xuống xôn-xao, xô đẩy vấp-ngã, thật là hỗn-dầu, không có thứ-tự gì. Mỗi ngày thu được bao nhiêu, nếu phải chia cho các chủ đò thời cứ chiếu số mà quân-phân, trừ ra bao nhiêu phân làm của chung và làm lương-bổng cho người phân việc, nếu là của làng thời nhập vào công-khố. Muốn giữ cho những người phân-việc khỏi gian-trá thời bao nhiêu vé phát phải đánh số, mỗi cái phải có tiên-thứ-chỉ ký tên, sáng ngày trao ra bao nhiêu, tối đến phát hết bao nhiêu, phải trình công-đồng cả tra biết, v. v. Nói rút lại cốt nhất là phải sắp-đặt thế nào cho vừa tiện cho hành-khách mà lợi cho dân làng. Hành-khách được tiện thời dẫu mất hơn tiền ra cũng không mấy người quản, mà khéo chiều khách, khéo sắp-đặt thời làng càng được lợi nhiều. Nhưng người mình đã không có tài gì, mà cái thuật kinh-tế kiếm tiền cũng ít có ; còn mong chi ? . .

Đi đò ước chừng mất một giờ, phong-cảnh thật là ngoạn-mục. Hai bên núi đá, một giòng sông con chảy giữa, núi thâm-thấp, nước quanh-co, coi thật như một bức tranh sơn-thủy của tàu. Càng nhìn lại càng phục cái họa-học của người Tàu, nhất là cái lối thủy-mạc, thật là khéo vẽ những cảnh thiên-nhiên, màu trời sắc nước, mùi cỏ bóng cây, mung-lung phiêu-diêu, như gần như xa, các nhà danh-họa tàu thật là có tài diễn-xuất được cái thi-vị phảng-phất trong cảnh-vật, như mang cái tinh-thần người ta vào trong cõi mộng tuyết-trần. Ngồi trong cái đò lênh-dênh ở giữa khoảng non-nước này, tưởng như đứng trước một bức tranh Thạch-tiên

cực lớn ; mà lắm khi đứng ngắm lâu một bức tranh sơn-thủy lại tưởng-tượng như chính mình thiết-thân ở giữa cái cảnh non nước này : họa-thuật mà đã đến được bậc ấy, đến bậc biến thực ra mộng, mộng ra thực, khiến cho trong trí người ta mơ-màng không biết mộng hay là thực, thực hay là mộng, thời thật là tuyệt-diệu vậy. Người Tàu đã có cái họa-học như lối tranh thủy-mạc, lại có cái thi-học như lối thơ Đường-thi, đứng trước nơi phong-cảnh hữu-tinh, ngâm lên một vài câu tuyết-diệu, thật không có cái thuật gì làm cho tinh-thần người ta tự-nhiên mà bay-bồng lên cõi tuyết-trần, nhẹ-nhàng vô-cùng, êm-ái vô-cùng, như nước chảy, như mây trôi. Núi cao quá thường làm cho người ta sợ, sông rộng quá thường làm cho người ta ghê, mà non kia nước này thật là vừa bằng cái sức người tưởng-tượng, nên coi ra rất là mỹ-miêu khả-ái. Mỗi dãy mỗi trái đều có tên riêng, tùy hình mà đặt : đây là con vâm đương ăn cỏ, trông cũng phảng-phất như hình con voi chực vòi xuống ruộng lúa, bên đầu lại có chỗ cong lại như hình cái tai, mới nhìn không ai nhận, mà đã có người gọi tên lên rồi thời càng nhìn càng thấy hết như con voi, mới biết cái danh-hiệu thật là có ảnh-hưởng đến sự tưởng-tượng nhiều lắm vậy ; lại kia là núi mâm xôi con gà, trông cũng muông-tượng như con gà đặt trên mâm xôi thật ! Òi ! cái trí biến-báo của người ta thật là vô-cùng vậy.

Đến nửa đường thời có « Đền Trình », ở dưới chân núi, về bên tay phải lối đi vào ; đây là thờ các vị sơn-quân canh rừng núi, giữ cửa Chùa, ai vào Chùa phải tới đây trình-diện trước ; nên gọi là « đền Trình ». Tức như vào cửa quan lớn phải hỏi cận lĩnh hầu vậy. Bọn mình cũng ghé thuyền lên đưa thiếp danh cho các cận « ba mươi » xin vào hầu Bà Công-chúa (vì đức Bà Quan-âm theo tục-truyền thừa binh-

sinh tức là con gái vua). Chứa Ba đọc thấy tên mấy người mình, chắc ngạc-nhiên mà tự hỏi bọn này vào đây làm gì, quyết không phải là đề cầu của cầu con, kêu van lạy lễ như người khác, cũng không phải là làm mặt tri-thức, ngao-du khoáng-dăng, đề ngao-mạn kể bình-thường, nhưng ngẫm nghĩ hồi lâu tất ngãi hiểu rằng bọn mình là mấy kẻ ham học mà chán đời, thường tận-tụy vì một cái lý-tưởng cao-xa mà khổ vì người đời chệnh-mảng, muốn đem cái tâm-hồn trong-sạch chịu cái cảm-hứng thanh-cao ở dưới bóng Bồ-đề, trên non Thửu-linh. Ngãi đã hiểu cái tâm-sự mình như thế, tất ngãi cũng khoan-dung cho bọn mình tuy không biết biểu-lộ cái lòng tôn-kính ra bề ngoài như người khác mà trong lòng thật là cần-trọng, không dám lấy việc tin-ngưỡng làm sự khinh-thường...

Gần trưa tới chùa ngoài, tức chữ gọi là Thiên-trù, nghĩa là cái « bếp trời », là chỗ sửa-soạn đồ lễ vật để vào dâng trong động. Tuy tên nhỏ mọn như thế mà nghiêm-nhiên là một tòa đình-vũ nguy-nga, ở giữa một cái cao-nguyên, bốn bề toàn núi, trông rất là có thể-thế. Cách kiến-chúc tuy không có gì là khéo là đẹp, mà to-lớn lực-lưỡng, thực là xứng-đáng với cái cảnh chung-quanh, coi đủ biết là chùa giàu, tiền thâm-nhập nhiều, số chi-tiêu rộng. Nghe đâu mỗi mùa số khách thập-phương tới 5 vạn người. Cứ bỏ rẻ mỗi người cúng vào chùa một đồng bạc, thời mỗi năm nhà chùa cũng thâm-nhập tới năm vạn bạc: công-ti buôn nào mà đồng-niên lờ-lãi được bấy nhiêu? Nguyễn-phủ-đài trưa hôm ấy cũng tới Chùa, đề cùng bọn mình chia cái thú dâng-lâm, ... dâng-lâm vào giữa giờ ngọ, nắng mặt trời tới ngoài 40 độ! Phủ-đài nói chuyện tiền thâm-nhập to lớn như vậy toàn nhà-chùa quản-trị lấy, dân sở-tại cũng không biết mà

quan sở-tại cũng chẳng hay. Số tiền ấy mà khéo biết dùng thời kinh-doanh việc chi mà chẳng được. Nhà chùa tuy cũng có sửa-sang vào Chùa, mà chắc không hết được, tưởng nên hết sức mà kinh-lý cho rất chỉnh-dốn thời mới xứng-đáng. Hiện nay cái qui-mô nhà chùa đã to rộng lắm, và chung quanh những núi cũng không thể khoáng-trương ra được nữa, nhưng cái nội-dung cần phải sắp-đặt lại cho tiện khách thập-phương, những ngày hội đông vẫn chưa có chỗ ăn chỗ ngủ, tối đến nằm vạ nằm vật coi bỉ-tiện lắm. Đã hay rằng người có lòng thành đi lễ không quản gì sự kham-khở, song người ta phải có phẩm-cách con người, chỗ ăn chỗ ngủ phải cho xứng-đáng mới nên. Hưởng chùa không phải là khổ-hạnh gì mà bạc-dãi kể thập-phương thật là sai lòng từ-thiện. Song cũng phải biết cho rằng mấy ngày hội thật là đông người quá, không thể đựng vào đâu cho hết được. Đến ngót vạn con người họp vào một chỗ, kể cũng nhiều thay! Nay thử coi trong đám đông ấy có gì là cái « tôn-giáo-tâm » thành-đốc, cái lòng tin-ngưỡng thâm-thiết hay không?

Các đám đông ở nước mình thật là không có kỷ-luật, không có trật-tự gì cả, rất tạp-đạp, rất hỗn-dộn, dầu ở nơi lễ-bái kính-trọng cũng kể đi người lại, kể đứng người ngồi, nói nói cười cười, kêu kêu gọi gọi, ồn-ào lộn-xộn, khó mà nghiệm cho được cái tâm-lý những người ngẫu-hợp lại đó. Lại thêm khói hương ngùn-ngụt, mùi người xông ngạt, tiếng chuông, tiếng chõng, tiếng mõ đình tai, đủ khiến cho nhà khảo-cứu như vào chốn mê-li, chẳng biết chỗ nào mà dò. Song nhận cho kỹ, dầu trong đám ồn-ào đó mà cũng có nhiều người cái mặt rầu-rầu, con mắt dim-dim, như ngoan như dộn, như đại như ngậy, tưởng giá sét đánh bên mình cũng không tỉnh. Những người ấy chính là người thành-

lâm-tin-ngưỡng đó, chớ không phải những kẻ lau-chau lấu-tấu, miệng khấn tay vái, nào xụt nào xùi, bao nhiêu sự tâm-niệm thành-kính là ra chân tay mồm miệng cả. Chắc cái lòng tin-ngưỡng của người mình cho thâm-thiết đến đâu cũng không có cái tính-cách hăng-hái hoạt-động như lòng mê-đạo của người Âu-châu đời xưa hay là người Ấn-độ bây giờ. Tính người mình hiểu-tĩnh, và đạo Phật lại là đạo « thiên-định » (*dhya-na*), lấy định-lĩnh-tĩnh-thần là hay hơn cả, nên cảm-hóa người ta là êm-đềm thấm-thía, dần-dần mà tới, lần-lần mà vào, nhưng đã cảm đến nơi rồi thì như mát-mẻ trong lòng, khoan-khoái trong trí, như thoát ra ngoài chốn trần-ai mà siêu-thăng lên cõi cực-lạc vậy. Nên đạo Phật không có làm cho người ta mê-tin bao giờ, ai tin là tỉnh mà tin, sáng mà tin, lấy làm êm-đềm vui-thú mà tin. Song đạo Phật không làm cho người ta mê-tin mà cũng không khiến được người ta vị-đạo mà đến hi-sinh mình đi được, như trong các tôn-giáo khác; đó cũng là một cái nhược-điểm của đạo Phật vậy.

Giữa trưa thời cả đoàn chẩy vào « Chùa trong », tức là vào động. Có đem theo mấy bộ dăng-sơn để phòng chỗ nào mỗi chân thời lên cho đỡ mệt. Nhưng bọn mình xem ra ai cũng có cái « lòng tôn-giáo » cả, nên ai cũng đủ sức nhẫn-nại mà chịu được chân-chồn gối mỏi, miệng khát cật nóng, trong ngót hai giờ đồng-hồ, không cần phải dụng đến dăng-sơn mấy. Kể đi như vậy đương giữa trưa cũng mệt thật, không phải rằng đường đi có khó-khăn nguy-hiểm gì, nhưng lắm chỗ giốc quá cứ trèo ngược mãi lên, mỗi bước như hai chân phải nâng cả ngót năm chục cân nặng cái thân-thể mình lên, nên mỗi quá nhọc quá. Người nào phi-mập đến bảy tám mươi cân mà cứ trèo như vậy luôn trong hai giờ không nghỉ, trên thời trời nắng trang-trang, tưởng

đến đứt hơi ra được. Nhưng hai bên đường đã có hàng quán, tùy độ đường mà đặt, đến chỗ nào mỗi mệt thời đã có sẵn nơi uống nước nghỉ chân. Lại người đi lũ-lượt, kẻ ra người vào, chân bước miệng « Nam-mô », coi rất vui, cũng quên được sự mỗi mệt đi nhiều. Có lắm bà cụ đã già mà đi sơn-són, như ta đi ngoài đường phố, không ra dáng mệt nhọc gì, tin rằng đi việc lễ-bái phúc-đức thời Phật phù-hộ cho, coi đó đủ biết cái lòng tin-ngưỡng mạnh là đường nào. Không gì cảm-động bằng chợt đến khúc đường vắng, khuất núi cao, trông thấy bà lão già tay lần tràng-hạt, tay cầm gậy tre, chân đi bước một, miệng đọc « Nam-mô », tiếng vang-động bên sườn núi dưới gốc cây, nghe ai oán vô-cùng, tưởng như tiếng tự trọng thâm-lâm mà ra, kêu được hết cái nỗi đau-khổ của loài người. Đến những chỗ ấy, Trần-quân coi nét mặt rầu-rầu, giọng nói ngùi-ngùi mà rằng: « Không biết sao, mỗi lần tôi nghe những tiếng kêu-cầu ai-oán mà cái lòng thương nhân-loại nó lai-láng vô-cùng. Loài người ta thật là đau khổ quá. Nếu không cực-khổ thời sao có những tiếng kêu não-nùng như vậy. Biết rằng kêu với ai và có ai nghe hay không; nhưng những lúc khổ cực tưởng giá có người bảo cứ đập đầu vào trước hòn đá kia là bớt được sự khổ-não trong lòng, thời cũng nhiều người đập đầu mà kêu khóc được. Cái khổ ở đời thật là vô-hạn, mỗi lần nghĩ đến mà tôi thương người ta không biết thế nào mà nói... » — Ôi ! chính cái lòng thương người đó nó là nguồn gốc của mọi tôn-giáo ở đời. Cũng chỉ vì cái lòng thương sót người đời đau khổ, thương người đến vô-cùng vô-hạn mà những bậc giáo-chủ như Phật-tổ, như Gia-tô, mới kiệt-tinh cùng-tử, chịu khổ chịu nhọc để tìm cho người ta con đường giải-thoát. Bởi thế nên đạo nào cũng đáng tôn, nhất là những đạo lấy lòng từ-bi bác-ái mà cảm-hóa người

đời. Trần-quân xưa nay vẫn ham đạo Phật, lấy cái triết-lý của Phật-giáo làm cao-thâm, lại vốn mang cái chủ-nghĩa yếm-thế, nên vào đến chốn này, cảm cái khí-vị từ-bi nó phảng-phất trong cõi sơn-nham này, mà tự-nhiên lòng thương lai-láng, nói ra những lời bi-đát như vậy.

Đi qua « Giếng giải oan », là một cái giếng nước trong ở trong đá chảy ra, trên xây cái đền nhỏ bằng gạch thờ chư-vị, chỉ có một cái cửa nách con vào trong tối ồm, ngạt những mùi hương khói, chẳng trông thấy gì, khách thập-phương chen nhau vào mà lấy nước, nói rằng nước ấy ai đau mắt kinh-niên rỏ một giọt thời khỏi ngay. Lại bên cạnh giếng có một viên đá vôi, nhiều người lấy dao cạo lấy cái bột ở đây đem về để trị đau mắt. Không biết hai thứ thuốc tiên đó có chữa được nhiều người khỏi mắt không, nhưng chắc cũng lắm người đau thêm hoặc hỏng mắt vì đó. Song lòng người ta đã tin thòi dẫu độc cũng là hay. Cái tin-lực thật là cái sức mạnh đệ nhất ở đời vậy. — Lại đi qua chỗ « Cửa Vông », gọi tên là thế vì khi trước có cái cây lớn chằng giây thành cái vông, ngày nay cây đã đổ mất rồi. Đến nơi gọi là « Trấn-song » là chỗ treo lên gian-trước hơn cả, có cái giốc dựng cao tới hai-ba mươi thước tây ; ngày nay đã có bậc lên còn dễ hơn, chớ ngày xưa đi đến đây là nguy-hiểm lắm.

Đến hai giờ chiều thời vào tới động. Gần tới nơi phải đi giốc xuống một thòi, bóng cây u-âm, đá núi âm-thấp, đi trên đường nóng nực, đến đây thấy mát lạnh, rồi tới một cái cửa hang to, trông tối ồm, chỉ thấy lối nhỏ những đèn nền như sao sa, khói hương đưa lên như mây ám. Đó là động Hương-tích vậy. Mới thò đầu vào chỉ thấy khói hương xông-sắc ngào-ngạt, nước mắt nước mũi chan-chứa, không nhận ra người vật gì cả, chỉ trông lối nhỏ một lũ bóng nhấp-nhò

như trên màn chớp ảnh vậy. Lại thêm tiếng chuông, tiếng chõng, tiếng mõ, tiếng pháo, tiếng súc thể, tiếng cầu khẩn, rộn-dịp om-sòm, thật là rúc óc đình tai. Cái cách thờ cúng của người mình cũng kỳ thay. Hình như thần-phật là của chung, đi lối được nhiều được phúc nhiều, nên tranh nhau mà cầu lối, tranh nhau mà thấp cho nhiều nển, đốt cho nhiều hương, mỗi người mỗi làm như vậy, thành ra đám họp chợ, không phải là nơi cầu nguyện. Ôi ! cái lòng tin-ngưỡng của người mình phát-biểu ra một cách thật là thô-bỉ sô-sàng thay !

Xét cho kỹ cái nguyên-nhân là ở sự không có kỷ-luật. Nước ta từ xưa đến nay ngoài quan-quyền không có gì là kỷ-luật. Về tôn-giáo thòi duy có đạo Nho là Quốc-gia công-nhận, nên chỉ có đạo Nho là có kỷ-luật phép-tắc ; còn các đạo thần đạo phật khác phó mặc cho người dân quản-ly lấy, nên cách sắp đặt trong các đền chùa, các môn-phái, tuyệt-nhiên không có trật-tự nhất-định gì cả, mỗi nơi một cách, mỗi chỗ một khác, sự lễ-bái thật là hỗn-dộn tạp-nhập. Nay như muốn nghiên-cứu về Phật-giáo ở nước Nam hiện bây giờ, xét riêng về phẩm-trật các tăng-dồ, thật không biết lấy đâu làm bằng-cứ. Nhiều nhà bác-học tây thường lấy làm lạ rằng nước mình theo đạo Phật mà Phật-giáo ở đây không có thành-giáo-hối, không có đặt chế-độ gì, không có một nơi trung-trong để quản-trị cả giáo-đoàn, không có một bậc giáo-chủ hay là giáo-trưởng để giám-đốc hết thảy, các chư-tăng cũng không có phẩm-trật hạng ngạch gì, chỉ chùa nào biết chùa nấy mà thôi, các chùa không có liên-lạc với nhau mà thành một giáo-hội như ở Cao-man, Xiêm-la, Ấn-độ. Thành ra Phật-giáo ở nước Nam này có cũng như không, vì không có sinh-hoạt, không có thể-thống, không có cơ-quan gì. Biết bao giờ cho trong nước đột-khởi được một bậc cao-

tăng, có tài cao, có chí lớn, có học-vấn, có kinh-luân, mà ra tay chấn-loát cho cái tôn-giáo ủy-nhược suy-đời này ? Ta rất là mong-mỏi lắm, nhưng một nhân-vật siêu-mại như vậy chưa chắc cái dân yếu hèn này đã bao-giờ đào-tạo ra được. Buồn thay !

Suy cho cùng, tổng-chi là cái tội của nho-học cả. Nói thế tất nhà nho không bằng lòng, nhưng phạm lý-luận phải cho công-bằng mới được. Nho-học là cái học chuyên-chế, nghĩa là chỉ khẳng-khăng bó buộc người ta trong những sự hình-thức, phiến, để mà duy-trì cho phong-tục thời hay lắm, nhưng thật là làm hại cái quyền tự-do của người ta. Nhà nho ngoài lời giáo-huấn của Thánh-Hiền, không biết chân-lý nào nữa, ngoài những nghĩa-lý trong Kinh Truyện không có học-vấn gì nữa, nên đối với Phật-giáo Lão-giáo thường nhất-khái bỉ là tà-thuyết, coi là những chuyện hoang-đường quái-dẫn, không thèm nghiên-cứu đến, không biết rằng cái lý-tưởng trong hai đạo ấy còn cao-thâm siêu-việt hơn đạo Nho biết mấy mươi lần ? Vả chính đạo Nho nữa, chẳng qua là một cách tổ-chức trong xã-hội, một cách sắp-đặt việc chánh-trị, đã gọi là một tôn-giáo sao được, sánh với hai đạo kia còn thấp kém nhiều. Nay cả bậc thượng-lưu trong nước đều theo Nho-giáo, quốc-gia cũng chỉ công-nhận một nho-giáo, còn các đạo kia không thèm nhìn đến, không những không thèm nhìn đến mà lại khinh-bỉ miệt-đãi, coi như những sự mê-tin của kẻ vô-học cùng bọn phụ-nhụ, như vậy thời cái lòng tôn-giáo trong nước thịnh sao được, các giáo-hội thành-lập sao được ? Lòng tôn-giáo không thịnh, các giáo-hội không có, mới sinh ra vô-số những sự thờ-cúng lễ-bái vô-nghĩa vô-lý, lắm khi hại cho phong-tục luân-thường. Bấy giờ các nước văn-minh đều lấy tôn-giáo làm cái động-lực rất mạnh trong xã-hội, hết sức chấn-hưng

đề lấy dấy mà chống-đối lại với cái Phong-trào vật-chất đời nay : nước mình có người nào sáng-suốt mà nghĩ tới không ?

Coi cái động Hương-tích đó cũng chẳng lấy gì làm đẹp, tưởng không xứng-đáng cái huy-hiệu « Nam-thiên đệ-nhất-động » của Chúa Trịnh khắc ở cửa hang đời xưa. Theo tục truyền thời động này bắt đầu thờ từ đời nhà Trịnh, không biết vào niên-hiệu nào : hiện nay ở chùa trong chùa ngoài cũng không còn có bi-ký tự-tích gì làm chứng-cớ. Duy ở ngoài Thiên-trụ còn một cái tháp cổ xây bằng những « gạch hòm sớ » nung thành trai, dài ước 50, 60 phân tây, dày tới 15, 20 phân, có đúc những miếng huỳnh miếng chám, những chữ phạm-tự (chữ Phật), coi rất là cổ-kính, nhưng cũng không có tự-tích niên-hiệu gì, chẳng biết vào thời-dại nào. Động không đẹp là vì ở thụt xuống một cái lũng sâu, trông không sáng-xủa, không có bề-thế, nhưng cũng có cái vẻ sầm-uất uy-nghiêm. Trong động có những thạch-nhũ rủ xuống, người ta gọi là cái « mắc-áo », có những hang những hốc người ta cho là đường lên trời đường xuống âm-phủ, có những đồng đá nhấp-nhô người ta gọi là « núi các cô các cậu », những người hiểm-hoi đến cầu-tự ở đây, v. v., toàn là những cái tục-truyền phụ-họa, chẳng có gì là kỳ lạ cả. Nhưng phạm cảnh sơn-nham không có đẹp ở trái núi hay ở viên đá, mà phần nhiều đẹp ở cái khi-sắc mỗi lúc, tùy trời u-âm hay trời sáng-sủa, buổi chiều-dương hay lúc tịch-dương, mặt trời ánh-áng, sắc núi đậm phai, mà mỗi lúc khác nhau. Vậy bấy giờ đã trở về chiều, mặt trời đã xế, đứng tận trong cùng động nhìn ra ngoài cửa, thật là một bức tranh tuyết-bút. Khói hương đưa ra cửa động, mờ ám như đám sương mù, mặt trời phản-chiếu nửa đỏ nửa vàng, bóng cây phất-phới như thấp như cao, đứng trong

nhìn ra như trông qua một cái gương mờ : bấy giờ tưởng bước chân ra cửa động là tiện-thị để mình vào nơi mộng-cảnh nào, theo sương mù mà bay bổng lên mấy tầng mây, có lẽ đấy chính là cõi tây-thiên tĩnh-thổ vậy. Nhưng chửa bước chân ra khỏi cửa thời cái mộng-cảnh đã tan rồi, mà chỉ nghĩ thấy những mùi xú-ước ở chung quanh chùa bốc lên, thật là cảnh chân với cảnh mộng cách xa nhau nhiều lắm!

Khi trở ra chùa ngoài thời trời đã về chiều, khí đã mát-mẻ. Đi xuống không nhọc bằng trèo lên. Khi lên thời mỗi bước như phải nâng cả mình lên, nên chồn chân và mỏi vế ; khi xuống thời cứ thuận giốc mà như ở trên đây người xuống, đi mau lắm. Ra gần đến chùa ngoài thời trông thấy dãy núi ở bên tay trái có mấy lớp nhà cao làm kiêu tây, treo-leo ở sườn núi, đứng xa tưởng cái nhà mát của người Tây nào. Hỏi ra mới biết rằng đấy là « Chùa Tiên », trên cũng có cái động nhỏ, cái nhà tây có lầu đó tức là nhà « khách-sạn » tiếp-phụ vào chùa. Động với nhà cũng tầm-thường cả, không có gì là đẹp, nhưng đứng trên ấy rộng trông được cả khắp miền núi non đó, thứ nhất là gồm được cả cái qui-mô của « Chùa ngoài » kể cũng đã to lớn thật. Lại đứng đấy mà ngắm con đường vào « Chùa trong » thật như một giải lụa vòng quanh núi, mà người đi là một lũ kiến bò.

Chiều tối vừa về đến « Chùa ngoài », ăn cơm, nghỉ chân, để sửa-soạn sáng mai ra sớm. Nhà chùa dọn nhà quan-cư cho ngủ, có ý biệt-đãi vậy. Đến khuya khuya thời ngoài núi chim gõ mõ, trong chùa người tụng kinh, các ban thờ Phật đèn nến sáng choang, hương hoa ngào-ngạt, kể lẽ người cầu đứng chật mấy gian chùa rộng. Đi dạo chơi một lượt khắp chùa, gian nào, buồng nào, thậm-chí đến ngoài sân đến đường đi, cũng chật ních

người, kẻ đứng người ngồi, kẻ nằm ngang người nằm giọc, không có chỗ nào mà lách chân đi được : ăn lẫn nằm lẫn, thật người mình coi rẻ cái thân-thể quá, lấy rằng đi lễ được phúc-đức, càng phải lăm-than bao nhiêu càng được phúc bấy nhiêu. Có điều lạ là nhà chùa nói chuyện rằng thường thường cả Chùa trong Chùa ngoài mỗi ngày tới mấy nghìn con người đi lại ăn ngủ ở đấy mà tịnh không hề bao giờ xảy ra sự trộm-cắp xâm-phạm gì. Coi đó thời đủ biết lòng đạo-đức của cái đám đông này thật có hơn các đám đông khác, là bởi đám đông này có cái bụng tin-ngưỡng vậy. Như vậy thời việc cảnh-sát trong chùa rất là dễ-dàng lắm. Duy có khoản vệ-sinh thời nhà chùa cần phải chú-ý hơn nữa mới được. Thứ nhất là nghiêm cấm khách thập-phương không được phóng-ước ra chung quanh chùa hoặc ngay cửa động như bây giờ, thật là do-bần quá. Sau nữa, nên đặt rộng thêm các nhà ngủ cho khách khỏi phải nằm vạ nằm vật xuống đất, coi dẽ-tiện lắm. Hiện nay hai bên hành-lang ở sau cửa tam-quan tức là hai cái nhà ngủ rộng, có lát ván, nằm cũng còn không tệ lắm bằng nằm xuống gạch xuống đất, nhưng nghe đâu nhà chùa tham tiền muốn cho các hàng tạp-hóa làm cái chợ kín, chiếm mất cả chỗ nằm của khách thập-phương...

Tám giờ sáng mai ra đò sớm sớm, 10 giờ thời xuống thuyền chở về Phủ-Lý, đi nước xuôi chóng hơn bữa trước nhiều. Lần này đi ban ngày, tha-hồ ngắm phong-cảnh hai bên bờ, chỗ núi non, chỗ đồng ruộng, coi rất ngoạn-mục. Có nơi núi ngay trên bờ, bên sườn lại có tấm đình góc miếu treo-leo, nhìn như bức tranh sơn-thủy lớn hay bộ núi non-bộ to. Tới già nửa đường thời qua đền Bà Đanh, nhưng trời đã về chiều không kịp lên xem.

Sáu giờ tối thì thuyền tới bến Hà-nam, ngủ đấy một đêm, sáng mai lên Hà-nội chuyển xe lửa sớm. Thế là chày chùa Hương xong, cả thấy mất 2 ngày rưỡi 3 đêm.

THƯỢNG-CHI. ✕

Vịnh cảnh chơi chùa Hương-Tích

Tranh niêm nhớ cảnh chùa Hương,
 Như vui lòng khách tìm đường qua chơi.
 Thanh-minh gặp buổi êm trời,
 Thuyền lan thuận gió đón người du xuân.
 Châu-giang một dải kề gần,
 Mái chèo tam-bản lần lần xa đưa.
 Cung đàn bầu rượu túi thơ,
 Trước buồm Ngự-phủ lưng hồ phong-
 Suối khe trong vắt lồng gương, [quang.
 Núi phò vẻ gấm hai hàng lộ-nhỏ.
 Thiên-nhiên một bức họa-đồ,
 Đào-nguyên khi trước dễ hồ là đây.
 Càng trông phong-cảnh càng hay.
 Non xanh nước biếc cỏ cây tươi mầu.
 Lạ cho vừa đến tiên-châu,
 Lòng trần ai cũng sạch lâu như không.
 Chùa ngoài bước tới chùa trong,
 Biết bao cảnh-tri non-bồng xinh thay.
 Hỏi thăm những gió cùng mây,
 Nam-thiên đệ-nhất động này phải chăng?
 Thang mây ai khéo dẫn đường,
 Gót chân du-khách nhẹ-nhàng lên cao.
 Một mình đỉnh núi treo leo,

Bốn bên sơn-thủy triều vào mặt ta.
 Tiêu-dao trong thủ yên-hà.
 Chim kêu vượn hót đều là tri-âm.
 Chuông trưa mõ sớm rầm rầm,
 Tang-thương chột tỉnh khách nằm chiêm-
 Chùa Tiên hương khói ngạt-ngào, [báo.
 Tháp-phương tử-đệ ra vào Nam-mô.
 Núi đầu tên gọi « Cột Cờ »,
 Vòng đầu rử xuống cửa chùa thướt-tha.
 Đèo đầu tên gọi « Ông bà »,
 Giếng đầu ai đặt hiệu là « Giải-oan ».
 Thợ trời sao khéo đa đoan,
 Xui người trần-tục mê-man cảnh thuyền.
 Non sông kia vẫn là quen,
 Rừng Mai khe Yến phủ nguyên chơi xuân.
 Kiếp tu đã biết mấy lần,
 Mai sau hoặc có hóa-thân chẳng là.
 Rêu phong vách đá lở-mờ,
 Mây thiên đề vịnh giấu xưa hãy còn.
 Vàng trắng soi tỏ đầu non,
 Bóng in đáy nước gương tròn long-lanh.
 Con thuyền sơn thủy lênh-dênh,
 Nhắc chân chột tưởng như mình cười mây.
 Thú đầu bằng cái thú này,
 Tranh nào ai vẽ được tày cho chưa.
 Hóa-công như vẫn đợi chờ,
 Mà đưa những khách giang-hồ qua chơi.
 Mấy phen vật đổi sao dời,
 Giấu thiêng về qui muốn đời còn đây.
 Non non nước nước mây mây,
 Nghìn xưa phải lấy chốn này làm hơn.

Nghĩa-viên NGUYỄN VĂN-ĐÀO

VĂN TRUNG-KỲ

BÀN VỀ CÁC QUAN ĐẠI-THẦN

Bản-quán coi trong báo Quốc-dân-d-ên-dàn in ở Sài-gòn có bài văn sau này, đề là của một người ở Hà-linh lai-cáo, xin sao-lục ra đây cho các bạn đọc báo biết văn Trung-kỳ gần đây đã tiến lắm. Còn những ý-kiến trong bài văn ấy phải chăng thế nào, xin đề công-luận, cùng cái trách-nhiệm khởi dăng bài ấy cũng đã có báo Quốc-dân chủ nhận, bản-quán chỉ có việc sao-lục mà thôi.

N. P.

Đây tôi nói các quan Đại-thần lại chọn e chư-vị khan-quan trong Lục-châu thoát nhiên coi đầu bài thì chưa hiểu là nói các quan Đại-thần ở đâu, nhưng tôi thiết-tưởng rằng chúng ta

không cần phải chỉ rõ các ông giáng-sanh ở đời nào, xuất-hiện ra ở nước nào, hề ông nào có giống như những bậc Đại-thần nào trong bài tôi kể ra sau này, thì tức là ông Đại-thần ấy đó ;

tôi chỉ xin các ngài biết cho rằng tôi là một người dân xứ Trung-kỳ đời bây giờ.

Sao gọi là Đại-thần ? là các quan lớn nhứt ở Triều-đình giúp Vua mà trị dân, tức là những bậc làm cột cái cho một dân một nước. Ông Đại-thần ăn bổng-lộc của nước mà bổng-lộc ấy là xâu-thuế của dân, dân cả đời làm tôi mọi cây sâu cuốc chín mà phụng-dưỡng một hạng người ăn sung mặc sướng, kính-trọng một hạng người chức trọng quyền cao, thì trong lòng dân cũng nghĩ rằng các ông ấy rồi sẽ giúp Vua ta mà làm những công việc lợi-ích cho ta, ta đâu chịu phần thua sút làm trâu làm ngựa cho các ông cũng đáng.

Vậy thì các ông Đại-thần đối với nước nghĩa là trên đối với Vua dưới đối với dân trong nước, phải chịu lấy trách-nhậm. Vua hiền dân yên, thì các quan Đại-thần được tiếng vinh, Vua chẳng hiền dân chẳng yên, thì các quan Đại-thần phải bị nhục, vì là ăn cơm Vua, cầm quyền nước, làm cha mẹ dân, phải tính làm sao cho ích-quốc lợi-dân, không phải là chỉ bằng theo số-mạng của mình, tự cho mình là con cưng của trời đất sinh ra, có thể ngồi rồi ăn không hưởng lấy cái lợi-quyền hơn người mà tránh được phần nghĩa-vụ đâu. Than ôi ! Bậc Đại-thần là một bậc người chịu gánh vác việc đời, chịu khó nhọc hơn các hạng người trong nước, có gánh vác như vậy, có khó nhọc như vậy, mới xứng đáng là kẻ Đại-thần. Đại-thần nào có phải dễ làm đâu, có phải là chỗ ăn dầm nằm dề của một hạng người không có trách-nhậm đâu.

Tuy vậy, có nước làm Đại-thần cực kỳ khó-nhọc mà có nước làm Đại-thần cực kỳ sung sướng ; có nước làm Đại-thần có nghĩa-vụ mà có nước làm Đại-thần không có nghĩa-vụ. Những nước làm Đại-thần cực kỳ khó-nhọc

mà có nghĩa-vụ như là các nước văn-minh bây giờ, không cứ nước thuộc quyền về Vua hay là thuộc quyền về dân, trong nước đều có một tòa Nội-các (Cabinet) ở dưới quyền Vua hay là dưới quyền ông Giám-quốc mà cầm quyền cai-trị trong một nước. Tòa Nội-các ấy tức là các quan Thượng-thư đứng đầu Triều, tục ta thường gọi là các quan Đại-thần vậy. Các quan Đại-thần các nước văn-minh thì toàn là những người thật giỏi trong nước ra giúp ông Nguyên-thủ⁽¹⁾ mà trị dân. Phàm ông nào có cái chánh-sách hay hay là có tài-thức giỏi, ra bầy tỏ giữa nghị-viện mà nhiều người ưng-thuận thì được làm Đại-thần cầm quyền nơi Nội-các. Đối địch với các ông Đại-thần ấy thì có nghị-viện của dân ; nếu ông Đại-thần thi-hành việc chi mà không minh-bạch, thì nghị-viện có quyền họp nhau lại đề hỏi cho minh-bạch, khi ấy ông Đại-thần phải ra nghị-viện mà đối-đáp. Nếu nghị-viện hỏi mà ông Đại-thần trả lời không xong, hay là công việc làm không thuận lòng dân, có hại cho nước, bị nghị-viện trích bác, thì ông Đại-thần phải từ-chức ngay để cho người khác lên làm Đại-thần. Vì khi bắt đầu ra làm Đại-thần phải cho Nghị-viện biết cái chánh-sách của mình định thi-hành làm sao ; vì khi đã làm Đại-thần lại có Nghị-viện đứng giám-đốc công-việc mình làm, cho nên những ông Đại-thần các nước văn-minh, trong cái thì giờ làm Đại-thần cực kỳ khó-nhọc, có ông làm Đại-thần mới một năm, năm bầy tháng mà tuổi trẻ hóa già, đầu xanh hóa bạc.

Một tay gánh nặng non sông.

Ra tay lấp biển gắng công vá trời.

Ấy mới thực là xứng đáng cái địa-vị ông Đại-thần, cái chức-trách ông Đại-thần. Bởi vậy mà dân các nước văn-minh, hễ ngồi với nhau bàn-luận đến các ông Đại-thần, thì chỉ bàn-luận

(1) Là người đứng đầu trong nước, như Vua hay là Giám-quốc.

rằng ông Đại-thần này chánh-sách thế này, ông Đại-thần kia chánh-sách thế kia, v. v. . . .

Phàm nước nào đã có ông Đại-thần biết làm hết nghĩa-vụ với nước, mà gây dựng ra công kia việc nọ, thì nước được giàu, dân được mạnh, cái công mở vận tốt cho nước nhà, tạo phước lành cho con dân, là do ở các bậc Đại-thần làm nên cả. Đại-thần như vậy, thì tượng đồng bia đá, tiếng thơm còn mãi muôn đời, qui hóa thay, các ông Đại-thần nước văn-minh ! danh-dự thay, các ông Đại-thần nước văn-minh !

Còn ông Đại-thần những nước không văn-minh thì không như vậy. Ông Đại-thần cực kỳ sung-sướng mà đối với dân với nước không có một chút nghĩa-vụ chi cả. Lúc mới ra làm quan nhỏ, rồi lần hồi làm quan lớn, không cần phải có tài-trí giỏi, có thủ-đoạn hay, hề sống lâu thì được lão làng, như cóc leo thang, đến tột bậc thì làm Đại-thần. Đã làm Đại-thần rồi, thì ăn dầm nằm dề ở cái ngôi Đại-thần kỳ cho đến rằng rụng tóc bạc mới chịu thôi, có ông Đại-thần làm đến ba mươi năm ở Triều, mà trong ba mươi năm ấy nào có thấy ông nào làm ra được việc chi đáng kể là công-việc của một bậc Đại-thần làm ra đâu. Ngày ni đi trực, ngày mai đi triều, ấy là phần việc quan Đại-thần ; có hầu bát yến, điều thuốc chén trà, ấy là thú-vị quan Đại-thần. Cái ngôi Đại-thần bình như một nơi dưỡng già của ông quan làm lâu năm được về nghỉ, vậy cho nên có ông hề làm Đại-thần, tuổi già hóa trẻ, đầu bạc hóa xanh, mà được hưởng đến bậc trường-thọ ; nhưng mà có phải các ông chỉ dưỡng già mà thôi đâu, các ông lại có cái quyền-lợi gặp thời gặp vận, cực kỳ khôn-khéo, cực kỳ tinh-lanh nữa, dân có rối loạn lúc nào thì các ông được thêm quyền giết ! chém ! đâm ! tra ! khảo ! Vua có lầm lỗi thế nào, thì các ông được phong-tước :

công ! hầu ! bá ! tử ! nam ! Các ông có chức-trách trị dân mà dân thế nào mặc dân, các ông vẫn coi như cỏ rạ ; các ông có chức-trách phò vua, mà vua thế nào mặc vua, các ông vẫn vững như trời trồng. Các ông không cần phải bồi-dưỡng nhân-tài cho nước, chỉ bồi-dưỡng cho các cậu ấm-thọ là con các ông mau được thăng chức, học hành của các cậu thế nào mặc kệ, trí-thức của của các cậu thế nào mặc kệ, miễn các cậu cho cao chức, rồi các ông luôi về để các cậu có thể chơn.

*Công-danh có cách gia-truyền,
Vinh-hoa phú-quí hưởng riêng một nhà.*

Òi ! Ông Đại-thần như vậy còn biết trông cậy ông có cái chánh-sách chi đâu mà thi-hành cho dân được nhờ. Bồi làm vậy cho nên các nước chưa văn-minh ngồi bàn luận đến các ông Đại-thần thì chỉ bàn luận rằng : ông Đại-thần ni ra đồ thêu, ông Đại-thần tê ra đồ châu-báu, ông Đại-thần ni hay giắc trưa, ông Đại-thần tê khó hầu chữ, v. v. . . .

Phàm những nước mà không có ông Đại-thần biết làm hết nghĩa-vụ, biết mở mang việc ích-lợi cho nước cho dân, thì tài nào nước không nghèo dân không đói. Than ôi ! cái sung-sướng của các ông, cái vinh-hoa của các ông, cũng đủ làm cho nước lợt màu da, dân mất máu mặt, trông đến khi các ông khuất núi rồi, dân cũng đến hú vía một lần, mà những người làm sử cũng khó lòng mà biên công-nghiệp của các ông được dài dòng cho xứng đáng cái quyền cao chức trọng của các ông trong một thời-kỳ dài đằng-dằng ở trên dương-gian vậy. Thương thay, ông Đại-thần của nước không văn-minh. Lạ thay, ông Đại-thần của nước không văn-minh !

Hà-tĩnh Hồ Tử-Tuấn
(Trích báo Quốc-dân-diễn-dân,
số 26, ngày 5 Mai 1919)

KHẢO-CỨU VỀ SỰ THI TA

I

Phát-doan

Xưa nay có nước tất phải có người làm việc nước : bất-luận nước nào, cũng đều cần phải có quan trong quan ngoài, người giữ việc này, kẻ nhận chức kia, thì công-việc trong nước mới đâu ra đấy được. Những hạng người ấy bởi đâu mà có ? Đại-khái bởi ba đường này : 1° là do tiến-cử, như lệ các quận-quốc cử người hiền-lương phương-chính ở đời Hán bên Tàu, lệ quan Tổng-lý Nội-các cử các-viên ở nước Pháp, nước Anh bên Âu-châu, lệ các quan kinh, tỉnh cử tri ở đời Lê và bản-triều ta vậy ; — 2° là do sát-hạch trong trường học, như phép tương-tự-học-hiệu⁽¹⁾ về đời tam-đại⁽²⁾ bên Tàu, phép hạch tốt-nghiệp ở các trường học bên Tây, phép học Giám của ta vậy ; — 3° là do thi-cử, như thi hương, thi hội ở bên Tàu và bên ta, các sở thi lấy người làm việc ở Tây vậy. Ba cách ấy làm ra đều có thành-hiệu mà cũng không cách nào khỏi có mỗi tệ : tiến-cử thì thiện-loại cùng nhau cất-nhắc được, nhưng có người lạm-dụng cái quyền tiến-cử của mình, bà-con quen-thuộc, không khỏi có tệ thiên-tư ; thi-cử thì thủ-xả khó điều tình-vị được, nhưng bình-thời không biết tài-học của người ta, vàng thau ngọc đá, không khỏi có tệ hỗn-hào ; sát-sạch trong trường học, thi giỏi giờ hơn kém, có thể biết tình-tướng được, nhưng có nhiều người thác-thỉ khỏi-kỳ, không chịu được qui-

cử nhà trường thúc-phộc, cũng không khỏi có tệ di-tài. Tuy-nhiên so-sánh trong ba cách ấy, có cái thành-hiệu nhiều mà mỗi tệ ít, có cái thành-hiệu ít mà mỗi tệ nhiều. Việc thiên-hạ không gì toàn lợi cũng không gì toàn hại ; chỉ tinh cái phân-số lợi hại nhiều ít mà làm là phải. Cách tiến-cử thiên-tư phần nhiều, chớ đặc-nhân phần ít, cách thi-cử kiểu-hãnh phần nhiều, chớ thực tài phần ít ; duy cách sát-hạch trong trường học, hằng ngày vét được tinh nết tốt xấu, công-khóa hơn thua, tinh nốt (*note*) có số, lên lớp có thi, đến kỳ tốt-nghiệp, sát-hạch tất không còn làm nữa ; dù quan giám-khảo có muốn tư-vị đi rã, nhưng sức học hồi bình-nhật, thầy giáo đã công-nhận, đồng-bối đã biết nhau, khoe gian cũng dễ lòi ra được, kẻ làm gian có chỗ sợ mà không dám lung, nên so-sánh trong các cách lựa lấy người, có cách sát-hạch trong trường học là công-chính, thành-hiệu nhiều, mỗi tệ ít hơn cả. Huống chi đời bây giờ sự giáo-dục nước nào cũng mỗi ngày mỗi tiến-bộ, trong nước người nào cũng có ở qua trường học, làm nghề gì cũng phải có học trường học chuyên-môn nghề ấy, thì những người thác-thỉ kỹ-khỏi, dù có cái tư-cách không hợp ở trường học này, tất có hợp ở trường học khác, đã hợp thì tất chịu được qui-cử trường ấy mà học đến tốt-nghiệp thành-tài ; cái tệ di-tài, cũng không lấy gì làm quan-ngại vậy. Các nước văn-minh bây-giờ, cách lựa lấy người đều dùng cách sát-hạch trong trường học cả ;

(1) 庠序學校, là tên nhà trường lúc đời Tam-đại bên Tàu. Những con các quan và kẻ tuần-tú trong dân học ở đấy rồi được lựa cử làm quan.

(2) 三代 là đời Hạ 夏, đời Thương 商, đời Chu 周.

tuy cũng có cách tiến-cử, cách thi, nhưng vẫn lấy cách sát-hạch trong trường học làm cốt; tiến-cử chẳng qua cũng cử trong những người đã có trúng-tuyển ở các trường học, mà lựa ai là người có tài-đức, có kinh-lichi, xứng-đáng về cái chức-vụ ấy hơn hết thì cử đó thôi; thi chẳng qua cũng thi trong những người tốt-nghiệp ở một cái trường chuyên-môn nào đấy mà lựa ai đủ sức làm công-việc về nghề chuyên-môn ấy thì lấy đó thôi.

Tàu và ta thua nay, cách lựa lấy người, thịnh-hành nhất là cách khoa-cử. Từ năm Quang-tự 光緒 duy-tân biến-pháp, Tàu đã bỏ thi hương, thi hội, đổi làm phép tướng-lệ trong các học-đường rồi. Ta nhờ Nhà-nước Bảo-hộ khai-hóa lần-lần, trường học một ngày một mở thêm, lấy học trò tốt-nghiệp ở các trường trung-học đại-học bây giờ mà thay vào những tiến-sĩ cử-nhân hồi trước; thi-hương ở Bắc-kỳ đã bãi hẳn hai khoa rồi; mới năm ngoài đây lại có Chỉ-dụ bãi cả thi hương ở Trung-kỳ, còn để thi nốt một khoa hội năm nay nữa là chung-cục khoa-trường. Nhân thể khảo-cứu hết lai-do về sự thi ta mà tỏ bày chỗ phải chỗ quấy, chỗ nên chỗ hư, để làm cái tài-liệu sau này cho các nhà khảo-cổ bình-luận, tưởng cũng không phải là một chuyện vô-ích vậy.

II

Cái lịch-sử khoa-cử ở nước Tàu

Tên tiến-sĩ có từ đời Chu; nhưng đời ấy chưa đặt phép thi, còn lựa lấy người ở trong trường học quan Hương-đại-phu lựa những người

tuấn-tú ở trong trường hương-học, cử lên quan Tư-đồ, gọi là *tuyền-sĩ*; quan Tư-đồ lại lựa những người tuấn-tú trong hạng *tuyền-sĩ* gọi là *tuấn-sĩ*; những người tuấn-sĩ được vào trường quốc-học, gọi là *tạo-sĩ*; quan Đại-nhạc-chính lại lựa những người tuấn-tú trong hạng *tạo-sĩ*, gọi là *tiến-sĩ*; những người ở trường hương-học cử lên, dùng làm quan-lại các *hương* các *toại* ⁽¹⁾; những người ở quốc-học cử lên, dùng làm quan *Đại-phu*, quan *sĩ* ⁽²⁾; hai chữ « tiến-sĩ » thủy từ đây, mà chưa phải là cái huy-hiệu đỗ thi hội như đời sau.

Tên *cử-nhân* có từ đời Hán; nhưng đời ấy cũng chưa đặt phép thi, còn dùng cách tiến-cử: giao cho các quan ở quận-quốc ⁽³⁾ cử ba hạng người: một hạng « *hiền-lương-phương-chính* », một hạng « *hiếu-liêm* », một hạng « *bác-sĩ-đệ-tử* » ⁽⁴⁾, gọi là *cử-nhân* quận này, *cử-nhân* quận kia. Đời vua Hán Văn-đế mới bắt cử hạng người *hiền-lương-phương-chính*, đời vua Hán Vũ-đế mới bắt cử hạng người *hiếu-liêm* và hạng người *bác-sĩ-đệ-tử*. Tuy cũng có thi một bài đối-sách ⁽⁵⁾, như ông Tiều-Thổ 晁錯 đối sách đời vua Văn-đế, ông Đồng Trọng-Thư, ông Công-Tôn-Hoảng đối-sách đời vua Vũ-đế; nhưng phải do quận-quốc cử lên trước mới được dự thi, không phải đặt hẳn ra một khoa thi, ai cũng có thể vào thi được. Hai chữ « *cử-nhân* » thủy từ đây, mà chưa phải là cái huy-hiệu đỗ thi hương đời sau.

Đến đời vua Tùy Dạng-đế mới đặt khoa thi tiến-sĩ, thi phú và thơ. Tiến-sĩ đời sau, đó là *tị-tồ*.

(1) Hương 鄉, Toại 遂, tức như ta gọi từng huyện từng châu.

(2) Đại-phu 大夫, sĩ 士, tức những chức quan cai-trị lớn đời xưa.

(3) Quận 郡, tức như ta gọi từng tỉnh.

(4) Bác-sĩ-đệ-tử, là những người có chuyên học về một học-thuyết.

(5) Đối-策, là ra một bài văn sách hỏi về cái gì thì phải trả lời cái ấy cho tường-tận.

Đến đời Đường phép thi càng tinh-mật hơn ; đại-ước chia làm ba khoa : sinh-đồ 生徒, cống-cử 貢舉, và chế-cử 制舉. Các nhà học ở kinh-sư và các trường học ở châu-huyện, học-trò đỗ tốt-nghiệp, đưa lên thi tại tòa thượng-thư, gọi là sinh-đồ. Những người không phải học-trò các trường, chịu thi ở châu-huyện trước, ai trúng-tuyển cũng được đưa lên thi tại tòa thượng-thư, gọi là cống-cử. Ngoài ra có một khoa nữa để đãi những bậc phi-thường, thi Thiên-tử thân ra một bài đối-sách cho thi, gọi là chế-cử. Đỗ khoa sinh-đồ và khoa cống-cử chia ba hạng : tú-tài, tiến-sĩ và minh-kinh 明經. Cách thi mỗi hạng mỗi khác : hạng tú-tài thi năm đạo văn-sách hỏi về phương-lược cầu-trị ; hạng tiến-sĩ thi hai bài tạp-văn, năm đạo văn-sách hỏi về thời-vụ ; hạng minh-kinh thi mười câu văn-sách hỏi về nghĩa năm kinh. Ngoài ra lại xét đến khở-người, tiếng nói, chữ viết, lời phán : khở người phải trọng-hậu mà phương-phi, tiếng nói phải biện-bác mà đứng-đắn, chữ viết phải lối chân tươi đẹp, lời phán phải văn-lý ưu-trường. Phép thi đời Đường, thịnh-hành có ba hạng ấy ; thịnh-thoảng cũng có đặt thêm khoa thi pháp-luật, khoa thi toán-học, khoa thi hiểu-liêm, khoa thi sử-học, khoa thi ba truyện Xuân-thu ⁽¹⁾, nhưng không phải là lệ thường vậy.

Đến đời Tống, phép thi đại-lược cũng giống đời Đường mà thịnh-hành nhất là khoa thi tiến-sĩ ; thi thơ, phú, tạp-văn, sách-luân và thiếp-kinh ⁽²⁾ ; thi bản đầu mỗi năm mỗi thi ; sau cách năm một lần thi, sau nữa mỗi ba năm một lần thi. Ba năm thi một kỳ là bắt đầu tự đó. Ông Vương An-Thạch 王安石 làm tướng vua Tống Thần-Tôn, lấy thi thơ phú tệ chỉ chuộng về từ-chương,

thi thiếp-kinh tệ chỉ thiên về ký-tụng, nên đời phép thi lại, thi tiến-sĩ không dùng thơ phú, chỉ hỏi nghĩa kinh ; sau vì nhiều người muốn đề thơ phú, bàn-luận phân-vân, lại chia làm hai khoa : một khoa thi nghĩa kinh, một khoa thi thơ phú ; đời Nam-Tống hai khoa ấy thịnh-hành ; khoa chế-cử, Tống cũng đặt theo như Đường, tự đời Tống Thần-Tôn bãi đi, sau đời làm khoa hoành-từ 宏詞, lại đời làm khoa từ-học-kiêm-mậu 詞學兼茂.

Người Mông-cổ 蒙古 chiếm được nước Tàu, việc cai-trị mỗi cái mỗi sơ-sài, phép thi cũng không sắp-đặt gì cả. Vua Nguyên Nhân-Tôn mới chằm-chước phép cũ, định mỗi ba năm một lần thi, chia tiến-sĩ làm hai bảng : bảng phía hữu người sắc-mục giống Mông-cổ ; bảng phía tả người Hán-tộc. Ai đỗ phải biết chữ Mông-cổ và thông đạo giáo Hồi-Hồi ; ấy cũng là một cái lối cai-trị người khác giống vậy.

Đời Minh phép thi rất tương ; chia làm hương-thí, hội-thí, đình-thí ; cứ năm tí 子, ngọ 午, mao 卯, dậu 酉, học-trò các tỉnh, ở tỉnh nào thi tỉnh nấy, gọi là hương-thí ; qua năm sửu 丑, mùi 未, thìn 辰, tuất 戌, ai đỗ hương rồi thi tại bộ Lễ trong Kinh, gọi là hội-thí. Đỗ hội rồi Thiên-tử thân ra một bài đối sách thi ở điện-đình, gọi là đình-thí. Hương-thí hội-thí đình-thí là bắt đầu tự đó. Nhà Thanh theo phép thi của nhà Minh, chỉ đầu bài thi có hơi khác một chút. Đầu bài thi đình thi cũng theo như hồi đời Minh, thi một đạo văn-sách hỏi thời-vụ. Đầu bài thi hương thi hội hồi đời Minh trường nhất thi ba bài nghĩa tứ-truyện, bốn bài nghĩa ngũ-kinh, Thanh đời làm ba bài nghĩa tứ-truyện, một bài thơ ngũ-ngôn tám vần, trường nhì một bài luận, năm câu phán, đời

(1) Kinh Xuân-thu 春秋 của ông Khổng-tử làm ; có ba nhà làm truyện, giải-tích và thích-ý, truyện họ Tả 左氏, truyện họ Cốc-lương 穀梁氏 và truyện họ Công-dương 公羊氏.

(2) 帖經 là chép văn ngũ-kinh và nghĩa chú chỏ văn kinh ấy.

làm năm bài nghĩa ngũ-kinh ; trường ba năm đạo sách luận hỏi kinh-sử và thời-vụ, đổi làm năm đạo sách luận muốn hỏi đầu thì hỏi. Đồ thi đình chia làm ba bậc : bậc nhất là nhất-giáp, chỉ ba tên : tên đầu trạng-nguyên, tên thứ nhì bảng-nhãn, tên thứ ba thám-hoa, đều cho là tiến-sĩ cập-đệ. Bậc nhì là nhị-giáp, cho là tiến-sĩ xuất-thân. Bậc ba là tam-giáp, cho là đồng tiến-sĩ xuất-thân. Nhị-giáp, tam-giáp không định ngạch, tùy khi lấy ít lấy nhiều. Cách thi nước ta từ Lê đến giờ, tức bắt-chước hơi giống như thế.

III

Cái lịch-sử khoa-cử ở nước ta

Năm thứ tư niên-hiệu Thái-ninh đời vua Lý Nhân-tôn, khoa ất-mão (lịch tây năm 1076), thi kén lấy người minh-kinh bác-học, người Gia-định (huyện Gia-bình Bắc-ninh bây giờ) ông Lê-Văn-Thịnh đỗ đầu ; khoa-cử nước ta mới có từ đấy. Một đời Lý thấy ở trong sử chỉ có sáu khoa : khoa ấỵ với khoa bình-dẫn (lịch tây năm 1087) thi kén người văn-học sung vào tòa Hàn-lâm, khoa nhâm-thân (lịch tây năm 1093) thi đình, khoa ất-dậu (lịch tây năm 1110) thi học-sinh, khoa ất-ti (lịch tây năm 1130), khoa quý-sử (lịch tây năm 1138), đều thi kén người vào thị-học⁽¹⁾. Khoa bình-dẫn, sử chép tên đỗ đầu là ông Mạc-Hiền-Tích ; khoa ất-ti, sử chép ba tên đỗ là ông Bùi-Quốc-Khái, ông Đỗ-Thế-Diên và ông Đặng-Nghiêm ; ngoài ra không truyền. Tưởng chừng đời Lý nối sau đời Đinh, đời Lê, lấy võ-công làm trọng, phần thi khi ấy đạo Thích 釋, đạo Lão 老 đương thịnh-hành ; coi đời vua Lý Anh-tôn (lịch tây năm 1138-1155) còn lấy ba giáo⁽²⁾ thi học-sinh thì biết. Cho nên lựa người bỏ

quan, phần nhiều còn lấy ở trong quân-nhân và trong tăng-đạo, phép thi thảo-lược, chưa lấy gì làm tinh-trường.

Đến đời Trần thì phép thi đã hơi kỳ. Vua Trần Thái-tôn tức-vị năm thứ tư niên hiệu Thiên-ưng (lịch tây năm 1232) thi thái-học-sinh (tức như tiến-sĩ đời sau) chia làm ba giáp (như phép thi hội đời Minh bên Tàu), năm thứ mười một (năm 1239) lại định hẳn bảy năm một khoa thi ; thấy ở trong sử có chép một khoa lấy đỗ năm mươi một tên : ba tên tam-khôi, bốn mươi tám tên thái-học-sinh, mà ông Nguyễn-Hiền mười ba tuổi đỗ trạng-nguyên, ông Lê Văn-Hưu mười tám tuổi đỗ bảng-nhãn, cũng là lắm vậy. Năm bình-thìn (năm 1248) lại chia người tứ-chánh (Bắc-kỳ bây giờ) là người kinh, người Hoan-Ái (Thanh Nghệ bây giờ) là người trại, hai đẳng lấy riêng ngạch đỗ, cũng đều có trạng-nguyên, bảng-nhãn, thám-hoa ; đương-thời có cái danh-hiệu « trạng-nguyên Kinh » và « trạng-nguyên trại ». Đời vua Trần Thánh-tôn (năm 1258-1282) lại hợp kinh trại cùng thi làm một, lấy đỗ ba tên tam-khôi, hăm bảy tên thái-học-sinh. Đầu-bài thi trước kia thế nào, không xét được rõ. Tự năm thứ mười hai niên-hiệu Hưng-long đời vua Trần Anh-tôn (năm 1311) định lại phép thi, chia làm bốn kỳ : kỳ thứ nhất ám-tả ; kỳ thứ nhì kinh-nghĩa và thơ phú ; kỳ thứ ba chế, chiếu, biểu ; kỳ thứ tư văn-sách. Khoa ấỵ ông Mạc Đĩnh-Chi đỗ trạng-nguyên, ông Nguyễn Trung-Ngạn đỗ hoàng-giáp, nhị-giáp gọi là Hoàng-giáp, bắt đầu tự đấy. Năm thứ hai niên-hiệu Long-khánh đời vua Trần Duệ-tôn (năm 1370) đổi thái-học-sinh gọi là tiến-sĩ ; trạng-nguyên, bảng-nhãn, thám-hoa, hoàng-giáp cho là cập-đệ-xuất-thân, tiến-sĩ cho là đồng-cập-đệ-xuất-thân.

(1) 侍學 là hầu vua học, hoặc khi vua ngự học, giảng đọc sách-vở.

(2) Đạo Nho, đạo Phật và đạo Lão-tử.

Khoa ấy đình-thí tại hành-cung Thiên-trường (phủ Xuân-trường, Nam-định bây giờ), lấy năm mươi tên tiến-sĩ. Phép thi hương cũng định từ đời ấy; trúng tuyển gọi là cử-nhân, mới được dự vào thi hội. Sau lại định lại đầu bài thi hội, trường nhất bỏ ám-tả thi kinh-nghĩa, trường nhì thơ phú, hai trường kia để như cũ. Phép thi lúc ấy, qua mấy lần sửa đổi, đã rất là tinh-tường; tự Lê cho chí bản-triều đều phỏng theo thế cả.

Hồ Qui-Ly định lại phép thi, đặt thêm một kỳ thi toán-pháp, cũng có ý hay.

Vua Lê Thái-Tổ bình Ngô dựng nước, sau vì loạn người Minh chiếm-cứ, diền-lệ trong nước tán-dật không còn. Năm thứ hai niên-hiệu Thuận-thiên (năm 1489), mới thi quan-viên sĩ-dân thiên-hạ tại Đông-dô (Hà-nội bây giờ), quan văn quan võ trong ngoài từ tứ phẩm trở xuống có ai tinh thông kinh-sử võ-kinh, cho vào thi cả; năm thứ tư lại thi khoa chân-nho-chính-trực; hai khoa ấy thi hoặc kinh-nghĩa, hoặc luận phú, hoặc sách-đề, đều tùy tài lấy đỗ, bất-thứ⁽¹⁾ cất dùng; mà khoa hương khoa hội lúc ấy chưa kịp cử-hành vậy. Đến năm đầu niên-hiệu Thiệu-bình đời vua Lê Thái-Tôn (năm 1433) định lệ sáu năm thi một khoa, năm trước các đạo (đời Lê gọi tỉnh là đạo) thi hương, năm sau thi hội, trúng tuyển ấy đều cho là tiến-sĩ-xuất-thân. Đầu bài thi trường nhất một bài nghĩa kinh, bốn truyện mỗi truyện một bài nghĩa truyện, bài nào cũng hạn ba trăm chữ trở lên, trường nhì chế, chiếu, biểu, trường ba thơ, phú, trường tư một đạo văn-sách, hạn

một ngàn chữ trở lên. Năm thứ năm mới mở khoa thi, hơn một tháng thi đình, vua ngự điện-đình hỏi một bài đối-sách. duyệt quyền rồi sai quan đọc sắc xưng danh, lấy đỗ bảy tên vừa trạng-nguyên, bảng-nhân, thám-hoa, tiến-sĩ, hai mươi ba tên phó-bảng, cho ân-mạnh⁽²⁾ ăn yến lĩnh mũ đai siêm áo vinh-qui làng. Tiến-sĩ vinh-qui, thành lệ từ đấy.

Năm thứ bảy niên-hiệu Quang-thuận đời vua Lê Thánh-Tôn (năm 1466) định lệ ba năm thi một khoa = Năm ti, năm mào, năm ngọ, năm dậu thi hương, năm sửu, năm thìn, năm mùi, năm tuất thi hội. Ba năm một khoa thủy từ đấy.

Đầu bài thi : năm thứ ba niên-hiệu Quang-thuận (năm 1462) định thi hương trường nhất năm đạo kinh-nghĩa, trường nhì chiếu, chế, biểu, dùng tứ-lục cổ-thể, trường ba thơ dùng luật Đường⁽³⁾, phú dùng cổ-thể và tao-tuyển⁽⁴⁾, hạn ba trăm chữ sắp lên, trường tư một đạo văn-sách hỏi kinh, sử, và thời-vụ, hạn một ngàn chữ sắp lên; năm thứ ba niên-hiệu Hồng-đức đời vua Lê Thánh-Tôn (năm 1462) định thi hội trường nhất ra mỗi kinh ba bài nghĩa, học-trò lựa lấy mỗi kinh một bài làm văn, duy kinh Xuân-thu hai bài phải làm cả, gộp thành một bài, mỗi truyện hai bài nghĩa, học-trò lựa lấy mỗi truyện một bài làm văn, trường nhì chiếu, chế, biểu mỗi thứ ba bài, trường ba thơ, phú đều một bài, trường tư một bài văn-sách hỏi ý nghĩa kinh sách và chính-trị lịch-triều. Về sau các đời có hơi thêm bớt, nhưng cũng không qua kinh-nghĩa, tứ-lục, thơ phú, văn-sách, ra vào trong mấy lối văn ấy mà thôi.

(1) 不次, Không kê thứ tự, muốn dùng làm chức lớn đến đâu tùy ý.

(2) 恩命, Mạnh-lạnh vua ban ơn cho kẻ dưới.

(3) Luật thơ người đời Đường 唐 bên Tàu.

(4) 騷選 Tao là một thể văn vần của ông Khuất-Nguyên 屈原 đời Chiến-quốc 戰國 bên Tàu làm, tuyên là văn tuyển đời Lục-triều 六朝 bên Tàu, cũng lối văn vần.

Bia Tiến-sĩ dựng tự đời vua Lê Thái-Tôn (năm 1433-1442), bộ Công đục đá, văn-thần soạn văn, theo thứ-tự đồ cao đồ thấp đề tên các ông nghệ, ý để làm trọng cái thanh-giá tiến-sĩ, lưu cái công-luận ngàn đời vậy.

Tiến-sĩ đến đời Lê, lễ đài rất lố long-trọng : quan Hồng-lô truyền tờ chế vua, xướng những tên đồ ; quan Lại-bộ ban ân-mệnh, mũ áo ; quan Lễ-bộ bưng bằng vàng có phượng nhạc dẫn đưa đến cửa hoàng-thành treo yết, các ông tiến-sĩ được ban yến ở Lễ-bộ-đường ; quan coi tàu ngựa sắp ngựa ngựa đưa về quán-ngụ ; vinh diệu không gì bằng. Đến đời Hậu-Lê, càng thêm long-trọng nữa : cấp phẩm-phục vinh-qui, dân bản-quán phải cờ trống tiếp rước ; quan sở-tại phải bắt dân hàng-tổng làm dinh ; tam-khôi được vào viện Hàn-lâm, đồng-tiến-sĩ cũng được bổ chức khoa-đạo ⁽¹⁾, không phải đi làm phủ huyện ; ra làm quan ngoài, được làm quan đường giữ ấn, không phải phó-nhi ai ; những cái ấy đều là ân-vinh đặc-biệt tự lúc có khoa-mục đến giờ chưa từng có vậy.

Bản-triều đức Thế-tổ nhất-thống nam bắc, phép thi cũng châm-chước theo đời Lê ; năm thứ sáu niên-hiệu Gia-Long (năm 1807) mở khoa thi, đầu bài thi định bốn trường : trường nhất một bài nghĩa kinh, một bài nghĩa truyện là túc quyền, trường nhì chế, chiếu, biểu, trường ba một bài thơ luật Đường, một bài phú, trường tư văn-sách, quán quyền bốn trường mới lấy đồ đánh hồng. Năm thứ sáu niên-hiệu Minh-Mạnh (năm 1825) định lệ quán quyền : bốn trường ưu cả là hơn nhất, thứ đến ba ưu một bình, thứ đến ba ưu một thứ hoặc hai ưu hai bình, thứ đến hai ưu một bình một thứ, hoặc hai ưu hai thứ, hoặc một ưu ba bình, hoặc ba ưu một liệt, thứ đến

một ưu hai bình một thứ, hoặc bốn trường bình cả, hoặc một ưu ba thứ, hoặc ba bình một thứ, hoặc hai bình hai thứ, hoặc một bình ba thứ, tính suốt bốn trường lấy người đậu trên đậu dưới. Đời Tiên-Lê đồ hương gọi là cử-nhân, tú-tài. Đời Hậu-Lê cử-nhân gọi là hương-cống, tú-tài gọi là sinh-dồ ; đời Gia-Long còn theo gọi như cũ, đến năm ấy lại đổi gọi là cử-nhân tú-tài. Năm thứ mười ba (năm 1832) sửa lại phép thi, bốn trường rút bớt đi một trường, trường nhất kinh-nghĩa, trường nhì thi hương một bài thơ thất-ngôn, một bài phú tám vần, thi hội một bài thơ ngũ-ngôn, một bài phú cũng tám vần, trường ba văn-sách. Năm thứ tư niên-hiệu Thiệu-Trị (năm 1844) định phạm thi hội thông ba trường được mười phân trở lên là trúng cách, bốn phân đến chín phân hoặc một trường bất-cập-phân mà hai trường kia được trên mười phân, lấy đậu phó-bảng ; lại định các quan giáo, huấn có chân cử-nhân, tú-tài, đến kỳ thi hội, cũng được tinh-nguyên vào thi. Năm thứ tư niên-hiệu Tự-Đức (năm 1851), lại thi bốn trường mà bỏ lệ quán quyền cả bốn trường mới lấy đậu đánh hồng ; thi hương trường nhất trúng cách mới cho vào trường nhì, trường nhì trúng cách mới cho vào trường ba, trường ba trúng cách mới cho vào trường tư ; trúng được bốn trường đậu cử-nhân, chỉ trúng ba trường cũng được đậu tú-tài ; thi hội thi thông bốn trường được tám phân trở lên là trúng cách, bốn phân đến bảy phân hoặc một trường bất-cập-phân mà ba trường kia được trên chín phân, lấy đậu phó-bảng. Lệ cũ phó-bảng không được vào thi đình, tự năm ấy sắp về sau cho trúng-cách cùng phó-bảng đều được thi đình cả. Sau định thi hội thi bốn trường, thi hương chỉ thi ba

(1) 科道 Là chức quan tại Kinh, cấp-sự các khoa : binh, hình, lại, lễ, công-hộ, Ngự-sử các đạo : Bắc-kỳ Nam-kỳ tả-trực-kỳ hữu-trực-kỳ.

trường thôi : trường nhất kinh-nghĩa ; trường nhì chiếu, biểu, luận ; trường ba văn-sách. Được ít năm trường nhì lại bỏ thiếu, biểu, luận thi thơ phú như hồi năm Minh-Mạnh. Năm đầu niên-hiệu Kiến-phúc định phạm thi hương quyền nào văn có ưu binh phải thi thêm kỳ phúc-hạch, xét coi văn-lý nét chữ giống mấy kỳ trước thì lấy đậu cử-nhân, văn-lý kém đánh xuống tú-tài, văn-lý bất-thông cùng nét chữ không phù, trích giao bộ Lễ cứu-nghĩ. Năm đầu niên-hiệu Đồng-Khánh (năm 1886) định trường Hà, trường Nam thi chung làm một, lấy đậu năm mươi ba cử-nhân, một trăm năm mươi chín tú-tài ; từ năm thứ ba (năm 1888) sắp về sau vì sĩ-số tăng nhiều, mỗi khoa lại lấy thêm ít tên nữa.

Ngoài thi hương thi hội, lại còn có những khoa bất-thời mở ra thi, như khoa hoành-từ 宏詞 đời Tiên-Lê, khoa sĩ-vọng 士望, khoa tuyển-cử 選舉, khoa đông-các 東閣 đời Hậu-Lê, khoa hoành-từ, khoa cát-sĩ 吉士, khoa nhã-sĩ 雅士, khoa yêm-bác 淹博 đời bản-triều, đầu-bài tùy khoa muốn ra thế nào thi ra, không thể-lệ nhất-định, người trúng tuyển danh-vị cũng kể như ông nghè, có ý đề dãi những người yêm-chê, có tài học phi-thường, mở lối cầu hiền thật thấy rộng lắm.

Tóm cái lịch-sử khoa-cử nước ta, phép thi đời Lý, điều-lệ chưa định, kỳ-hạn chưa rành, còn sơ-lược lắm ; phép thi đời Trần, khoa-kỳ hạn là bảy năm, nghạch đỗ chia là ba giáp, thể-thức đã hơi tương ; tự Lê đến bản-triều, đặt ra có trường-qui, có văn-thê, bài thi thi mấy trường quán-quyền, kỳ thi thi ba năm một khoa, thể-thức rất tương, thành cái phép nhất-định lấy khoa-mục lựa người, cũng hết y như Minh Thanh Tàu vậy.

IV

Các điều-lệ về thi hương.

Phép thi hương có tự đời Trần, mà điều-lệ chưa được tinh-mật lắm. Tự Lê sắp sau, mỗi ngày mỗi thêm tinh-mật. Tới khoa thi, trước chín mười tháng hoặc trước năm sáu tháng, lý-trưởng các làng phải loại-khai những tên học-trò thi. Các quan đốc-học các tỉnh phải hội-đồng với quan tỉnh định ngày hạch học-trò, các quan giáo, huấn chấm sơ, quan đốc chấm phúc, quan tỉnh duyệt lại, tỉnh lớn lấy đỗ chừng năm sáu trăm, tỉnh nhỏ chừng hai ba trăm, người nào đỗ hạch, trước ngày thi nửa tháng, phải nộp quyền thi tại quan đốc tỉnh mình, có thừa-lê thầu quyền. Trước ngày thi sáu bảy hôm, quan đốc các tỉnh đệ quyền tại trường thi, có quan đề-diện đốc-sức lại-phòng thầu quyền thi (mặt quyền thi đề rõ họ tên, niên-canh, quán-chỉ và cung-khai tam-đại mình) đóng giấu diện, giấu giáp-phùng⁽¹⁾, biên những tên học-trò thi vào sổ trường, trước ngày thi một hôm, yết bảng cửa biên những tên nào vào vi nào. Trường chia bốn vi, mỗi vi hai cửa, đêm giảng ngày vào trường, tám cửa có tám ông quan lớn coi việc trường ngồi, lại-phòng xướng tên từng người, đến lượt ai thi người ấy lĩnh quyền vào trường, tăng-sáng ra đầu bài, học trò làm văn đến trưa phải viết chừng một phần quyền đem xin đóng giấu nhật-trung, đến tối, trống thu-không ba hồi, phải làm văn xong đem quyền nộp xin đóng giấu vĩ ở dưới cuối quyền rồi ra trường, quá hạn thi bỏ ngoại hàm không được chấm. Trường nhất chấm xong, ai không bị loại thi lại vào trường nhì, cho đến trường ba trường tư cũng vậy cả. Trong trường chia

(1) Giấu diện đóng ở trên mặt quyền ; giấu giáp-phùng đóng ở chỗ chính giữa tờ thứ nhất và tờ thứ nhì. Giấu vĩ là giấu trường thi, khắc sẵn, để tại bộ Lễ, tới khoa, các quan chủ-khảo các trường, lĩnh đem đi làm việc trường.

năm khu : bốn khu xung-quanh là bốn vị chỗ học-trò ngồi làm văn, một khu chính giữa là khu quan trường ở và làm việc, chính giữa khu ấy có một cái nhà thập-đạo, nghĩa là các ngã đi thông tới cái nhà ấy được cả, các quan chủ-khảo ngồi ra đầu bài, các người chức-dịch làm công-việc trường, học-trò lấy giấu nộp quyền đều ở đó cả. Quan chánh, phó chủ-khảo, quan phân-khao, quan ngự-sử, quan đề-diệu, quan giám-khảo ở ngoại-trường ; các quan sơ-khảo, phúc-khảo ở nội-trường. Quan chánh, phó chủ-khảo coi hết việc trường và giữ quyền thủ xả, thường lựa quan triều tự tam phẩm sắp lên sung chức ấy. Quan phân-khảo giúp quan chánh, phó chủ-khảo về sự chấm quyền, tùy trường lớn nhỏ, có trường đặt một ông, có trường đặt đến hai ba ông, thường lựa quan triều tự ngũ phẩm sắp-lên sung chức ấy. Quan ngự-sử chủ việc xem-xét gian-phi ; ngày thi, mỗi hai vị giữa có một cái chòi, hai ông ngồi hai chòi, coi cả các vị ; khi chấm quyền trình-xát các quan có điều gì tình-tiết ; thường lựa quan triều ngũ phẩm sắp lên sung chức ấy. Các quan sơ-khảo, phúc-khảo, giám-khảo chia phần việc nhau chấm quyền ; tùy trường quyền thi nhiều, quyền thi ít, giám-khảo lấy hai ông hoặc ba ông, phúc-khảo lấy bốn ông hoặc sáu ông, sơ-khảo lấy mười mười hai ông hoặc mười bốn mười sáu ông ; thường lựa các quan giáo, huân hoặc tiến-sĩ, cử-nhân tại quán sung chức ấy. Quan đề-diệu chủ việc truyền-bảo coi-sóc các người lại-phòng làm sớ thi, sớ lấy đậu, yết bảng, phát quyền, thu quyền, tổng quyền chấm, v. v. thường lựa quan võ tứ phẩm sắp lên sung chức ấy, mỗi kỳ thi, học-trò nộp

quyền hết, quan đề-diệu thu tất-cả quyền thi bỏ vào rương, truyền lại-phòng giọc phách ⁽¹⁾ mã số-hiệu, rồi cất phách vào một rương niêm lại, tổng quyền cho các quan sơ-khảo chấm, sơ-khảo chấm rồi đến các quan phúc-khảo chấm, phúc-khảo chấm rồi, đến các quan giám-khảo chấm, giám-khảo chấm rồi, đến các quan chủ phân-khảo chấm, đủ bốn giầu chấm rồi, hợp phách lại xem quyền nào đậu quyền nào hỏng, làm sớ gián bảng, yết ra cửa trường. Thi đủ mấy kỳ quán quyền lại quyền nào văn-lý vào hạng vừa thì lấy đậu tú-tài, vào hạng tốt thì cho vào thi kỳ nữa gọi kỳ phúc-hạch, lấy đậu Cử-nhân, du người nào thi bỏ xuống tú-tài, có người văn kì ấy xấu quá đánh hỏng tuột. Chấm quyền định đậu hỏng hơn kém, dùng bốn chữ phê : ưu, bình, thứ, liệt 優平次劣 ; ưu là nhất, bình là khá, thứ là vừa, liệt là hỏng hẳn. Lại còn trường-qui nghiêm-nhật, ai phạm phải cũng không hòng đậu được : mang sách vào trường bị đuổi ; trong vì người nọ chạy lại hỏi người kia bị đuổi ; làm văn nhớ viết phải chữ húy nhà vua, nhớ nói câu gì lăng-mạn đến nhà vua, bị tội ; sớ, chữa, móc lên, móc xuống quá mười chữ bị đánh hỏng ; làm chỗ giấu cũng bị đánh hỏng ; làm ti-ổ quyền bị đánh hỏng ; làm chữ đầu-bài bị đánh hỏng ; nói việc kim-thời gặp những chữ nhà vua hay kể đức-tính vua không viết dài cao lên hàng bị đánh hỏng ; ai giữ khỏi bấy nhiêu đậu phạm mà văn-lý lại tốt mới đậu được. Hôm yết bảng đậu, các quan trường ngồi tại cửa giữa trường, lại-phòng xướng tên cử-nhân, từ thủ-khoa cho chí đội bảng ; đến tên ai người ấy giạ mà vào, lĩnh mũ áo

(1) Trang mặt quyền có đề tên họ học trò, giọc lấy nửa ấy, làm giấu ở chính giữa, biên số hiệu ở hai bên cạnh, rồi giọc đôi trang giấy ra, đề riêng phần có đề tên họ một nơi, chỉ đưa quyền không cho các quan chấm.

khâm cấp, cách hai ba ngày, bận mũ áo tề-chỉnh lạy tạ ơn vua tại hành-cung⁽¹⁾, lễ xong, được ban ăn yến. Những đồ nhật-dụng cung-ứng các quan trường, tre nứa làm nhà cửa phen rau trường và mũ áo cỗ yến các cử-nhân mới, đều trích tiền công-khố giao quan sở-tại tỉnh có trường chu-biện. Trường thi hương, đời Lê định bảy chỗ : Phụng-thiên (tức Hà-nội bảy-giờ, kinh-dô đời Lê), Sơn-nam (tức Hưng-yên, Nam-định bảy-giờ), Sơn-tây, Hải-dương, Thanh-hóa, và Nghệ-an ; đời bản-triều định sáu chỗ : Thừa-thiên, Thanh-hóa, Nghệ-an, Bình-định, Gia-định, Nam-định và Bắc-thành (Hà-nội bảy-giờ).

V

Các điều-lệ về thi hội

Điều-lệ thi-hội, đến đời Lê đã rất là tinh-mật ; bản-triều cũng chăm-chước làm theo : cứ năm trước thi hương, năm sau thi hội. Năm sừ, thìn, mùi, tuất mùa xuân tháng ba mở khoa. Những cử-nhân tại quán, ai không muốn đi thi, phải làm giấy cáo ; những người đi thi, quan lĩnh phải kê tên vụng thành sách đệ vào bộ Lễ và cấp giấy hộ-chiều⁽²⁾ cho từng người. Trước mười ngày các người có tên thi phải nộp quyền tại bộ lễ. Những thẻ-thức thu quyền, phát quyền, yết bảng cửa, học-trò vào trường, làm văn, lấy giấy, nộp quyền cũng như thi hương. Các trường-qui, trong khi học-trò viết quyền thi cũng phải giữ cho khỏi phạm.

Trường cũng chia nội-trường ngoại-trường, giữa nhà thập-đạo, giống như trường thi hương ; duy khác có chỗ học-trò ngồi làm văn, chia hai vi, có lều sẵn, lúc vào trường không đến nổi cổ đeo vai vác, lệch-thếch lăm như vào trường hương. Quan trường : một quan chánh-chủ-khảo, một quan phó-chủ-khảo, một quan tri-cống-cử, sáu quan đồng-khảo,⁽³⁾ quan chánh, phó đề-điệu, quan giám đẳng-lục⁽⁴⁾, quan giám đối-độc⁽⁵⁾ đều một viên, giám-thi-tuần-xát hai viên, nội-liêm-giám-thi bốn viên, ngoại-trường-tuần-sát bốn viên. Học-trò vào trường, ra trường do quan đề-điệu trông mở cửa đóng cửa ; quan giám-đẳng-lục trông chép quyền lại, rồi đưa lại quan giám-đối-độc ; quan giám-đối-độc soát quyền chép lại đúng hết, rồi đưa lại quan đề-điệu phân phát cho các quan nội-trường chấm trước, ngoại-trường chấm sau ; quan giám-thi-tuần-sát giữ việc canh-gác xem-xét tất cả trong trường, ngoài trường, có phi-vi dấu thi bắt trị tội ; quan nội-liêm-giám-thi chủ việc dò-xét tệ-lậu ở nội-trường ; quan ngoại-trường-tuần-xát chủ việc dò-xét tệ-lậu ở ngoại-trường. Quyền thi chấm xong, hợp với nguyên quyền, quyền nào đúng phân thi lấy dấu, thiếu phân thi đánh hỏng. Xong bốn trường quâu quyền, ra bảng trúng cách, định ngày vào thi đình. Đến ngày, sở quan thượng-thiết⁽⁶⁾ bày ngự-tọa, ở cửa chính giữa điện Cần-chánh, đặt bàn hương-án ở trước ngự-tọa, để hai bên thềm điện hai cái bàn xếp quyền

(1) 行宮, Ở các tỉnh có làm một nơi rất tôn trọng để thờ vọng vua, gọi là hành-cung hay kính-thiên 敬天.

(2) 護照, tức giấy cấp cho thông hành, khi tới kính triph tại bộ Lễ.

(3) Chánh phó chủ-khảo, tri cống-cử là quan ngoại-liêm ; đồng-khảo là quan nội-liêm ; cũng như ngoại-trường nội-trường chấm thi hương.

(4) 監騰錄. Quyền thi hội không đề nguyên quyền chấm. Quan giám-đẳng-lục coi lại-phòng chép lại quyền thi để chấm, chỉ chép đọc văn, không đề tên họ ai ; nguyên quyền thi cất biệt một chỗ.

(5) 監對讀. Quyền chép lại rồi quan giám đối đội coi hai tên lại-phòng một tên đọc một tên soát cho đúng nguyên quyền.

(6) 尙設司, quan giữ việc bày biện nghi-vệ trong triều.

thi, nghiên, bút mực ở trên ; một viên quan tuyên-chế-sách, một viên quan bộ Lễ, đứng bên tả thêm điện ; các quàng-điền, tri-cống-cử, giám-thí đứng hai bên thêm điện ; các quan đề-thi, linh Cầm-y-vệ bày, cờ xí trưng-hoàng ; một hồi trống, các quan văn, võ mặc đồ phẩm-phục phân ban đứng ngoài cửa điện ; hai hồi trống, phụng Ngự-giá ra điện ; quan tự-ban ⁽¹⁾ dẫn các quan ban văn vào thị lập bên tả thêm điện, ban võ bên hữu thêm điện, các viên trúng cách, cuối ban bên tả. Làm lễ năm lạy xong, quan tự-ban dẫn các viên trúng-cách tiến vào qui giữa thêm điện ; quan bộ Lễ tâu học-trò thi hội trúng cách những tên này tên này phụng chỉ cho vào thi đình. Các quan trường cấp mỗi người quyền thi, nghiên, bút, mực đều một cái ; quan tuyên-chế-sách qui tâu tuyên-chế, bưng tờ chế đứng tuyên ⁽²⁾ ; quan tuần-cử dẫn các viên trúng cách mỗi người tới mỗi phòng ngồi làm văn. Quyền thi đình do các quan đọc quyền phụng nghĩ văn-lý, ba phân sắp lên hoặc một hai phân mà đã đậu chánh-trúng-cách hội cũng lấy chánh-bảng. Ngày truyền-lô ⁽³⁾ đặt lễ đại-trào ở điện Thái-hòa ; các quan văn võ mặc phẩm-phục chia ban thị-lập ; phụng Hoàng-thượng ngự điện ; quan giám-thí và quan độc-quyền truyền các viên tiến-sĩ mới vào qui giữa thêm điện bên tả lĩnh mũ áo ; quan truyền-lô chiếu danh-sách thứ-tự trên dưới tuyên-xướng, rồi phụng chỉ yết bảng những tên đậu tại lầu Phu-văn ba ngày. Sau khi ra bảng, ban yến các viên tiến-sĩ tại Lễ-bộ-đường, quan bộ Lễ và các viên tiến-sĩ mới mặc mũ áo tề tựu chỗ ban yến vọng bái làm lễ tạ, phụng cho mỗi viên tiến-sĩ một cành

trám hoa cài mũ. Yến xong, một quan bộ Lễ dẫn các viên tiến-sĩ mới tới vườn Ngự xem hoa, đều mũ áo lọng ngựa chỉnh-tề, xem hoa rồi do cửa đông thành ra đi khắp các phố, ngày thứ, các viên tiến-sĩ mới bệ từ về quán ; quan Hồng-lô phụng chỉ truyền ơn cho vinh-qui.

VI

Những điều hay trong lịch-sử khoa-cử nước ta

Trong lịch-sử khoa-cử nước ta, cũng có nhiều cái ý tinh, cai phép tốt. Tiền-Lê có lệ bảo-kết ; Bản-triều có lệ loại-khai ; người nào thực có đức-hạnh, do chức-dịch trong làng kết-nhận, mới được đi thi ; những kẻ bất-hiểu bất-mục, loạn-luân, điêu-toa, dù có tài học văn-chương, cũng không được dự tuyền ; lựa người cốt đức-hạnh mà không chuyên chuộng về văn-chương ; xét người cốt bình-nhật mà không chỉ bằng ở một ngày ; còn có cái di-ý người đời xưa « hương cử lý tuyền » ; một điều hay vậy. Phép thi văn-sách, theo như lối đối-sách người Hán, ra bài vụ lấy đại-thể hồn-thuần mà không buộc những hiểm-đề tuyệt-cú ⁽⁴⁾ ; chấm văn qui có đại-tài yêm-bác mà không hạn những hành-xích tầm-thường ; coi những văn đối-sách của ông Lương Thế-Vinh, ông Vũ Công-Duệ đời Tiền-Lê, rộng-rãi tung-hoành, không phải cái văn tầm-chương trích-cú sánh nổi ; văn-học như thế, còn có thực-dụng được nhiều ; hai điều hay vậy. Trước kỳ thi, học-trò các nơi hạch tại tỉnh ; quan đốc cùng quan giáo, huấn xét học-trò trong hạt ai thực học hạnh khá, mới cho đậu hạch đi thi ; những trò

(1) 班序 Quan giữ việc bày ban xướng lễ khi thiết triều.

(2) Tờ chế là bài văn-sách vua ra cho học trò làm.

(3) 傳臚 Truyền chỉ vua xướng tên cho những ai đậu.

(4) Bài thật hiểm thật khó ; câu hỏi thật bí.

vào thi duệ-bạch ⁽¹⁾ hay bất-túc ⁽²⁾ hay bất thành văn-lý, thuộc về hạt nào mấy tên thi quan giáo, huấn, đốc, ở hạt ấy bị giáng mấy cấp, năm tên sắp lên thi bị cách ; coi đời Lê các quan phủ-doãn, thừa-li, hiến-ti (bổ-chánh, án-sát bấy giờ) như lũ ông Lê Đoán-Bru vì hạch học-trò có sót có lạm đều bị biếm chức, thi biết phép khảo-hạch rất tròng ; như thế lựa- lọc cũng đã kỹ lắm mà kiểu-hãnh cũng đã bớt nhiều ; ba điều hay vậy. Việc trường mở cửa, đóng cửa, thu quyền, đọc phách, hợp-phách ủy cho quan đề-điện, canh-gác xem-xét trong trường ngoài trường ủy cho quan giám-thí, mà những quan ấy dùng quan võ cả ; nội-trường ngoại-trường không được thông-đồng đi lại ; quan ngự-sử trình-sát sự gian-lậu của các quan trường ; giám-đốc lẫn nhau, khiến-chế lẫn nhau, thiên-vị cũng khó dụng tình mà gian-ngụy cũng khó làm trôi được ; coi quan trường đời Lê như ông Nguyễn Văn-Phang, ông Lương Công-Nghi, ông Ngô Sách-Dụ đều vì lấy đậu không công-bình bị tội, thi biết cách giữ gian rất tinh ; như thế cái tệ thi tiền cũng chẳng có mấy ; bốn điều hay vậy. Mấy ngày học-trò vào trường, các hư-quan, các cử-nhân tại quán, các tú-tài cáo thi đều phải tại tỉnh ứng-điểm ; coi một việc ông Nguyễn Văn-Quang (người làng Hội-xá, huyện Cẩm-giàng Hải-dương) đời Lê đậu trúng cách hội, đã ra bằng rồi, chỉ vì ngày thi hương khiếm ứng-điểm, bị tước tên không được vào thi đình, thi biết lệ-điểm nghiêm-lắm ; như thế cái tệ mượn người làm văn cũng chẳng có mấy ; năm điều hay vậy. Đậu bài thi không ở quan trường ra, cứ đến ngày thi, vua triệu quan kinh-nghĩ đầu bài trình lên, ngự-chấm rồi, sai binh chạy ngựa trạm đem

giao các trường, như lệ đặt năm niên-hiệu Vĩnh-thịnh đời vua Lê Du-Tôn (năm 1705), lấp cái đường chạy-chợt với quan trường, tuyệt cái lối mua trước đầu-bài, sáu điều hay vậy. Đăng khoa có sổ, tiến-sĩ có bia, truyền làm thịnh-sự đương-thời, để lại vinh-danh muôn thuở ; người đời sau chỉ tên chỉ họ ông này trung, ông này nịnh, ông này ngay, ông này gian ; vừa kích-khuyến mà vừa ngăn-ngừa, khiến người ta biết lấy danh-nghĩa làm trọng ; bảy điều hay vậy.

VII

Những điều tệ trong lịch-sử khoa-cử nước ta

Đại-đề việc thiên-hạ không mấy cái là giữ khỏi tệ ; lối khoa-cử cũng có nhiều điều tệ bởi đó mà sinh ra : như lúc đời Hậu-Lê, thi kinh-nghĩa thi cho học-trò chuyên-trị từng kinh, các bậc tiền-bối soạn sẵn bài-vở, hậu-học cứ duyên-tập lẫn nhau, thi văn-sách thi đầu bài chỉ lựa những chỗ hiểm-tích mà ra, may gặp chỗ nhớ, dù tài học tầm-thường cũng đậu, không may phải chỗ quên, dù tài cao học rộng cũng hỏng. Cụ Phạm Thạch-Động có thơ rằng : *sinh-đồ ba chuỗi nhờ hòn đất ; tiến-sĩ nửa câu cay bằng trời*, ám-chỉ cái tệ thi-cử đời ấy ; một điều tệ vậy. Phép thi lúc đời Tiền-Lê, con cháu những nhà phùng-chèo, con hát, nghịch-đảng, nguy-quan không được thi ; nhân-tài có hạn gì giống-nòi, mà bó-buộc như thế, thi lối câu-hiền cũng khi hẹp-hòi quá ; cụ Đào Duy-Từ là một vị danh-thần lúc Lê trung-hưng, tài cao học rộng tới bậc ấy, mà khi thi hội đã đậu trúng-cách, chỉ bị giáng ra là con phùng-chèo đánh hỏng, khuất-ức biết là dường nào ! Hai điều tệ vậy.

(1) 曳白 Đề quyền trắng không làm được văn.

(2) 不足 Làm không đủ quyền.

1938

Lệ thi lúc cuối đời Hậu-Lê, mỗi người nộp ba quan tiền vào thi khỏi phải khảo hạch ; hôm vào trường đông quá, có kẻ bị dẫm-đạp chết ở cửa trường ; trong trường đem sách hỏi chữ, mượn người thi giùm, làm công-nhiên không thể nào xét-nét được nữa ; đương-thời có cái lời mỉa « sinh-đồ ba quan », coi rẻ-rúng quá ; ba điều tệ vậy. Trường-ốc là chỗ cân lường tài học, mà thần-thế to quá, tinh-vị nặng quá, thường đánh đổ được lẽ công-bình ; tức như khoa thi năm thứ bảy niên-hiệu Bảo-thái đời vua Lê Giụ-Tôn (năm 1711), con quan thượng-thư Lê Anh-Tuấn, con nuôi quan thiếu-bảo Đỗ Bá-Phẩm đều mang tiếng dậu gian, lúc phúc-hạch quả bị truất ; khoa thi hội đời vua Lê Hiến-Tôn, ông Nguyễn-Duy-Nghi (người làng La-kê Hà-nội) làm khảo-quan, trường tư mươi tám quyển có chữ « trình chu bách độ » 貞周百度 đều dậu cả ; ngách gian như lỗ chuột, giữ sao cho xiết ; bốn điều tệ vậy. Khoa thi tiến-sĩ, về đời Hậu-Lê, lễ đãi hậu quá, đến nổi bắt dân bản-quán phải làm dinh cho, trong tổng trong làng có người dậu lấy làm khốn-khở ; cụ Phạm Khiêm-Ích khi dậu Đông-các, thương dân bản-quán cùng, không bắt làm dinh, dân cảm ơn cụ, sau phụng làm hậu-thần, xem thế thì biết dân đời bấy-giờ cực về sự ấy lắm ; năm điều tệ vậy. Trám bào chơi phở, cờ biễn vinh-quì, chẳng qua là những cái hư-vinh thế-tục, mà tưởng-lệ quá-đáng như vậy, nuôi thành tập-quán cho xã-hội có tinh hiếu-danh xứng ; thậm-chí những con gái giàu, xuất tiền trăm bạc ngàn mà mua lấy cái tiếng bà cử, bà nghè ; các ông tân-khoa thường vì thế mà mang điều sang đời vợ ; như ông Phạm Công-Tiến, ông Vũ Tôn-Diêm, ông Nguyễn Bá-Tôn lúc đời hậu Lê, đều vợ cả vợ lẽ lồi-thôi, phải một vết xấu trong chỗ danh-giáo ; đương-thời có câu mỉa « bà nghè cười

chồng », nghe tức cười quá ; sáu điều tệ vậy.

VIII

Kết-luận về sự thi ta

Nói tóm lại, cái cách lấy khoa-cử cầu tài, vẫn có nhiều khuyết-diêm : chỉ trọng ở văn-chương mà không xét tới phẩm-hạnh, thi làm sao biết được người giỏi người hay ; coi như Ngô Thời-Nhậm, Phan Thụ-Ích đều là ông nghè có tiếng hay chữ đời Hậu-Lê, mà sau ra làm quan với Tây-son, làm nhiều việc xấu quá. Chỉ bằng về một ngày mà không xét tới bình-nhật, thi làm sao định được người thực người hư ; coi như ông Lương Hữu-Độ là một vị danh-thần lúc Lê trung-hưng, văn-chương đức-nghiệp hiển-hách như thế, mà trước đi thi hội mãi không đậu. Chỉ hạn có một cách mà không rộng lối cầu tài, thi làm sao khỏi có kẻ trăm-luân ức-tắc ; coi về đời Hậu-Lê có giặc Đồ-Càn, về đời bản-triều có giặc Sứ-Thái, cũng chỉ vì có tài thác-thĩ, thi mãi không đậu, bức chi mà làm cần. Ấy là chính những cái tệ ở phép không hay ; còn những cái tệ ở người không hay thi biết bao nhiêu mà kể cho xiết. Song-le người trên đã mở cái đường ấy để lựa lấy người thi người tài cũng do cái đường ấy mà ra cả. Tiến-sĩ đời Trần, văn-học như ông Hàn Thuyên, ông Nguyễn Trung-Ngạn, chính-sự như ông Trương Hán-Siêu, ông Phạm Sư-Mạnh, liêm-tiết như ông Trương Đỗ, ông Mạc Đĩnh-Chi. Tiến-sĩ đời Lê, văn-chương như ông Đỗ Nhuận, ông Thân Nhân-Trung, liêm-trực như ông Vũ Tụ, ông Vũ Công-Đạo, trung-nghĩa như ông Lê Tuấn-Mậu, ông Đàm Thận-Huy. Cho đến ông Hà Tôn-Quyền, ông Trương Quốc-Dụng, ông Phạm Phú-Thứ ở bản-triều ta, đức-vọng công-danh, thực không thẹn với bằng vàng bia đá. Từ lúc có khoa-cử, biết bao nhiêu đạo-học, tiết-nghĩa, hiền-thần, liêm-lại,

chối-roi trong sử-sách, công-nghiệp với nước nhà. Khoa-cử không phải không được nhân-tài ; thế mới biết tệ ở người phần nhiều, chớ tệ ở phép vẫn phần ít. Bây giờ làm cái cách lựa lấy người ở trong trường học, thì phép thực là không tệ rồi ; nhưng thiết-tưởng

cái tệ ở người, thì dù phép hay [đến đâu cũng không tài nào giữ hết được, những cái tệ khoa-cử ngày trước, gương tày liếp còn nên để soi chung. Miên là người không tệ thì phép mới không tệ.

TUYẾT-HUY

MỘT BÀI HỌC RẤT CÓ ÍCH CHO QUỐC-DÂN TA

Hôm 27 Avril quan Toàn-quyền SARRAUT tới tiệc trà-hội của hội « Khai-tri-tiến-dữc » có đọc một bài diễn-thuyết rất dài. Bản-quản quốc-văn chủ-bút ông PHẠM QUỲNH đã dịch ra quốc-văn đăng số tạp-chi trước. Những lời ngài nói, đối với quốc-dân ta, như thuốc đúc hồn, như chuông tỉnh mộng. Vậy xin trích một đôi đoạn trong bài diễn-thuyết ấy, giải-thích cái ý-nghĩa của lời ngài nói, để dâng cho quốc-dân ta một bài học rất hay.

Quan Toàn-quyền nói kết-quả của cái chánh-sách bảo-hộ nước Pháp đã diễn-xuất cái tư-tưởng về nhân-quyền mà ngài tóm lại đoạn sau có nói rằng : « Nước Pháp vẫn dụng công và hiện nay cũng còn dụng công để gây cho người An-nam có cái nhân-cách hoàn-toàn. Vì cái công-nghiệp nước Pháp về đường ấy chưa phải đã xong đâu ; còn phải lâu dài nữa rồi mới mong tới ngày trong suốt cõi nước này công-tạo-thành ra nhân-cách có đủ quyền-lợi pháp-luật ấy sẽ được hiển-nhiên công-nhận vậy »

Quả vậy, cái nhân-quyền của nước ta, hiện đương bây-giờ, có lẽ cũng còn nhiều người chưa biết mà dù có biết nữa cũng còn chưa lấy làm trọng. Thế nào gọi là nhân-quyền ? Nhân-quyền

là cái quyền của từng người, mỗi người đều có ; người nào cũng không nên bỏ cái quyền của mình mà người nào cũng không nên xâm-phạm cái quyền của người ta ; pháp-luật nào mà hạn-chế người ta không cho xâm-phạm cái quyền của người khác, bình-vực người-ta không phải bỏ mất quyền của mình, thì là pháp-luật công-bằng ; pháp-luật nào mà dung-thứ cho kẻ xâm-phạm cái quyền của người khác, làm cho người-ta phải bỏ quyền của mình, thì là pháp-luật không công-bằng. Quan Toàn-quyền có nói hai tiếng : « nhân-cách của từng người », « Cái giá-trị của người ta. » Hai tiếng ấy cắt nghĩa cái « nhân-quyền » đã rõ. Nước ta bây-giờ nhờ cái pháp-luật công-bằng của nhà-nước Bảo-hộ, ai xâm-phạm cái quyền của người khác thì có phạt, cũng đã phát-hiện cái tư-tưởng nhân-quyền. Nhưng xem ra thì người bỏ quyền của mình còn nhiều, người xâm-phạm quyền của người khác cũng còn nhiều, mà đê-thường những người bỏ quyền của mình ấy cũng vẫn muốn xâm-phạm quyền của người, người xâm-phạm được quyền của người ấy cũng vẫn bỏ quyền của mình ; thành ra ai cũng bỏ quyền của mình mà ai cũng xâm-phạm quyền của người ; vậy thì người thật biết có cái nhân-quyền mà thật lấy

nhân-quyền làm trọng trọng còn ít lắm. Đình-trung miếu-sở, ăn một miếng, uống một chén, tiền đóng gạo góp như nhau cả, mà đàn-anh cứ muốn giữ phần hơn đàn em ; phần biểu cô đơm, đàn em vẫn chịu nước lép. Kể cường-hào ý thể-lực mà hiếp-đáp trai-tráng ; kể giàu sang cậy tiền của mà khinh bỉ bần-hàn. Trai-tráng bị hiếp-áp, mà vì thể-lực người-ta mạnh, không hề dám ngóc đầu ; bần-hàn chịu khinh-bỉ, mà vì tiền của người-ta nhiều, không hề dám ngừng mặt. Quan coi dân như kiến ; dân sợ quan như hùm ; quan lấy bác-tước dân làm hay, dân lấy lễ tiền quan là phạm. Người trên lằng-miệt kẻ dưới ; kẻ dưới su-mị người trên ; được nộ-nạt hồng-hách người-ta lấy làm vinh ; khéo nịnh-nọt bợ-đỡ người-ta lấy làm giỏi. Trên từ chốn nha-thự, dưới đến chỗ hương-thôn, phi là kẻ xâm-phạm quyền của người thì là kẻ bỏ quyền của mình ; mà chính những kẻ xâm-phạm quyền của người ấy cũng thường bỏ quyền của mình, chính những kẻ bỏ quyền của mình ấy cũng vẫn ham xâm-phạm quyền của người : ở trong làng được ngồi cái chiếu quan-viên thì ra điều rộng miệng cả tiếng, nhưng tới chỗ quan-quyền, thì nghe nạt một câu « bắt-dự hương-sự », run tay xám mặt, dù cần cở cũng không từ ; lên mặt cụ bá ông hào, bắt nạt ba thằng khố bện, nhưng đem cửa lạy cho người lấy vẫn không phiền ; phải bắt làm trái, cong vắn ra ngay, quan đối với dân thì vậy, nhưng gặp quan trên đối với mình cũng như vậy thì chịu ép một bề ; lên mặt lên mũi, tác-phúc tác-oai, kẻ trên đối với kẻ dưới thì vậy, nhưng gặp kẻ trên mình đối với mình cũng như vậy thì nín lặng làm thinh ; phạm những người xâm-phạm quyền của người-ta, mấy người lại không bỏ mất quyền của mình. Đàn-em chịu kém đàn-anh,

nhưng lại cố làm sao cho có ngôi có thứ để hòng hơn lớp đàn-em khác ; trai-tráng không nghĩ cách gì giữ cho tông-ly khỏi hà-lạm, chỉ nghĩ cách gì cũng được hà-lạm kẻ khác ; bần-hàn không nghĩ cách gì giữ cho phú-hào khỏi ức-hiếp, chỉ nghĩ cách gì cũng được ức-hiếp kẻ khác ; dân chịu van chịu lễ quan là cốt để được kiện mà bắt nạt kẻ thua kiện ; người dưới su-phụ hầu-hạ người trên là cốt để mượn thể mà bắt nạt kẻ vô thế ; phạm những người bỏ quyền của mình, mấy người không muốn xâm-phạm quyền của người ta. Tông-chi, ai cũng bỏ quyền của mình, ai cũng xâm-phạm quyền của người, thật chưa mấy người biết lấy *nhân-quyền* làm trọng, thật như lời quan Toàn-quyền nói còn lâu-dài nữa rồi mới mong tới ngày trong suốt cõi nước này cái công tạo-thành ra nhân-cách có đủ quyền-lợi pháp-luật ấy sẽ được hoàn-toàn và sẽ được hiển-nhiên công-nhận vậy.

Ôi! nhà nước Bảo-hộ còn muốn tạo-thành nhân-cách cho chúng ta, chúng ta lại chẳng nên bồi-đầu mãnh-tĩnh, mình có nhân-cách của mình mà tự bỏ đi mất để ngồi đợi nhà nước Bảo-hộ tạo-thành cho ư ? Nhà nước Bảo-hộ tuy muốn tạo-thành nhân-cách cho ta, mà nếu ta không lo giữ, ta cứ cố tự-hoại nhân-cách của ta thì ai tài gì mà tạo-thành được ! Muốn đừng hoại nhân-cách của mình để khỏi phụ bụng nhà-nước Bảo-hộ tạo-thành cho, thì chỉ có hai cách : 1° đừng khi nào chịu bỏ quyền của mình ; 2° đừng khi nào hòng xâm-phạm quyền của người ; xin quốc-dân ta nghĩ lại.

II

Quan Toàn-quyền nói sự mở thêm trường cao-đẳng cho ta mà ngài tỏ cho ta biết trước rằng :

« Các trường đó ai vào cũng được, không có ngăn cấm gì, chỉ có một sự hạn chế như sau này, là cái trình-độ học càng cao, thì cái trình-độ thi càng gắt, là có ý để kiểm-điểm cái học-lực của học-trò, xét xem có thực là biết, là hiểu không, còn cái hạng những « con khướu » chỉ biết học truyền-khẩu thì nên loại cho hết ».

Ấy đó, các nhà pháp-học ta ôi ! xin các ông nghe lời đó mà ngẫm - nghĩ cho ; các cậu học-sinh thiếu-niên ta ôi ! xin các cậu đọc lời đó mà nhớ kỹ cho. Quan Toàn-quyền ngài nói thế, tất ngài có ròm thấy cái lối học của ta tự xưa đến giờ vẫn thường có cái lối học truyền-khẩu, cái hạng người học-vấn nước ta vẫn phần nhiều có cái hạng « con khướu ». Khi nhà-nước Bảo-hộ chưa đem pháp-học truyền-bá cho ta, ta còn học nho-học, thì nào ngũ-kinh tứ-truyện, nào chư-sử bách-gia, trong đó cũng hiếm gì đạo-đức tốt, nghị-luận hay, có thể tu-dưỡng được tâm-thân, mở-mang được tri-thức ; nhưng cũng chỉ vì cái lối học truyền-khẩu, tìm-chương trích-cú, làm văn làm bài, học vụn quyền thiên kinh, mà rút lại không hiểu được một câu, không làm được một chữ, đến nổi thành cái học hư-vấn vô-dụng, cụ-học hủ-bại thế đã đành rồi. Tự lúc có pháp-học truyền-bá sang ta, ai cũng mừng rằng tân-học tất có hay hơn cụ-học nhiều, vì chính nhờ cái học ấy mà người Đại-Pháp được khôn-ngoaan tài giỏi, nước Đại-Pháp được văn-minh vẻ-vang có lẽ nào cũng một giống cây ấy, trồng ở đất kia thì ngọt mà trồng ở đất này lại hóa đắng hay sao ? Ôi ! nói về chữ Pháp thì nào sách luân-lý, nào sách triết-lý, nào sách chính-trị, nào sách lý-tài, nào sách khoa-học, biết bao nhiêu là sách-vở tốt có thể mở-mang tri-thức được cho ta ; nói về trường học chữ Pháp thì nào trường phổ-thông, nào trường công-nghệ, nào

trường thuốc, nào trường nông, nào trường pháp-chính, nào trường sư-phạm, biết bao nhiêu là trường học tốt có thể đào-luyện được nhân-tài cho ta ; sách học như thế, trường học như thế, người Đại-Pháp cũng học bấy nhiêu sách, bấy nhiêu trường mà cái tài-lực kiến-thức muôn phần ta không có một ; tuy nói trình-độ học của ta có kém người Đại-Pháp, thì người mười ta cũng được lấy ba bốn, sao đến thành ra một hạng người « con khướu » được ? Xét kỹ ra thì sách học vẫn hay, trường học vẫn tốt, mà người không chịu học, thì hấp-dẫn làm sao được cái tốt, cái hay. Nghề học gì cũng cốt lập-chí làm đầu. Ta học chữ Pháp thuở nay phần nhiều chỉ vì cái mục-dịch kiếm tiền, miễn là nói được câu chuyện, dịch được cái đơn, thế là đủ cái tư-cách tháng lương ít chục, lấy con mắt hển hồ ếch giếng, mà trông mênh-mông ngoài biển học Thái-Tây, muốn lặn-lội tìm-tòi, e lại tổn công-phu, nhọc lòng sức, chỉ đã không tại đây thì nghiên-cứu mà làm chi, không chịu bỏ cái thi-giờ ở chiếu-hát giáp-tuồng, để làm những công việc bất-thiết ấy, cho nên có sách hay thật, mà ai thèm ngó tới bao giờ, học phổ-thông mà cần gì nghiên-cứu cái tri-thức phổ-thông, học công-nghệ mà cần gì nghiên-cứu cái xảo-thuật công-nghệ, học chính-trị, học sư-phạm mà ngoài sự so-sánh địa-vị tốt cùng xấu, cần gì luyện cho thành tài chính-trị, tài sư-phạm, học thuốc, học nông mà ngoài sự cân-nhắc lương-lộc ít cùng nhiều, cần gì học cho giỏi nghề thuốc, nghề nông ; kết-cục cái hạng người học-vấn nước ta, không rửa được cái tiếng ươn là cái hạng « con khướu », trước kia là « khướu » chữ Hán, bây giờ lại là « khướu » tiếng tây ; học-giới như thế thì trông gì có bổ-ích cho xã-hội !

Quan Toàn-quyền thật là một đứng nghiêm-sư ; lời ngài dạy ta khác gì

một liều thuốc thần trúng bệnh. Xin các nhà pháp-học ta nghĩ đó, các cậu học-sinh thiếu-niên ta nhớ đó, đã học cái gì thì lập-chí học cho kỹ hiểu, kỹ biết, đừng ham công-lợi nhỏ-mọn, đừng ngại công khó nhọc-nhẫn, chèo non đến đỉnh, đi biển đến bờ; cũng một con đường « chữ Pháp » ấy, người Đại-Pháp noi theo đó mà khôn-gioan tài-giỏi, thì ta cũng gắng cho kịp người; may ra cái tiếng ươu « con khướu » trong học-giới nước ta, trông về phái pháp-học các ông sau này mà rửa sạch được.

III

Quan Toàn-quyền nói nghĩa-vụ của người Đại-Pháp ở xứ ta là phải giầy cho một bọn thượng-lưu càng ngày càng có học, càng ngày càng đông thêm lên mà ngài nói thiết rằng: « Trong một nước thế nào cũng phải có một bọn thượng-lưu thì nước mới sống được »

Lời nói ấy thật đích-dáng thay! Không luận nước nào, cái vận-mạnh của một nước suy hay thịnh, nên hay hư, chỉ theo cái đạo-đức, cái trí-thức, cái tài-lực của một bọn thượng-lưu mà tiến-thoái. Tuy nhất-ban người nước, ai cũng có một phần trách-nhiệm về việc nước; nhưng các hạng người thượng-lưu thì là tướng, ví như ra trận đánh giặc, vẫn cần phải có quân trung-dũng mới mong thắng trận được, nhưng vận-trù quyết-sách, quyền chỉ-huy vẫn cốt tại ông tướng nhiều; ông tướng giỏi thì toán quân ấy thành ra giỏi cả, mà ông tướng dở thì toán quân ấy thành ra dở cả. Việc nước cũng vậy, trong những cơ-quan tổ-chức thành một nước, nào pháp-luật, nào chính-trị, nào kinh-tế, nào giáo-dục, nào nông, nào công, nào thương, bấy nhiêu cái cơ-quan, người dân trong nước tùy cái tính-chất, cái tài-lực, cái cảnh-ngộ của mỗi người, chia

nhau mà làm công việc; nhưng công việc gì cũng phải có người xướng-khởi lên, dẫn-biểu cho, quản-xuất cho, giám-đốc cho, hoặc có chỗ tệ thì tìm phương mà bỏ cho, hoặc có điều hay thì tìm thể mà phát-minh cho, thì các cơ-quan mới là toàn-vẹn. Người ấy là ai? tức là hạng người thượng-lưu trong nước đó. Một bọn thượng-lưu ấy mà giỏi, thì người giỏi về pháp-luật ấy đứng đầu cái cơ-quan pháp-luật, điều gì không công-chính, sửa đổi dần cho công-chính. pháp-luật tất một ngày một tiến-bộ; người giỏi về chính-trị ấy đứng đầu cơ-quan chính-trị, những điều lợi dân ích quốc, cố làm cho kỹ thành, chính-trị tất một ngày một tiến-bộ; người giỏi về giáo-dục ấy đứng đầu cơ-quan giáo-dục, kiểm-soát các thầy giáo cho khỏi biếng nhác, sửa-sang chương-trình học cho khỏi sai lầm, giáo-dục tất một ngày một tiến-bộ; người giỏi về nghề nông, thì đứng đầu lên khẩn đất khai hoang, kinh-lý thế nào là đặc-nghĩ, trồng tía thế nào là đúng phép, làm tiêu-biểu cho các nhà nông, nông-giới tất một ngày một tiến-bộ; người giỏi về nghề công, thì đứng đầu lên lập công-sởng này, công-sởng khác, quản-lý được cho công-việc chỉnh-tề, công-giới tất một ngày một tiến-bộ; người giỏi về nghề thương thì đứng đầu lên đặt thương-cuộc ở các nơi, sắp-đặt được cho qui-tắc tinh-tường, thương-giới tất một ngày một tiến-bộ; nghề gì cũng tiến-bộ thì nước gì mà chẳng thịnh, chẳng nên? Một bọn thượng-lưu ấy mà dở cả, thì cái sự nghiệp gì trong nước cũng phải hư; có người giỏi mà cũng có người dở, thì hoặc về cái cơ-quan nào được người giỏi, tức cái cơ-quan ấy thành-lập, về cái cơ-quan nào mắc người dở, tức cái cơ-quan ấy bại-hoại; nước gì mà chẳng suy chẳng hư?

Các nước văn-minh phú-cường trong thế-giới ngày nay, tuy có bởi trình-độ

dân-tri đã cao, nhất-ban quốc-dân đều có đủ thường-thức để giúp cho những người thượng-lưu hành-động được; nhưng xét kỹ ra thì nước nào cũng bởi một bọn thượng-lưu có đạo-đức, có tri-thức, có tài-lực, đủ cái tư-cách làm đầu cho dân, nên mới đem được các hạng người khác khỏi lạc nẻo lầm đường, khỏi chậm-trễ vấp-vấp, mà thành được cái hiệu-quả văn-minh phú-cường như thế. Đến cái xã-hội nước Nam ta thì lại càng trông-mong về bọn thượng-lưu nhiều lắm. Nước ta do cái chế-độ tộc-trưởng mà thành cái chế-độ quân-chủ đã mấy ngàn năm nay; quốc-dân chỉ giàu về cái tinh phục-tùng mà hiếm về cái tinh tự-cường tự-trị, bởi tinh phục-tùng rất giàu, nên gặp được một bọn người thượng-lưu giỏi, thì bảo sao nghe vậy, việc gì cũng nên, gặp phải một bọn người thượng-lưu dở thì thượng bất chính hạ tác loạn, việc gì cũng hỏng; lúc trước gọi là bọn thượng-lưu trong nước ta, chỉ có trên vua thánh, dưới các quan hiền, những người thuộc về cơ-quan chính-trị, pháp-luật, giáo-dục cả, nên đã ghephen có vua lành tướng-giỏi thì nước thấy trị, dân thấy yên, nhưng cũng bởi vì thiếu những người thuộc về nông, công, thương, nên cái văn-minh về tinh-thần có vẻ-vang, mà cái văn-minh về vật-chất vẫn kém-cỏi; thử coi một cái tỉnh có ông quan giỏi với một cái tỉnh có ông quan xằng, coi một cái làng có người đàn anh hay với một cái làng có người đàn anh dở, một trăm cái, cái gì cũng thấy hơn kém nhau xa, đủ biết việc nước mình, lớn từ việc chánh-trị, nhỏ đến việc làm ăn, việc gì cũng quan-hệ về một bọn thượng-lưu lắm.

Rồi trước ngó sau, bọn thượng-lưu nước ta bây giờ là ai nhỉ? Trên quan-lại, dưới thân-sĩ, ở hương-thôn có những tiên-chỉ kỳ-mục, cụ bá ông hào, ở phường-phố có những nhà môn-

bài cao, những tay thâu-khoán lớn, vai-vế trong xã-hội, tai mắt trong bàn-dân, ấy tức là bọn thượng-lưu nước ta đấy. Vận-mệnh nước nhà trông cậy ở cả các ngài đấy! Gánh-vác nước-nhà phú-thác cả vào các ngài đấy! Không biết các ngài nghe lời quan Toàn-quyền nói có ghê mình rợn tóc hay không? Các ngài có từng xét lại cái đạo-đức, cái tri-thức, cái tài-lực của các ngài, đã xứng-đáng là một bọn thượng-lưu của một nước, có thể so-sánh được với những bậc thượng-lưu Âu-Mỹ không?

Cái đạo-đức bọn thượng-lưu thế nào là xứng-đáng? Phải có bụng thương người, có lượng dung người, có thành-tín phục người, đốc-xuất người cho cực nghiêm, xử-lý người cho cực công, xem xét người cho cực siêng, tiếp-đãi người cho cực hậu, không những lấy lời khuyên-nhủ mà dạy người, lại phải lấy thân làm mẫu mà dạy người; ấy là cái đạo-đức bọn thượng-lưu vậy.

Cái tri-thức bọn thượng-lưu thế nào là xứng-đáng? Làm thượng-lưu trong cơ-quan chính-trị thì trước phải luyện thành tài chính-trị, thuộc chính-trị của các nước, xét tinh-thế của nước mình; làm thượng-lưu trong cơ-quan pháp-luật thì trước phải luyện thành tài pháp-luật, lập-pháp nghĩ hết các điều cho khỏi tệ, tư-pháp giữ hết các ngách cho khỏi gian; làm thượng-lưu trong cơ-quan giáo-dục thì trước phải luyện thành tài giáo-dục, hiểu hết học-lý về môn sự-phạm, mà lúc dạy phải châm-chước với luân-lý phong-tục của bản-quốc, thích-hợp với trình-độ cao thấp của học-trò; đứng đầu một cái đồn-diên thì nông-học mình phải cho thạo, đất gì nên trồng giống gì, cây gì nên bón mẫu gì, lựa giống thế nào là sành, làm đất thế nào là kỹ, nuôi súc-vật thế nào cho khỏi toi, gặp thủy hạn thế nào cho khỏi hại; đứng đầu một cái công-cục thì công-chính mình phải cho rành,

có tốt-nghiệp ở một trường chuyên-môn, có thực-thủ ở một nhà chế-tạo ; đứng đầu một cái thương-cục thị thương-học mình phải cho giỏi, chỗ mua bán hóa-hạng phải cho lịch-thiệp, cách tính-toán sổ-sách phải cho kĩ-càng ; ấy là cái tri-thức của bọn thượng-lưu vậy.

Cái tài-lực của bọn thượng-lưu thế nào là xứng-đáng ? Con-mắt phải tinh-trường, thủ-đoạn phải lanh-lẹn, phải có chí-khí lớn, phải có can-đảm bền, dùng người phải minh, giám-đốc người phải chặt-chẽ, mưu việc phải cẩn-thận, làm việc phải siêng năng, ấy là cái tài-lực của bọn thượng-lưu vậy.

Thiết-tưởng đạo-đức, tri-thức, tài-lực như thế mới xứng-đáng là cái tư-cách một bọn thượng-lưu. Các ngài

có cái tư-cách thượng-lưu ở nước ta, nếu cái đạo-đức ấy, cái tri-thức ấy, cái tài-lực ấy mà còn khiếm-khuyết, thì chẳng cô - phụ cái lòng quốc-dân ta trông cậy lắm ru ? Nhà-nước Bảo-hộ cố tạo-thành cho ta có cái tư-cách xứng-đáng làm bọn người thượng-lưu, nếu ta còn khiếm-khuyết cái đạo-đức, cái tri-thức, cái tài-lực thượng-lưu mà ta không cố tu-duỡng cho hoàn-toàn, thì chẳng phụ lòng tặc-thành của nhà-nước Bảo-hộ lắm ru ? Cái tư-cách ấy nhà-nước Bảo-hộ tuy cố tạo-thành cho ta, nhưng công-phu tu-duỡng cốt tại ta ; ta mà tự-bạo tự-khí thì ai tạo-thành cho ta được ? Thành tại ta mà hoại cũng tại ta ; quốc-dân ta mong ở các ngài thượng-lưu nhiều lắm.

DƯƠNG BÁ-TRẠC

VỀ VIỆC CẤM RƯỢU Ở CÁC NƯỚC CÙNG VIỆC RƯỢU LẬU Ở NƯỚC TA

Người ta đã từng xét kỹ mà cho rượu là một thứ thuốc độc. Uống ít thì thấy tinh-thần hơi hăm-hở, cử-động hơi hăng-hái, ấy là trúng độc nhẹ. Uống nhiều thì trúng độc phải nặng ; nặng vừa thì trí nghĩ chậm-chạp, sức nhớ kém bớt, và hay cậy mình khinh người, dụng ai gây nấy. Nặng tí nữa thì tâm-tinh rối-loạn, mất cả lòng đạo-đức, không còn biết dè-nén lấy mình nữa, có thể nói và làm được những truyện bậy bạ, nhân đó mà phạm tội. Nặng lắm thì cả ngày cứ lừ-lừ bè-bệt, không biết gì là gì cả, rồi phát ra bệnh dữ-dội mà chết, hoặc là deo mình vào sự tai-nạn thịnh-linh mà chết. Nói tóm lại, rượu chỉ có ích một phần mà hại đến ngàn muôn phần : hại về trí-khôn, sức khỏe, đường làm-ăn, đường phong-

tục, lại hại cả đến nòi-giống nữa, làm cho tan-nát cái xã-hội bây giờ luôn đến cái xã-hội về sau.

Rượu làm hại như thế, cho nên ai cũng nên chừa, mà nhất là nhà quân thiết không nên dùng đến. Trận Nhật-Nga đánh nhau, quân nước Nga nhân uống rượu « vodka » (Vodka) say rồi ngộ rét mà chết nhiều lắm. Bên Tàu, có một trường võ-bị đã từng dùng cách mà thí-nghiệm : lựa 20 người lính đồng sức nhau nữa thì cho ít rượu vào, nửa thì không, rồi đem ra thí bắn bia. Thí như thế luôn trong 16 ngày, bắn bia 30 lần, cộng là 27,000 phát đạn ; xong rồi tỉnh lại thì thấy bên uống rượu phải thua, thua đến 10-12 %, nghĩa là bên kia trúng 100 phát thì bên này chỉ trúng 90 phát hay là dưới 90

phát. Người ta lại thường ví dụ rằng : cho quân-lính mệt nhọc uống rượu vào để cho thêm sức, chẳng khác gì lấy roi đánh con ngựa hết nước để cho ra nước. Lính đã mệt nhọc, uống rượu vào lại càng mệt nhọc, cũng như ngựa đã hết nước, đánh nó thì nó càng li thêm.

Vì các lẽ nói ở trên đó, cho nên trong trận chiến-tranh mới rồi đây, các nước bên Âu Mỹ mới xằng-xái mà thi-hành cái chánh-sách cấm rượu.

Về việc cấm rượu mà làm một cách nghiêm-thiết hơn hết là nước Nga. Thuế rượu của nước Nga mỗi năm thâu vào hơn 960.000.000 đồng bạc, thế mà đành bỏ đi một mối lợi lớn như thế để làm cho tiết trong nước không còn một chén rượu nào ; vì là họ ăn-năn sự thất-bại năm trước. — Nước Đại-Pháp cũng vậy. Rượu « ap-xanh » (*absinthe*) của nước Pháp cũng là một thứ « rượu cất » mạnh lắm như rượu « võ ca » nước Nga, dân Pháp ưa uống thứ rượu ấy, không tài nào trừ đi được. Thế mà lúc mới khai-chiến, thì Chánh-phủ hạ lệnh cấm ngay. Không những là cấm nấu, cấm bán, mà lại đem những nguyên-liệu để nấu thứ rượu ấy tiêu-hủy cả. Mọi nhà hàng bán rượu thì bắt đóng cửa cả, có nhiều nhà hàng đành phải đổi ra hàng nước chè, hàng cà-phê. Chánh-phủ đã làm như thế, còn dân-gian thì rủ nhau lập « hội cấm rượu », trên dưới một lòng, mong cho trừ được cái họa rượu về sau. — Nước Anh lúc mới có giặc, chưa có lệnh cấm rượu. Sau lần-lần cái công-giá của bọn lam thuê tăng lên, họ có nhiều tiền thì lại càng uống rượu, càng say sưa, càng bỏ công việc : từng mấy phen xin bớt giờ làm việc mà muốn cô-động cái phong-trào « đồng-minh-bãi-công ». (1) Nhà vua lấy làm lo, bèn đầu tiên chừa rượu,

để làm biểu-suất cho dân. Rồi đặt một ông quan giám-đốc về việc rượu, hạn chế cái thi-giờ bán rượu : hồi trước mỗi ngày cho bán rượu trong 17 giờ đồng-hồ, bây giờ chỉ cho bán trong 5 giờ rưỡi mà thôi. — Nước Ý-đại-lợi lúc trước cũng có cấm rượu, nhưng chỉ cấm không được bán rượu cho người 16 tuổi trở xuống. Từ có việc chiến-tranh đến giờ, cũng cấm ngặt như nước Đại-Pháp. — Nước Đức và nước Áo khi mới động-binh, cấm lính không được uống rượu, hàng rượu không được bán rượu cho những người mặc đồ lính. Nước Áo thì cấm không được dùng các loài cốc (2) mà chế rượu. Lại hạn-chế thi-giờ bán rượu, mỗi ngày chỉ cho bán từ 9 giờ mai cho đến 5 giờ chiều. Nước Đức cũng có cấm và hạn-chế như vậy. — Bên nước Mỹ, về việc cấm rượu cũng riết lắm. Cả nước là 48 tỉnh, mà lúc mới chiến-tranh, có được 20 tỉnh cấm tiết không có rượu ; còn các tỉnh khác rồi cũng cấm tất cả. Tỉnh nào họ cũng lập ra « đảng cấm rượu » để vận-động việc cấm rượu. Các nhà báo cũng nhiều nhà tán-thành và cô-động giùm cho đảng ấy. Đảng cấm rượu ở nước Mỹ bây giờ thế-lực to lắm, họ tính xin với quốc-hội gia vào trong hiến-pháp một điều là điều cấm rượu, để cho cái giống độc ấy tuyệt tích trong nước Mỹ. Người ta chắc rằng cái nghị ấy quốc-hội sẽ nhận cho. Họ lại định trong 6 năm sẽ cấm tiết rượu cả toàn-quốc. Ngoài mấy nước giao-chiến ấy còn các nước trung-lập như Hà-lan (Hollande), Thụy-điền (Suède), Na-uy (Norvège), Đan-mạch (Danemark), cũng đều có cấm rượu cả.

Coi đó thì rượu ở bên ^{trông} nước Âu-Mỹ bây giờ không còn ^{đi} ^{nhìn} ^{lo}

(1) Ở các nước bọn công-nhân thường nhân kêu nài việc gì không được thì họ không làm việc nữa, gọi là « đồng-minh bãi-công » *Grève*.

(2) Loài cốc là các thứ lúa, bắp, đậu v. v. — *Céréales*.

hành-động nữa, như là một người đã phạm tội giết người, bị người ta thù-hiền xỉ-vả. Bởi vì đã mấy ngàn năm nay, rượu lưu-dộc cho người ta nhiều lắm. Vả chẳng đương trận đánh to này, các nước lương-thực thiếu-thốn, nhiều nơi phải ăn cầm xác (1). Nếu mà cứ thả cho rượu tự-do như trước, thì không những là hại về việc quân-cơ, nơi hàng-trận, mà lại rút bớt số lúa gạo đi làm cho thiên-hạ thêm đói thêm khổ là chừng nào ! Thế không cấm không được. Cho nên trận đánh này là trận đánh các nước Hiệp-ước đánh giặc Đức-Áo, mà cũng có thể gọi là trận đánh của dân Âu Mỹ đánh « giặc rượu ». Là thay ! cái tội-án của rượu đành-rành như thế, mà lại còn có người đứng lên mà bênh vực, mà cãi lẽ, chống án cho rượu ! Họ nói rượu có ích chớ không hại, miễn là đừng dùng nó quá độ thì thôi. Dầu vậy, một người bị tội, tòa án đã xử tử-hình, thiên-hạ đều công-nhận cả, thì đâu có một hai thầy kiện đứng ra cãi lấy được, cũng chẳng ăn thua vào đâu. Báo *Evening Bulletin* nước Mỹ có nói rằng : « Ngày nay là ngày hai thời-đại tranh nhau, thời-đại cũ gần qua, thời-đại mới sắp đến. Rồi đây « con ma rượu » không còn hiện ra trong thế-giới nữa, mọi việc trong xã-hội sẽ được mới-mẻ và tấn-tới thêm lên ». (2)

* * *

Thương thay cho các dân trong cõi Á-đông này, mọi điều ích-lợi của cuộc văn-mĩ-mạng trong thế-giới, đều thu về sau ! Có biền cái bên Âu bên Mỹ đã chán-chen thừa-thải ra rồi mới đến mình ! Có nhiều cái bên họ đã trừ đi,

diệt đi, không cho ló mọc ra mà bên này vẫn còn lừng-lẫy ! A-phiện là một mà rượu là hai vậy.

Nước ta thua trước cho dân được phép nấu rượu, mà nhà nước lấy thuế, song thuế rất nhẹ. Từ có nhà nước Bảo-hộ, mới cấm dân không được nấu, mỗi tỉnh chỉ cho một nhà lãnh-trung đứng nấu, mà lấy thuế nặng hơn. Làm như thế được ngót 20 năm, ban đầu trong dân cũng có ta-oán, song sau lại thấy làm ăn cũng no đủ, chẳng có hại gì, lần-lần quen đi ; cứ dùng « rượu có thuế » không ai dám nấu lậu. Hơn 10 năm trở lại đây, trong Nam ngoài Bắc, rượu lậu nơi nào cũng có. Tôi không được thấy sổ « thống-kế », không biết số người phạm tội nấu rượu lậu là bao nhiêu. Song chắc là nhiều lắm mà mỗi năm mỗi tăng lên. Năm 1908, tôi có ở tại tòa cảnh-sát Hà-nội, thấy những người khổ-sai ở đó, hỏi ra thì người nào cũng là « tù rượu » cả. Một năm mới rời dầy, tôi vào ra đường xe-hỏa Hanoi-Vinh là 6 lần, mà lần nào cũng có gặp « tù rượu » bị giải đi trên xe. Còn nói chi xung-quanh miền tôi ở là một nơi « rượu lậu » có tiếng. Dân làm như thế mà quan không tài nào cấm được : nơi thời quan gán cho dân phải mua « rượu có thuế », nơi thời trách-phạt đến tổng lý, mà cũng chỉ thấy bớt đi được chút đỉnh thôi !

Tại làm sao ? — Hỏi như thế thì ước có mấy câu trả lời. — Người thì nói : Nghề nấu rượu là nghề của dân An-nam thuở nay, bây giờ nhà nước choán đi, thì họ phải nấu chùng nấu trộm. — Nói như thế là phần nhiều. Còn cũng có người nói : « Rượu có

(1) Nghĩa là ăn vừa đủ cầm cái xác con người lại cho khỏi chết, ăn ít lắm.

(2) Đây trở lên nhặt trong báo Đông-phương tạp-chí của Tàu.

thuế » có pha « rượu máy » vào, uống thì vang đầu, thổ huyết, cho nên dân Annam đói khát cực khổ, không nghề làm ăn, nên mới làm nghề ấy ; dầu có bị ở tù nữa, có cơm mà ăn, còn hơn là ở nhà. — Câu này chánh là câu máy anh « tù rượu » đứng khai trước tòa án.

Tôi xin cãi hai câu trên đã : Thuế rượu nước nào cũng có, dầu cũng làm một cách như Bảo-hộ đã làm trong nước ta. Như nói nhà nước đoạt mất nghề dân, dân không nghề làm, thế thì dân các nước đều chết đói hết sao ? Ta đây, trong khoảng ngót 20 năm đó, chưa hề nấu rượu lậu, sao không kêu van rằng không có nghề làm. — Sở máy nấu rượu, dùng những nguyên-liệu gì, pha nước lã bao nhiêu, đều theo phép-tắc của nhà-nước. Không lẽ nhà-nước đã đặt nhà thương tòa vệ-sinh ra để cứu dân mà lại đem thuốc độc để thuốc dân. Uống như hũ chim, tài nào mà chẳng vang đầu thổ huyết. Tôi lại thấy thứ rượu lậu mà các người cho là lành, là tốt đó người ta đã từng pha mũ cây xương-rồng, pha mò-hóng vào mà các người cũng cứ uống ! Còn nói gì ?

Câu trả lời thứ ba thì ra dạng nói liều mà rất thực tình, rất đúng. Đại-đề về việc rượu lậu có hai cái cơ lớn : Một là tại người mình đường kinh-tế khó-khăn, hai là tại lòng đạo-dức suy kém. Nước ta ngày nay sinh-sản càng ngày càng đông, mà đường làm ăn càng ngày càng chật. Cửa trong nước bán ra thì ít, mà cửa ngoại đường đem lại thì nhiều. Gia-dĩ mấy năm nay nơi thời hạn, nơi thời bão lụt, nơi thời võ đê, không năm nào là không có. Nhà-nước Bảo-hộ cũng đã hết lòng mở-mang đường ích-lợi, song rủi gặp cơn giặc-giã, các công-việc đình-dốn lại, nên sự tấn-bộ về đường sinh-hoạt của dân ta phải chịu lùi. Hiện nay dân ở các nơi thành-thị thì thực có thịnh-vượng nhiều, mà dân ở nhà quê thì lắm nơi nghèo khổ lắm. Gặp đời bây

giờ lại là đời cái « lượng » tăng mà cái « phẩm » giảm, phong-hóa càng ngày càng kém, giá người càng ngày càng hạ. Thầy Mạnh-tử có nói : « Người ta có việc không thêm làm, rồi mới làm việc gì được ». Người ấy bây giờ cũng hiếm có. Huống gì người đã nghèo đã đói mà giáng sinh vào đời này, tài nào mà chẳng làm bậy, chẳng phạm phép ? Họ có thêm kẻ sự tù-tội là xấu-hổ đâu. Một câu « ở tù có cơm ăn, còn hơn ở nhà » thực là đúng vào câu sách « ky-hàn thiết thân, bất cố liêm-sĩ ».

Thế thì làm thế nào cho hết rượu lậu ? — Tôi nghe nhiều ông nghị-viên bàn với nhau muốn xin Nhà-nước cứ để cho dân nấu như thuở trước, rồi chiếu theo số thuế bây giờ mà lấy. Làm như thế đã không tổn gì Nhà-nước mà có lợi cho dân. — Úy ! Các ông làm to ! Thế là các ông hại dân đó ! Đại-phàm tính lợi hại thì phải tính đến phần nhiều với phần ít, tạm với lâu ; nếu lợi cho một người mà hại đến mười người, lợi cho một năm mà hại đến mười năm, cũng vẫn là hại vậy. Có chuyện này rất hay tôi xin nói vào đây cho thú : Mới hôm tháng hai tây đây, trong tỉnh tôi, có một người tìm được con rắn kêu là « bạch-xà », nuôi trong cái ghè có đựng nước ; rồi lấy nước ấy bán cho thiên-hạ, nói rằng nước ấy trị được cả bách-bệnh. Xa gần nô-nức, ai cũng tìm tới mua, anh chàng phát-tài cũng đã khá. Quan công-sứ nghe thế, thì đòi cả người và rắn đến, hỏi đầu đuôi rồi sức đập chết con rắn mà quăng đi. Anh ta khóc như khóc ma, ngài nghĩ cũng thương tình mới cho ya một đồng bạc. Cái chuyện nghe sảng tai như thế, thế mà còn có người trách. Họ nói : Cái lộc trời cho hần, hần nhờ, can gì quan công-sứ mà ngài nõ đập nồi gạo của hần ? Họ chỉ nghĩ thế, chớ họ có biết ngài làm như vậy là đỡ cho trăm ngàn người khác khỏi

mất tiền về sự dả-dối đầu. — Nhà-nước cầm lấy quyền nấu rượu là rất phải. Bởi vì để quyền cho dân thì dân đua nhau mà nấu rượu, rượu nhiều thì người say nhiều, án mạng nhiều, tù tội nhiều, đã rút mất phần gạo lúa của dân ăn mà hại đến phong-tục. Dầu không tồn gì Nhà-nước, nhưng mà dân đã hại thì Nhà-nước có lợi gì? Nhà-nước giữ lấy quyền nấu rượu thì nấu có chừng có đổi, giá rượu đắt thì người ta ít uống, ít uống thì ít đau, ít sinh sự, còn gì lợi bằng? Tôi còn nhớ thuở nhỏ thấy trong làng có đám tiệc chi thì mỗi bàn chỉ chước qua một tuần rượu, ai nấy uống rồi thì úp chén xuống. Mà mấy năm nay con nít đàn bà cũng uống, hiện con mắt tôi đã thấy vô-số người vì rượu mà chết tươi. Mới rồi, tôi có về ở nhà-quê hai tháng, đi coi họ xử mấy đám kiện vật trong làng, phần nhiều là vì say mà chửi bậy, đánh bậy nhau cả. Thế là lợi hay là hại? Các ông nghị-viên còn muốn xin cho dân nấu rượu nữa thôi?

Thế thì làm làm sao? Ý tôi nghĩ: Nhà-nước cứ làm y như cũ, cứ bắt phạt, cứ bỏ tù, lâu ngày cũng phải tiệt. Song làm như thế thì tiền phạt chưa chắc đủ tiền nuôi tù, có lợi gì cho nhà nước? Mà e lâu ngày ra, một phần trong người dân — người nào cũng có mang án rượu lậu, thì còn thành ra cái nước gì. Thôi thì có chước này: xin Nhà-nước nhân dịp nào làm được, thì cho người An-nam hùn vốn lại mà lãnh-trưng. Rượu thì bắt nấu ít đi mà thuế thì tăng thêm lên. Người An-nam đã chung nhau mà hưởng được một phần lợi, chắc họ cũng thỏa lòng mà không kêu-van gì nữa. Thuế nhiều thì lợi cho nhà-nước, rượu ít

mà giá cao thì lợi cho dân, thực là có lợi mà không có hại.

Làm như thế đã chắc là hết rượu lậu chưa? Chưa chắc. Trên kia tôi đã nói hai cái cơ lớn kinh-tế và đạo-đức, là cái cội-gốc của bệnh rượu lậu, muốn bệnh lành thì phải trị từ cội-gốc. Rồi đây cuộc hòa-bình trong thế-giới được yên-vững, không còn bận về việc chiến-tranh như mấy năm nay. Bấy giờ nhà-nước sẽ mở nhiều trường học chữ và học nghề. Giáo-dục đã phổ-thông thì người dân biết phải chăng, biết trọng mình mà kiêng phép nước. Nhà-nước lại sẽ mở rộng đường buôn-bán, lập nhiều xưởng thuyền-thợ chỉ vẽ cho dân cách làm ăn. Dân đã biết nghề làm, có công việc làm, cứ theo đường ngay-thẳng mà kiếm ăn, có tội gì mà làm cái nghề lẩn-lút cực-khổ thấy ai cũng sợ là cái nghề nấu rượu lậu.

Tôi xin nói một câu này để cảnh-cáo cho người An-nam ta mà kết cái bài của tôi luôn thể: Thuở nay những chuyện gì mới, lạ, hay, có ích trong thế-giới, đều là phát ra từ phương Tây rồi lần sang phương Đông. Đừng nói cái chuyện chi lạ, chỉ trông ngay việc cấm thuốc-phiện thì biết. Thuốc-phiện ở nước ta bây giờ cũng đã gần đến ngày mặt-vận rồi. Không bao lâu nữa rồi cái phong-trào cấm rượu sẽ tràn qua Nhứt-bồn, qua Tàu rồi đến An-nam. Bấy giờ « Thần Men » sẽ theo chân « Á Phù-dung » bồng-trống nhau mà đi cho mất xứ. Cái ngày ấy chắc có, song chưa biết lâu hay là mau, các « Ông tiên » ta bây giờ nên liệu, sớm đi!

CÁI HẠI HÚT THUỐC

I

Thuốc-hút là một vật-phẩm thị-hiệu

Thuốc và rượu cùng là cái vật-phẩm thị-hiệu của người-ta, không phải như đồ ăn đồ uống là cái vật-phẩm tu-dưỡng người-ta hằng ngày không thể thiếu được. Phàm cái vật-phẩm thị-hiệu, đều có một thứ tác-dụng làm cho hưng-khởi tinh-thần người-ta; ấy vì cái sức đề-cảng trong thân-thể người-ta chịu chất độc của nó xâm vào mới nổi lên cự lại thành ra thế. Cho nên hút thuốc cực ít, đủ kích-thích được thần-kinh, làm cho huyết-dịch trong mình tuần-hoàn được thêm mau, gia-tăng được sức tiêu-hóa; nhưng dùng đến quá độ, thì chẳng những không ích, lại có hại về sự bảo-dưỡng nhiều. Người biết vệ-sinh phải nên chú-y lắm.

II

Lịch-sử thuốc-hút

Hút thuốc vốn là tập-tục những dân thổ-man. Năm 1492, ông Kha-luân-bổ (Christophe Colomb) vượt biển đi đến đảo Ít-lăng (Island) bên Tây-ấn-độ, thấy thổ-nhân dấy dùng ống diều hút-thuốc lấy làm lạ quá. Đến năm 1587, người Anh tên SIR WALTER RALEIGH lại phát-hiện chỗ đất thực-dân Virginie, bèn đem thuốc và khoai về nước, ấy là trước hết thuốc hút thâm-nhập Âu-châu, từ đấy: Người Âu-châu hút-thuốc dần nhiều mà cũng nhiều người đã biết cái đó là hại. Năm 1619, vua Anh xuống lệnh cấm hút thuốc đầu hết, rồi đến Nga, Thổ, Thụy, Đức đều lấy hút thuốc là một điều cấm ngặt. Song-le tích-tập trong xã-hội, quen dùng đã lâu, thuốc cũng thành một thứ đồ ăn đòi người không thiếu được vậy.

III

Các phần trong chất thuốc

Cái phần-tử chủ-yếu trong chất thuốc là chất có tinh say (*nicotine*), nó có một cái chất độc mãnh-liệt, phung-hại đến tế-bào (*cellule*) trong thần-kinh và cơ-quan tác-dụng trong tâm-tạng. Lấy một giọt ni-cô-tin (*nicotine*) cho chó uống, trong ba phút chết liền, người-ta uống đến quá sáu săng-ti (*centigrammes*) trở-lên cũng rất nguy-hiêm. Đủ biết chất độc ấy thật là mãnh-liệt. Lại còn nhiều chất độc khác, như khi đốt cháy diều thuốc, trong khói phát ra có một thứ khí thần-loạn, làm cho người-ta phải nhức đầu mệt mỏi, hút vào trong phổi, huyết-dịch giảm mất mấy phần dưỡng-khi; một thứ khí dưỡng-hóa-thán, làm cho tâm-tạng và gân thịt động-dật không được yên; một thứ khí khinh-dưỡng-hóa (*ammoniaque*) làm nhầy mũi hắt hơi, khói vào trong miệng, giảm mất sức tiêu-hóa trong vị-tạng. Phàm những chất ấy đều có hại sức khỏe của người-ta.

IV

Phân-lượng chất độc ni-cô-tin ở trong chất thuốc

Trong thuốc có chất độc ni-cô-tin nhiều ít tùy theo cách chế thuốc kỹ hay dối, đốt chóng hay chậm và hạng ống diều hút, mà có khác nhau. Đại-ước trong lá thuốc nguyên chứa có chất độc ni-cô-tin trăm phần đến tám phần cho đến mười lăm phần.

Chất độc ni-cô-tin ở trong độ nóng thường thường, rất dễ tán ra. Coi những khi hút thuốc, hơi mình thổ ra và trên quần áo mình thường có hơi thuốc, ấy là minh-chứng vậy. Phàm cuốn thuốc diều phải để trên tấm sắt

nóng về lại ; lúc ấy phần nhiều chất độc ni-cô-tin bị nóng tán ra bên ngoài. Làm thuốc si-gà (*cigare*), muốn cho lá thuốc mềm dễ dễ cuốn, phải tẩm vào nước. Chất độc ni-cô-tin có tính tan ra nước ; càng tẩm nước được nhiều trong thuốc càng ít chất độc ni-cô-tin. Cho nên những thuốc chế kỹ không còn mấy chút chất độc ni-cô-tin. Nhưng cũng không nói nhất-khái thế được ; kìa những nhà chế thuốc, khi định phẩm thuốc, cốt lấy vị cùng hương, có kể gì chất độc ni-cô-tin nhiều hay ít.

Chất độc ni-cô-tin gặp độ nóng cao, tan ra hết, thành cái vật vô-hại ; cho nên thứ thuốc nào đốt cháy được mau thì ít có hại. Đại-đề thứ nào hút rồi tàn trắng tắt là cháy mau, hút, rồi tàn đen tắt là cháy chậm. Duy gặp được độ nóng cao mà nếu trong đó có hơi nước thì chất độc ni-cô-tin vẫn không hóa-phân được ; cho nên thuốc ướt hút có độc nhiều. Thường thấy nhiều người hút thuốc để nước-miếng ướt đầm vào điếu thuốc, rất có hại vệ-sinh vậy.

Khi hút thuốc chịu cái phân-lượng chất độc ni-cô-tin nhiều hay ít, cùng với cái ống điếu mình hút cũng rất có quan-hệ. Cái ống điếu nào đóng nhiều cao thuốc, chất độc ni-cô-tin tắt nhiều, đóng ít cao thuốc, chất độc ni-cô-tin tắt ít. Còn như hút thuốc điếu thì chất độc ni-cô-tin hỗn-hợp với nước miếng vào trong mình ; lại có người kiệ-m-ước quá, hút đến đầu điếu thuốc mới thôi, càng bị hại lắm.

V

Sự tác-dụng của chất độc ni-cô-tin

Lúc mới hút thuốc một lần đầu, chất độc ni-cô-tin truyền vào mạch máu chạy khắp cùng người, cảm-xúc kịch lắm, thường thường bốc như đầu, chóng mặt, lợm giọng, buồn mửa, có người đến ngã lăn ra mãi mới dậy được ; ấy là trúng độc thình-linh, tục

gọi là say thuốc vậy. Sau dần hút quen quen, không có những hiện-tượng như thế nữa, lại biết ngon biết thích, một ngày một hút nhiều ; ấy là trúng độc ngấm-ngấm, tục gọi là nghiện thuốc vậy. Đã trúng phải độc ấy ngấm-ngấm mãi, thường đến thần-kinh ma-mộc, não-lực tòn giảm, tâm-tạng yếu dần, hoặc đến nổi quan ngữi chi-dộn, hoặc đến nổi mục-lục thụ thương, phế-tạng và khí-quản chịu kích-thích quá chừng, hoặc đến nổi phát ho phát hen, dần thành bệnh phổi. Hại không biết thế nào mà kể vậy.

VI

Hại cho những người còn trẻ hút thuốc

Coi cái hại hút thuốc kể ở trên đó, những người còn nhỏ hút thuốc, thì thân tâm phát-đạt đều bị chướng-ngại nhiều. Bởi vì sự tác-dụng của chất độc ni-cô-tin, làm cho tâm-tạng suy yếu, ti-vị không tiêu-hóa mạnh, nhân thể những tế-bào (*cellules*) trong thân-thể không được chịu nhiều dưỡng-khi và những phần chất tư-dưỡng phải cần. Thân-thể người ta phát-dục được chỉ nhờ hai cái ấy ; hai cái ấy đã không được sung-túc, mong gì thân-thể phát-dục được ư ? Thường thấy những người nghiện thuốc, rũi có chốc-lở hay có triết-thương, đều khó chữa khỏi, tức là minh-chứng vậy. Vả-lại chất độc ni-cô-tin, kích-thích những tế-bào trong thần-kinh, dễ sinh cái chứng « thần-kinh ma-mộc » ; đương lúc niên phú lực cường, rũi mắc phải chứng ấy, thì trí-thức phát-đạt tất không được hoàn-toàn, sự-nghiệp mong gì tiến-bộ được. Trước có một trường học công-nghệ ở Paris từng đem học-trò trong trường chia làm hai ban : một ban có hút thuốc, một ban không hút thuốc, thí-nghiệm mà so-sánh coi ; trong đó ban không hút thuốc công-

khóa được nhiều thành-tích hơn, ban có hút thuốc nhân mắc độc ni-cô-tin mà thành tật trong ba-mươi-tám người mất hết hăm-bảy. Lại một ông giáo trưởng đại-học nước Mỹ nói trong trường có một ban học-trò là toàn-thể đình-ngộ hơn hết các ban, trong đó trăm người được đến chín-mươi lăm người không hút thuốc, các ban khác vì có phần nhiều người hút thuốc, thành ra sức ký-ức, sức khảo-cứu kém ban ấy xa. Ấy đều là thực-lệ vậy. Nói tóm lại, cái hại hút thuốc, nhỏ tuổi hại hơn thành-nhân, học-trò hại hơn người khác. Ở các nước Âu, Mỹ, có các thiếu-niên-nghĩa-dũng-đoàn (*Boys*

scouts), phạm trẻ nào mới vào đoàn phải lập-thệ không hút thuốc; Nhật-bản có luật cấm-chỉ những người chưa thành-niên hút thuốc; dụng-ý đều rất hay. Các trường học trong Đông-dương ta cũng lấy học-trò hút thuốc làm điều nghiêm-cấm. Xin những bạn thanh-niên tuấn-tú ghin đừng đem mình thử độc, tự mình làm tường-lặc thân-tâm mình. Ôi! hoa xuân đương nở, mặt trời đương lên, đường xa thăm-thẳm biết là bao! Mà khí-lực đã tòi, linh-thần đã lụi, một đời cố-tật, sau dù cần rồn kịp hay sao?

MỄ-NHÂN

BÀN SỰ HỌC CON GÁI BÂY GIỜ, NÊN THẾ NÀO?

Người ta ở đời, không cứ đàn ông, đàn bà, đều là người gánh vác công việc trong xã-hội cả, chỉ vì sức có mạnh yếu khác nhau, vậy nên kẻ việc trong, người việc ngoài, chia ra làm cho tiện, nhưng mà đối với xã-hội, thì cũng như nhau, như thế thì không hạng người nào mà không cần không học được.

Đàn ông cần phải học, thì ai ai cũng đã hiểu; nhưng đàn-bà lại cần phải học hơn nữa, lẽ ấy nhiều ông vẫn chưa chịu công-nhận cho.

Kia những ông không để tâm vào sự giáo-dục không kể.

Nhưng có ông lại hoặc về câu nói: « Con gái không tài, tức là đực đấy », nhận sai, hiểu bậy, đến nỗi sinh con gái mà cứ nuôi thành một cách đần-dại, lấy làm đực hay; không biết bốn đực đàn-bà là những gì, há phải cứ đứng phỗng như bồ-nhìn, mà là đực đấy.

Lại có ông bảo: « Cho con gái đi học, sợ hay viết tờ cho trai », nhưng không biết con mà đến thế, nên trách tại cha mẹ và ông thầy. Kia cho học, mà cho chuyện *Hoàng-Trừu*, thơ *Xuân-Hương*, để làm giáo-khoa, trách gì không hỏng! Vả lại gia-phong không tốt, dẫu cho không biết chữ, càng chóng hại nhiều. Xưa nay những đờn ông-hoa, cứ gì biết chữ.

Lại còn có những ông đã hơi biết cho học là phải, nhưng lại bảo: « Con gái cần chi học lắm, chỉ mấy món chuyên về việc con gái nên học mà thôi, chớ học cả các giáo-khoa, e rằng thừa quá. » Thừa: không phải, các ngài thử xem, chỗ người ta để thân mà ở, có hết một vuông chiếu hay không, mà sao phải một và cái nhà, rằm, ba, sào đất, mới gọi là đủ ở được; huống chi chúa nhà trai gọi là phu-quản, chúa nhà gái cũng gọi là tế-quân, lại gọi là nội-tướng. Ủ! đã

gọi bà vua con trong nhà, bà tướng thần nội-trợ, chức-trách ấy, há chỉ rằng đun bếp, vá áo, và tính thóc nợ, cùng gậy lái-đẽ, mà thôi ru !

Tôi tưởng địa-dư không biết là gì, có khi sai đi chợ, cũng bỡ-ngỡ chim chích vào rừng ; không-khi không hiểu thế nào, có khi chốn buồng-loan, mà dẽ thành chết ngạt ; không học cai-trị, mà dẽ có khi không biết cả thầy-cháu vào phẩm-cấp nào ; huống chi luân-lý, triết-lý không hay, còn biết gì mà ở với gia-đình và xã-hội. Tôi thiết-tưởng công việc đàn-ông bao nhiêu, thì đàn-bà công việc cũng chừng ấy ; mà có lẽ việc đàn-bà lại mật-thiết và quan-hệ hơn nữa ; thế thì sự học của đàn-bà, không lẽ nào nói giảng-cứu qua mà cho là đủ được.

Huống chi đàn-ông còn được phép đi đây đi đó, tiếp kẻ nợ người kia, tuy ít học ngu-hèn, nhưng nhờ kích-thích ở phía ngoài, cũng rạng dần mà sinh khôn được ; buồng-the khép-nép, đàn-bà lại kém cả điều ấy, ví lại không học nữa, còn mong mở mắt ở lối nào ?

Bằng nói : cứ thuận cây tính trời, ngu, sáng, hay, hèn, rút vào tiền-định cả, công giáo-dục chẳng ích được bao nhiêu, thì điều ấy tôi dám xin phép các ngài mà cãi mãi. Người ta vá-chữa việc trời, chẳng qua ở những điều như thế, nếu dẽ thầy mặc quách, chắc hẳn kẻ hồng là tất hồng, mà kẻ hay rồi cũng hồng theo ; sự giáo-dục là cốt giúp về người trung-tài phần nhiều, chớ không nên lấy một vài người thật tốt trời sinh, hiếm có ở đời, mà làm gương được.

Chỉ vì bàn quanh cãi quẩn mãi như thế, vậy nên bọn các bà các mợ trình-độ vẫn so-le nhau mãi, chữa ra thế nào.

Nay tôi xem kẻ mà hơi có tài, thì thường hay lảng-áp cả chồng, cư-xử nhiều điều kiêu-hoạnh ; còn những hạng như voi-làng, đụn-dạ, thì lại cắt đầu dẽ buồn ; tuy có bà tính phật hiên-

lành, thì lại rầu vì nỗi việc nhà không hiểu. Lo-thờ, loáng-thoáng, đời ít thay thực-nữ, hiền-phi. Tóm lại chẳng qua một câu rằng : Nữ-giới dân mình, thật là không giáo-dục cả ! !

Có kẻ hỏi : thế thì nay có con gái, cứ nên cho học trường nữ-học, mai sau sẽ thành được cô giáo, thế là cực-điễm hay sao ? Thưa rằng cần chi thế. Con gái nhà mình, cốt sao có học-thức, dẽ nhân-cách hoàn-toàn, về nhà người nên phẩm-giá một tòa mạnh-phụ, dẫu bậc kém cũng còn biết cư-xử, biết công việc đủ cách tri gia. Nếu dũ đủ tư-cách đàn-bà, tức là đủ tư-cách thánh-hiền ở đấy. Các cô giáo An-nam ta, học-hành kiến-thức, có đâu đã được rộng-xa ; huống phẩm-cách nết-na các cô mà đủ dẽ phục người, chỉ về phần ít. Nếu mục-đích mà chỉ mong tới thế, e tiền-trình cho bọn nữ-lưu xã-hội, sẽ ra thế nào.

Hỏi : thế thì nay có con gái nên cho học thế nào ? Thưa rằng : cũng phải nên trước học phổ-thông, rồi sau mới rút vào thực-dụng mà riêng phần con gái.

Này cách-tri, địa-dư, toán-pháp, vệ-sinh, cai-trị, lịch-sử cũng nên theo các sách giáo-khoa quốc-ngữ mà thứ-tự học lên ; còn luân-lý, triết-lý những điều thiết gần, và quan-hệ với lẽ-tục mình, nên trích dịch những lời hay ở các sách ra dẽ dạy. Đã học theo phổ-thông như vậy, lại nên bớt thì giờ trong các tuần lễ, dạy nấu, dạy may, dạy làm các việc, lớp trẻ thì dạy qua qua đĩnh-thí ; lớp hơi lớn thời đã bắt đến thực-hành, lựa những việc mà quan-thiết với trong nhà, đều nên có dạy tập sẵn làm ra bài dẽ cắt nghĩa cho dẽ hiểu, mượn đủ người biết việc dẽ dạy cho hẳn biết làm ; may, không cần ai cũng thêu tất, đan « den », cốt rằng có tấm vải, tấm lương, biết may dẽ mặc ; việc, không cứ tay làm đủ máy hơi, máy điện, cốt cần về bài

nấu-nướng, bài làm ruộng, bài buôn-bán, bài chăn tằm dệt vải, các việc cho tinh; và rất cần đôn-độc ở những cách xử với người nhà, cách tiếp với người ngoài, đừng sai-suyễn để đến nỗi tai-tiếng thẹn-lòng, thế là trọn vẹn cách làm người trong đám thoa-quần đấy. Công việc nào ở xa-xôi lắm, cho là khó thì khó, cho là dễ thì dễ. Câu nói: « Người sinh đời này, muốn làm thông, trắc, thì được thông, trắc muốn làm cỏ-rả, thì được cỏ-rả. »; đó, há những bọn râu-mày được nhận cả, thôi ư! Tôi rất sẵn lòng vì các chị em rên bước mà mong; mà rất chúc nguyện cho các cụ át-gia-ông 阿家翁, nên trước nhận chỉ-nam mình cho thẳng hướng.

Còn chữ nho, tiếng pháp, nếu kẻ nào tư-chất thông-mẫn, học qua cho

thiệp-liệp đỉnh-thí, chẳng hại; chớ học muốn tốt, muốn chóng, muốn hay đều, bước vững, mà say chuộng chữ khác tiếng, tôi thiết-tưởng con gái nước nhà chưa cần; vả sự đó là sự học tối-cao-đẳng, để gây-dựng một vài người thật tốt, thấu lấy văn-minh ngoài, là những đặc-biệt-giáo-khoa, không phải nghĩa cấp-thành học-hiệu, không quan-yếu lắm cho sự học phổ-cập ở hiện-kim nữ-giới. Gọi là mấy lời bàn chung về sự học của con gái cho biết là một việc cần, còn cách-thức học thế nào xin để khi khác sẽ bàn.

Hoài-dức-phủ Giáo-thụ

NGUYỄN-ĐÌNH-TY lai-cáo

VIỆT-SỬ LUẬN ⁽¹⁾

II

Chuyện ông Thánh-Gióng

Sử cũ chép đời vua Hùng-vương thứ sáu, bộ Vũ-ninh (tỉnh Bắc-ninh bây giờ) làng Phù-đồng (tục kêu làng Gióng) có ông cụ nhà giàu sinh một người con trai, hơn ba tuổi, mập-mạp to lớn, không biết nói cười; gặp lúc trong nước có giặc Ân, vua sai người đi tìm tướng đánh giặc; thỉnh-linh người con ấy bật ra nói được, bảo mẹ đón sứ nhà vua lại, nói xin cho được một ngựa một gươm lo gì giặc. Sứ về tấu vua, vua truyền đem gươm ngựa tới cho ngài; ngài nhảy lên ngựa tuốt

gươm đi; quan quân theo sau, đến đâu bể tre làm gãy đánh giặc, phá tan giặc ở chân núi Vũ-ninh. Đẳng giặc lay sát rạp xung tướng trời, xin hàng phục hết. Ngài chầy quân đến núi Đồi-mã (thuộc tỉnh Phúc-yên bây giờ), cả người cả ngựa bay lên không. Vua truyền lập đền thờ ngài tại Phù-đồng. Bản-triều sắc phong là *Đông-thiên-vương*.

* * *

Lời bàn

Ông Đông - thiên - vương tuổi trẻ mà trí-lược già; vua Hùng-vương,

(1) Tục kỳ trước (Nam-phong số 22, trang 300-303).

biết người có đại-tài, phá-cách dụng ra làm tướng. Ai bảo miệng còn hơi sữa, này xem bụng mở kho binh ; oai-vọng trông trời, đủ khiến giặc Ân mất vía. Kịp lúc công thành danh toại, chỉ lo hết nghĩa-vụ làm quốc-dân mà không muốn hưởng báo-thường của xã-hội ; rùng sâu lánh giấu, không biết đi đâu. Người sau sùng-bái ngài, ca-tụng ngài, muốn tỏ cái công-nghiệp lạ của ngài, mới bày ra những chuyện ba tuổi biết nói, ngựa sắt lên không vậy. Người đọc sử nên biết ý ấy.

*
* *

Nối một bài thơ. Thơ rằng :

Ở làng Phù-đồng, bộ Vũ-ninh,
 Có người nhỏ tuổi mà thông-minh.
 Sức khỏe như voi chúng vô địch,
 Văn-thao võ-lược từ trời sinh.
 Nước-nhà lúc ấy gặp nguy-biến,
 Giặc Ân đâu lại, làm tung-hoành.
 Mũ cao áo dài biết bao kẻ,
 Khoanh tay bó gối ngồi chịu đành.
 Thờ công rể quán thử giao sắc,
 Ra tài cứu nước đánh Ân-tặc.
 Bể tre làm gậy, sắt làm gươm,
 Đánh đâu được đấy hết quân giặc.
 Giặc rồi đi tuốt không nói công,
 Nước biển non xanh mịt-cánh hồng,
 Thân sau tượng đồng với bia đá,
 Mặc ai kỷ-niệm, ai tôn-sùng.
 Núi Sóc rêu mờ mất giấu ngựa,
 Mù-mù Lô Tản trợ non song.
 Người sau nhớ công lại cảm-đức,
 Ngàn năm hương hỏa thờ-phụng chung.
 Truyền rằng lúc ấy ngài ba tuổi,
 Sinh ra chẳng cười cũng chẳng nói.
 Nghe tin có sứ đi cầu hiền,
 Vâng lên đứng giầy mời sứ hỏi.
 Cúi đầu lay mẹ xin tòng-nhung,
 Thanh gươm yên ngựa lên đường rộng.
 Chiến-bào trút sạch chân núi Sóc,
 Cả người cả ngựa bay lên không.
 Chuyện ấy vốn là có thêm đặt,

Nhưng cũng một người ki-di thật.
 Không vì lợi-lộc, chẳng vì danh,
 Tuổi nhỏ, tài cao, thương nước nhất !

III

Chuyện nàng My-Châu

Sử cũ chép ông Phán vua Ba-thục, thay họ Hồng-bàng làm vua nước ta, đóng đô Cổ-loa (ở huyện Đông-anh tỉnh Phúc-yên bây giờ), đắp thành Loa, được móng rùa thiêng, dùng làm máy nổ. Quan Tàu Triệu-Đà ở Phiên-ngu đem binh sang lấu cõi. Vua đem nổ bắn quân Đà. Đà chịu thua, sai sứ giảng-hòa, xin cưới con gái vua tên My-Châu cho con trai mình tên Trọng-Thủy. Trọng-Thủy ở rể, đỗ nàng My-Châu lên xem nổ thần của vua, ăn-cắp được mấy móng rùa, thác về thăm nhà, nói với Đà phát binh đánh vua, vua đương chén đánh cờ cười nói: « Đà không sợ nổ thần ta sao ? » Quân Đà bức tới nơi ; vua giờ đến nổ thì máy đã gãy rồi, chịu thua chạy, để nàng My-Châu ngồi cùng ngựa, chạy sang miền Nam, đến cửa biển Đại-nha, cùng đờ ; thần Rùa-vàng hiện lên nói : « Ngồi trên ngựa sau lưng vua ấy chính giặc đấy. » Vua biết vì My-Châu làm hại, tuốt gươm chém nàng, rồi xuống biển chết.

*
* *

Lời bàn

Thành-trị hiểm thật, mà giữ nước không cậy lấy làm hiểm được. Quỷ-thần thiêng thật, mà giữ nước không chắc lấy làm thiêng được. Nước nhà giấy mất, toàn quan-hệ ở sức người.

Vua Thục-phán lấy cái tài cơ-trí, đắp thành Loa để cứ hiểm, làm nổ rùa để cự giặc, thật cũng có thủ-đoạn hơn người ; chớ nên bắc trấn Ba-thục, nam gồm Văn-lang, gây dựng

được cơ-đồ cũng là phải. Tiếc cho vua cay được mà kiêu, con vì tình mà ngộ; việc tu-phòng chềnh-mãng, nổi thù-hấn-lãng quên; tay áo nuôi ong, quốc-kế quân-tình, đã để người ngoài ròm hết hư thực, nước sôi lội cá, mè cò mại rượu, làm cho tướng tốt thầy phải ngã lòng; đến lúc tai nạn đã lâm đầu, mưu gian còn chưa thấy ruột; lòng vịt giặc, chỉ đường cho giặc tới (1), ngọc tề ôm (2), xuống biển để hòng chi? Giặc ngồi sau lưng, tuốt kiếm đến bây giờ đã muộn. Thôi thôi! thành ốc mất bền, móng rùa mất thiêng; trăm năm cơ-nghiệp, buồng xuôi phó ngọn nước triều. Mất nước bởi người, trách gì thần không linh, đất không hiểm?

Nói một bài thơ. Thơ rằng :

*Thành Loa trăm thước chẳng là bền,
Móng rùa ba tấc chẳng là thiêng.
Nước nhà giấy mắt tại người cả,
Thành trì không hiểm thần không
[quyền].
Gió mưa gầy-dụng công khó nhọc,
Nam gồm Văn-lang bắc Ba-thục.
Đư-đồ muôn dặm mở-mang to,
Một tấm sơn-hà một tấm vóc.
Săn-sàng cơ-nghiệp không biết giữ,
Chiến đã không xong hòa cũng ngộ,
Biên-phòng chềnh-mãng, thù hấn quên.
Quanh-quần một làm hai lại lơ.
Thần-gia đầu với kẻ thù-gia,
Chồng nào thương vợ con lia cha.
Giặc ngồi sau lưng nói chi nữa?
Nước ối! nhà ối! biển Đại-nha.*

TUYẾT-HUY.

ĐOÀN-THIỆN TIỂU-THUYẾT

I

NƯỚC ĐỜI LẮM NỒI...

(Tả-chàn Tiểu-thuyết)

Khi tôi ở Sài-gòn, nhân một đêm nhớ nhà, chẳng biết làm gì cho vui, thần-thần thơ-thơ, dạo chơi trong phố.

Tiết thu lạnh-lẽo, lác-đác mấy hạt mưa sa; hiu-hắt hơi may, đầy đường là cây rài-rắc. Đường-sá đêm khuya vắng ngắt, trước sau không thấy bóng người. Than ôi! cảnh vật tiêu-diêu, càng khiến cho tôi trăm phần ngao-ngán!...

Đi vợ đi vẫn, chẳng biết ngã nào, qua hết phố này lại sang phố khác.

Hồi lâu đến trước một nhà, ngó trong đèn lửa sáng trưng, những người chạt ních, mới sực nhớ ra là nơi *Tiệm-hút*. Tôi dừng chân đứng lại, thử bước vào xem; rồi đến ngồi bên một người đang nằm tiêm thuốc. Người ấy trông chừng cũng đã nhiều tuổi; thấy tôi đến gần, vẫn nằm vắt chân chéo khoeo, kéo một hơi thẳng, không thở tí-tí khói nào. Tôi biết ngay va là tay lão-luyện.

Tôi liếc mắt trông người rất là bần-thủ. Móng tay đen sì, nước da xanh

(1) Trọng-Thủy về, My-Châu nói: « Em có đem lông vịt, bao giờ cũng theo mình; rúi sau hai nước thất hòa, trong chỗ binh-đạo, em đến đầu giặc lông vịt ở đầu đường; chàng cứ nhận vết lông mà tìm đến. »

(2) Vua Phán-thua chạy đến biển cùng đồ, ôm ngọc-tề bảy tấc xuống biển chết.

ngắt ; đầu tóc bu-sù, áo quần xốc-xếch.
Rõ thật tồi-tàn !

Va hút xong, ngẩng mặt nhìn tôi, thủng-thỉnh hỏi : « Anh vào đây bao giờ ? » Tôi ngạc-nhiên, trông. Va lại nói : « Anh quên tôi rồi, ư ? »

Tôi ngần-ngừ, đáp rằng :

— Vâng ... Tôi quên, không nhớ là ai đây.

— Đạo, đây mà !

Tôi giật nảy mình. Té ra là anh Lương Duy-Đạo, bạn học cũ với tôi !

Tôi vội-vàng nắm chặt lấy tay anh ta :

— Giời ơi ! anh đây ư ? Chết nỗi, thế mà tôi không nhận ra, xin anh miễn chấp. Vậy chứ anh vào đây từ bao giờ ?

— Đã lâu, ngót hai-mươi năm nay rồi.

— Anh làm gì ở trong này ?

— Chẳng làm gì cả. Chỉ phiện rền thôi.

Tôi chán ngắt.

Anh ta cầm tẩu, tiêm thuốc. Vừa tiêm vừa nói :

-- Anh vào đây làm chi ?

— Tôi đi buôn.

— Buôn-bán làm quái gì ! không thú.

— Thế thì anh bảo làm gì ?

— Chẳng làm gì cả.

— Ô, hay ! người ta ở đời, cũng phải làm công-việc gì, mới được chứ ! Có lẽ đâu lại ăn không ngồi rồi, ư ?

— Anh tính người đời sống được mấy gang tay ! Tôi gì vất-vả cho khổ cái thân ! Tôi đây chẳng thiết làm gì cả.

Anh ta giơ tẩu mời tôi hút. Tôi lấy tay gạt đi. Anh ta kéo một hơi, rồi lại đứng-dính nói :

— Thật, tôi chẳng thiết làm gì hết. Chỉ cứ thế này mãi, đến bao giờ già thì chết. Chẳng tiếc gì sốt ; chỉ tiếc cỗ bàn đèn thôi. Vợ con không có, chẳng lo phiền gì. Ấy thế là hơn, anh ạ.

Tôi ngắm anh ta, trong lòng ngao-ngán quá. Bèn hỏi :

— Trước kia, anh có thể đâu ?

Anh ta nín lặng, không trả lời. Tôi lại nói :

— Có lẽ nào, anh lại không làm gì cả, không có bạn-bè nào, không ưa-thích cái gì, hay sao ?

Anh ta lắc đầu, đáp rằng :

— Tôi ngủ đến trưa thì dậy. Ăn xong, lại đây hút, đến tối về ăn ; rồi lại đây hút, cho đến sáng thì về ngủ. Hơn hai-mươi năm nay, ngày nào cũng thế, đêm nào cũng vậy. Tôi chỉ biết cái xô giường này, với cái bục ở nhà trọ mà thôi. Chẳng đi đâu, chẳng chơi với ai, mà cũng chẳng thích cái gì cả.

Lại tiêm thuốc, mời tôi. Tôi từ chối. Anh ta lại hút. Hút xong, ngồi dậy.

Tôi nói :

— Nhưng trước khi chưa vào đây, anh còn đang ở Hà-nội, kia mà ?

— Phải, rồi sau tôi vào trong này.

— Tại làm sao thế ?

— Chẳng tại làm sao cả.

— Không có lẽ ... Năm nay anh bao nhiêu tuổi rồi ?

— Ba-mươi-tám. Nhưng trông người đến ngót năm-mươi, có phải không ?

Tôi nhìn kỹ bạn học cũ tôi. Quả-nhiên tóc bạc, trán răn, mắt sâu, má bóp ; mặt mũi hốc-hoác như thể ông cụ già. Tôi nói :

— Ủ, trông anh già thật. Chắc anh có điều gì buồn-bực, hẩn ! Hay là nỗi riêng còn vương mối tình chi đây ?

Anh ta lắc đầu, cúi gằm mặt xuống, ngồi im, không đáp lại.

Tôi hỏi luôn :

— Anh Đạo ơi, anh có sự gì khổ tâm, xin cứ nói cho tôi nghe ; họa may tôi có khuyển-giải đỡ anh được chút nào chẳng ? Vả lại nói ra nó cũng nhẹ bớt gánh sầu, anh ạ.

Anh ta nghe tôi nói thiết-tha làm vậy, bấy giờ nét mặt ủ-ê ; ngồi lặng một lát, rồi ngẩng mặt nhìn tôi, thở dài mà nói :

— Anh ơi, hở môi ra cũng then-thùng, nước đời lắm nỗi lạ-lùng khát-khe ! Bấy lâu nay tôi vẫn vui-rập mớ

lửa sâu ở trong lò-khảm ; bây giờ anh lại bó-i-móc nó ra, thật là khổ quá!... Nhưng, anh nói cũng phải. Nếu gặp được người tri-kỷ, thờ-than nông-nôi, cởi-mở ruột-gan, thì có lẽ cũng hả được cơn phiền-não. Anh ân-cần muốn biết tôi vì đâu nên nôi-nước này. Vậy, tuy rằng cực trăm phần, tủi nghìn nôi, song tôi cũng xin kể, để anh nghe.

Tôi gật đầu :

— Xin anh cứ nói. Họa may cái điều đau-đớn của anh có bổ ích được cho đời chăng !

Anh Đạo uống một hớp nước, rồi thì nói :

— Năm ấy là năm 189... Tôi hãy còn nhớ rõ như ngày hôm qua. Bấy giờ cha tôi làm thông-phán ở tòa Sứ tỉnh^{***}. Quyền-thế lẫy-lừng, ai cũng sợ nể. Cha mẹ tôi chỉ sinh được có một mình tôi thôi. Tính cha tôi thì nóng-nảy, dữ-tợn và nghiêm-khắc lắm. Mẹ tôi, người hiền-lành, thùy-mi, nhưng mà gan-góc, lý-lý cả ngày chẳng nói một câu.

Tôi yêu mẹ tôi lắm. Còn cha tôi, thì tôi sợ-hãi một niềm, không mấy khi dám dạn tận mặt.

Năm ấy tôi lên mười bốn tuổi. Đang độ vẻ-vang sung-sướng, hớn-hở tươi-cười như thể cánh hoa non. Tưởng cuộc đời là nhất, không còn gì vui-thú cho bằng....

Cuối tháng năm, gặp kỳ nghỉ hè, tôi về chơi với cha mẹ tôi. Bỗng một đêm, sẩy ra sự góm-ghê, làm cho tôi suốt đời không lúc nào quên được. Đêm hôm ấy, giời mưa rầu-rĩ, gió thổi hắt-hiu, cảnh-vật tự hồ như xui nhau mà làm cho cái bi-kịch càng thêm thêm thắm. Tôi vừa mới thiu-thiu chợp ngủ, thốt-nhiên nghe thấy ở phòng bên cạnh là nơi cha mẹ tôi nằm, có tiếng ầm-ầm như thể hai người cãi nhau. Tôi bèn vùng quẳng giở dậy, sẽ bước xuống đất, bỗng-rên lại gần nghe, thì quả-nhiên thấy tiếng cha tôi quát-tháo rằng :

— Tao đã nói tao cần đến tiền, thì mày phải đưa mấy cái vắn-tự ấy cho tao. Nhược bằng mày cứ khăng-khăng một mực không đưa, thì đừng có trách tao là người bội-bạc, nhé.

Mẹ tôi khăng-khái đáp lại rằng :

— Vắn-tự ấy, có phải của thầy đâu, mà thầy đòi tôi, chứ? Chẳng qua là của riêng cha mẹ tôi để lại cho tôi, thì bây giờ tôi lại giữ lấy cho thẳng con tôi, để về sau nó khỏi liếm lá đầu chợ. Chứ chắc gì vào thầy nữa bây giờ? Cơ-nghiệp thầy đã phá tan-nát cả rồi. Nay tôi còn chút vốn riêng, để về sau mẹ con tôi nuôi nhau, thầy lại toan lột hết, đem cho dĩ nốt, hay sao? Khi nào tôi có chịu! Thầy muốn làm gì thì làm. Tùy ý.

Tôi nghe thấy nói làm vậy, tưởng chừng sét đánh lưng giời. Trong người tôi còn đương bàng-hoàng như mê chưa tỉnh, phút nghe tiếng « *huỳnh-huych* » ở phòng bên. Tôi vội-vàng mở hé cửa dòm sang, thì thấy cha tôi một tay bóp cổ mẹ tôi ấn xuống giường, còn một tay thì dấm, tát, tối tăm cả mặt mũi lại.

Đầu tóc mẹ tôi rũ-rượi, hai tay mẹ tôi giơ để đỡ đòn, nhưng mà không lại. Còn cha tôi thì như người điên-cuồng, cứ hăm-hở bả đầu đánh dấy. Mẹ tôi ngã lăn từ trên giường xuống đất ; mà không kêu, không khóc, chỉ thấy hai tay bưng lấy mặt, nằm im. Cha tôi lật sấp mẹ tôi xuống, rồi thượng cẳng tay, hạ cẳng chân, dấm đá mẹ tôi, vô hồi kỳ trận, mãi-mãi mà vẫn không thôi.

Anh ơi, anh ơi, tôi trông thấy thế, hốt-hoảng kinh thần, tưởng chừng giời long đất lở. Tôi sợ hãi quá, bèn kêu lên một tiếng to. Cha tôi ngoảnh lại, trông thấy tôi, liền buông mẹ tôi ra. Còn tôi, khiếp đảm kinh thần, ù té chạy trốn xuống bếp, ngồi cho đến sáng.

Hôm sau, mẹ tôi băng huyết, thụ bệnh, trùm chẵn nằm ở trên giường. Khi tôi vào thăm, chỉ ôm lấy đầu tôi mà nức-nở khóc, chẳng nói được câu

gi. Còn cha tôi, thì lại cứ như thường, không nói-năng gì đến chuyện đó cả.

Cách mấy ngày thì mẹ tôi chết, nghe đâu như có mang được hai ba tháng... Rồi sau hết hè tôi lại về trường học...

Thôi, anh ạ, từ đó tôi chán hết cả mọi sự ở đời. Biết rằng toàn là đảo-diên điên-đảo cả. Tôi đã một lần trông thấy cảnh thảm đường ấy, thì thôi, tâm thần đổi hết, từ đấy không hề ham-muốn, ước-ao cái gì, hoặc yêu-thương quý-báu ai nữa sốt. Lúc nào cũng sợ nhỏ, tưởng-trọng như còn trông thấy ở trước mắt cái bi-kịch : mẹ tôi nằm lẩn dưới đất, mà cha tôi thì tay dấm, chân đá, chẳng thương sót cái người yếu - đuối, đã đem thân bồ - liễu nương gửi ở dưới bóng cây tùng. . . . Giời đất ơi, cay-nghiệt quá !... Mẹ ơi, con thương, con nhớ mẹ vô cùng ! . . .

Nói đến đó, anh Đạo nước mắt tuôn rơi tằm-tã. Tôi không cầm lòng được, cũng khóc sụt-sùi.

Rồi anh ta lại nói :

— Mẹ tôi chết được ít lâu, cha tôi lấy người nhân-ngãi là vợ tây. Nghe đâu như bây giờ vẫn hãy còn sống cả. Từ thuở ấy, tôi không gặp mặt cha tôi nữa, mà cũng chẳng rõ tin-tức thế nào.

Anh Đạo nói xong, lại nằm tiêm thuốc, hút luôn mấy mồi. Tôi trông nét mặt thâm-sâu, không thể sao tả cho hết được. Muốn nói vài câu vô-về, nhưng nghẹn ở cổ không sao nói ra lời được. Tôi bèn đứng dậy, thỏ dãi, lắc đầu, nhìn anh Đạo, mà ngao-ngán trong lòng... Lúc từ-giã bạn cũ, giờ ra ngoài mới than một câu rằng :

— Giời đất ơi ! quả-nhiên nước đời lắm nỗi lạ-lùng khắt-khe thật ! !

Rồi về nhà trọ, suốt đêm hôm ấy không tài nào ngủ được.

PHẠM DUY-TỐN

II

CÓ GAN LÀM GIÀU

Ngạn-ngữ có câu rằng : « *Làm giàu là đầu mọi sự* », nghĩa là hết mọi sự ở đời phải nhờ có của mới làm cho nên ; như thân-thể một người tri-giác vận-dộng đều nhờ cái tri khôn ở đầu. Đạo làm người ta có no ấm mới có học-hành, có học-hành mới có công này nghiệp khác, nên trị nhà trước phải mưu cho người nhà no đủ rồi mới dạy đường lễ-nghĩa, mà phong-hóa trong một nhà mới được túc-mục ; nước cũng phải mưu cho nước nhà giàu thịnh rồi mới sửa sang chế-độ, mà cơ-đồ một nước mới được vững bền. Không giàu thì nghèo, đã nghèo thì hèn, đã hèn thì yếu, bấy giờ đời

rét thiết thân, có lúc nào nghĩ đến lễ-nghĩa, mất cả công-lý, ngoại cách lần hồi đề cầu sống, thù-phụng để kiếm ăn, thì không còn có tài sức mà làm được việc gì ở đời nữa. Vậy làm giàu thật là đạo sinh-tồn của loài người, là gốc văn-minh của thế-giới.

Làm giàu có đạo không ? và đạo làm giàu là gì ? — Sách *Đại-học* nói rằng : « Sinh nhiều, ăn ít, làm mau, dùng khoan », giữ bốn đạo ấy cho gan thì giàu. Thật đấy, hay làm mà không lần-tiện, như người kiếm cá bỏ dỏ thủng chôn, tần-tiện mà không có gan, như người đi câu mà ngồi không

nóng chỗ, xưa nay mấy người đã có tiếng là tay làm giàu, nào ai sinh-trưởng trên núi tiền non bạc, chẳng qua là những người hay làm, hà-tần hà-tiện, lại thêm có tính nhân-nhục quyết-đoán hơn người.

Hãy xem câu chuyện một người làm giàu này, dù phép làm giàu chưa phải là chính-đáng mà gan làm giàu thực đã tuyệt-đối một đời. Kể đọc câu chuyện này cũng chẳng cần suy tìm chứng-cứ có thực hay không, chỉ đem hai cái gia-đình mà so sánh, thì thấy cái đạo làm giàu này thực có chân-lý và chân-thú.

Trong tỉnh Nam-định về phủ Thiên-trường, trước có người đàn-bà họ TRẦN, mới ngoài hai mươi tuổi mà bóa chồng chưa có con, có nữ-công, có tư-sắc; trong lối sớm nhiều người hỏi, chưa chịu lấy ai; còn những kẻ thiếu-niên nghịch-ác hay nói chòng-gheo, hề thấy mặt chị ta nghiêm-nghị, thì không dám giở thói khinh-bạc ra nữa. Ai cũng bảo chị ta còn kén chồng, cứ ở một mình, đi làm thuê mà kiếm ăn.

Sau có một người đàn-ông ngoài ba mươi tuổi tự đến mà giạm lấy. Nói mình là họ LÝ, ở cùng một-xứ, hóa vợ đã hơn hai năm, có một đứa con riêng, còn nhỏ, phải mượn người nuôi. Mình đi làm công trong nhà máy, ăn công mỗi ngày là bốn hào. Coi giáng người cao mà mảnh, hai con mắt dài mà đen, ngoài mặc cái áo thâm đã sờn tay, đi đôi dày da đầy những bụi. Tiếng là người lao-lực, mà có vẻ nhân-nhã, mới trông biết ngay là người có tinh-thần hơn là lũ-lực.

Chị chàng kia xem người vừa ý, không còn đắn-đo hơn thiệt gì cả; hai bên đính-hôn với nhau. Trong lời giao-ước, không ai có của tay riêng gì, có một điều phải giữ là trong việc làm ăn của người chồng, dù đi sớm về khuya, người vợ không được can-thiệp và ngăn-trở.

Từ bấy giờ hai người lập nên một cái gia-đình nho nhỏ ở trong một cái nhà thuê có ba gian; một gian làm phòng ngủ, một gian làm phòng ăn, còn một gian để cho người chồng làm việc riêng, chồng cứ sáng đi tối về, vợ cũng làm thuê, kiếm được mỗi ngày một phần tiền công của người chồng. Hai bên ăn cần ở kiệm, cách sinh-nhai càng thấy khó-nhọc bao nhiêu, thì tình thương-yêu nhau lại càng thiết-tha bấy nhiêu.

Một hôm, anh chồng từ ngoài đem về cho vợ mấy tấm bánh và mấy trái quả, vừa cười vừa nói: « Lâu nay chúng ta đã từng kham khổ, nay sẽ nếm chút ngọt bùi. » Người vợ cầm lấy, rồi cứ phàn-nàn rằng: « Vợ chồng mình ăn dè uống sèn còn lo không đủ mà nuôi con; người ta không phải là sắt đá sao cũng có lúc hu-hâm, có dè-sèn được ít nhiều cũng để phòng khi thiếu thốn. Nếu cứ như ai bóc vắn cắn dài, ngày nắng chẳng nghĩ đến ngày mưa, như thế chỉ gọi là đời ăn sồi. » — Người chồng nghe nói sùng-sốt mà nói rằng: « Hôm nay nhân-lĩnh tiền công làm ngoài giờ, chúng bạn giủ đi mua vui một và chén rượu. Sự nhớ đến kẻ ở nhà cà chua mắm mận, mới cấp-nấp về một chút, gọi là cùng nhau sẻ ngọt chia bùi; ai ngờ trung-tín mà phải tội như mình, cũng là vô-lý quá! » Bấy giờ hai vợ chồng cứ nhìn nhau mà cười, lại đem bánh và quả chia nhau mà ăn; tưởng cái ý-vị đoàn-viên bấy giờ, không còn có miếng cao-lương nào mà ngon ngọt hơn được. Cả ngày cũng như một ngày, cả năm cũng như một ngày, nghe tiếng nào cũng là lời âu-yếm, trông mặt ai cũng có ý hả-hê. Thiên-đường ở đâu? Cực-lạc ở đâu? Chính ở trong ba gian nhà vợ chồng người chung-ái.

Sáu năm trời đã được hai con, mà hai vợ chồng chưa hề có một điều

gì chềch-lệch. Cái sinh-hoạt chung của hai người như thế tưởng đã là hủ-hê, song tình-y riêng của mỗi người hãy còn ở trong u-ẩn. Lạ thay! cả năm không thấy người chồng có tới lui với ai; cũng không hề có thấy một người nào lui tới. Lạ hơn nữa! là người đi cả ngày lao-lực mà tối về cũng không say ngủ ngon ăn; cứ tự thương tự lượng một mình, bao nhiêu điều hơn điều thiệt của mình không hề có đem ra mà chuyện-trò với vợ.

Người vợ dù giữ lời giao-ước cứ việc ai nấy quản mà cái mối nghi trong óc đã không sao gỡ cho tan. Một hôm đêm đã khuya, sực thức giấc, thấy phòng bên bóng đèn còn sáng, mới lên lại mà xem. Thấy người chồng đang dựa ghế mà ngồi một tay đỡ trán. Một lúc rút tờ giấy trong ngăn bàn ra mà viết, viết rồi lại nghĩ, nghĩ rồi lại viết; lâu lâu gục đầu xuống ghế mà nằm, như thế năm sáu đêm luôn, như có tai nạn gì sắp đến phải lo phương tính kế để tránh đi cho khỏi.

Hình-dung anh ta ngày càng khô-cảo, tinh-thần ngày càng hoang-hốt; người vợ lấy thế làm sợ, chồng không nói, vợ cũng không hỏi, sợ quá ra mà đến nỗi nào chẳng.

Hôm sau, người vợ đánh bạo đến mà hỏi; vừa đến trước cửa, nghe tiếng sùng-sục như chim gù. Bước vào, thấy người chồng nghiêng đầu nằm trên cái ghế, mặt trắng bệch như đất vôi. Vội-vàng cầm lấy tay mà hỏi, thì đã mê mẫn không biết gì nữa.

«Trời ôi! không biết cái sự bí-mật gì, nó làm cho chồng tôi lo nghĩ mà đến thế này!» Nói đoạn, người vợ đi ngay đón thầy thuốc. Thầy đến xem rồi, bảo rằng không hề gì, người này dùng sức óc quá độ, mà sinh ra chứng hôn-vụng. Không lâu sẽ tỉnh lại, song phải nghỉ trí khôn dưỡng sức mạnh; nếu không, phải lại, nên một chứng rất nguy-hiêm.

Bấy giờ người vợ cứ theo lời thầy giặn, ngồi một bên mà coi sóc người chồng. Nhân tìm mấy cái thư của người chồng đã viết ra mà xem, thì thấy đều là những công việc trong một cái công-ty thóc gạo ở tỉnh ấy, Trong thư nói những phương-lược phải sắp đặt thế nào, để cứu lại những sự thua-thiệt trong việc buôn-bán.

Người vợ nghĩ rằng: Nhân sao người này lại can-thiệp đến việc công-ty. Nếu những cái thư này là mệnh-lệnh cho công-ty phải theo, thì mệnh-vận cái công-ty này hẳn ở trong tay người này; nếu những phương-lược trong cái thư này không thi-hành được, thì công việc cái công-ty và trách-nhệm của người này sẽ có quan-hệ nhón lằm. Nghĩ thế rồi người vợ đem mấy cái thư đi mà gửi, rồi lại về cứ ngồi một bên người chồng mà chờ cho tỉnh lại.

Nguyên lai họ Lý chính là người chánh Quản-lý ở cái công-ty trong tỉnh ấy là sở buôn bán gạo thóc để chở ra ngoại-quốc. Từ khi hóa vợ, mới trách hình ra người làm công mà đi lấy vợ kế. Thuê sẵn một cái nhà kín để thay hình đổi dáng, cứ tối ngày từ công-ty ra về, thì mặc áo làm công mà về nhà vợ; lại cứ sáng ngày, từ nhà vợ ra đi, thì mặc áo Quản-lý mà vào làm việc. Giữ cách bí-mật như thế, đã sáu năm trời, không cho ai biết.

Năm ấy xảy ra nước ngoài có việc chinh-chiến, ảnh-hưởng lai-láng đến cả việc buôn bán trong xứ, nhất là việc chở-chác gạo thóc lại càng khó-khăn. Trách-nhệm một người Quản-lý trong công-ty bấy giờ chẳng khác gì ông tướng coi một đạo binh, điều-khiển bố-trí quyền ở một tay, được thua lên lui sai nhau nửa bước; vậy phải lo nghĩ sắp đặt hết mọi sự trong công-ty, từ thay đổi người làm cho đến thêm bớt giá-hàng. Không một việc gì

là không phải sửa-sang cân-nhắc lại, suốt ngày không đủ, kể một phần đêm, lao-tồn tinh-thần, đến nổi sinh ra một chứng hôn-vượng.

Lúc tỉnh lại, thấy người vợ còn qui một bên mà cầu khẩn, thực mình không biết hôn đã ra khỏi phách tự bao giờ; bàng-bàng hoàng-hoàng lại đòi đi ra làm việc ngay. Người vợ thuật lại lời thầy đã bảo, và nói : bấy lâu ăn nhịn để dành, cũng có dư được ít nhiều đủ cho chồng nghỉ mà dưỡng-bệnh. Người chồng nói : « Sợ không đi sẽ mất chỗ làm công, thì lấy gì mà nuôi con nuôi vợ. » — Vợ nói : « Người ta đi làm để nuôi vợ nuôi con ; nếu dùng sức quá đến nổi thân cũng không còn thì vợ con còn trông vào đâu được. » Nói rồi cứ cầm lấy tay mà khóc.

Người chồng nghe nói bất-đắc-dĩ phải ở lại nhà mấy tuần lễ. Hồi nghĩ đến tình-thế cái công-ty mình đã nguy nung lăm, trong khi mình vắng mặt, có khi đã vỡ-lở thế nào rồi đây. Những phương-lược mình đã kế-hoạch ra trong mấy cái thư, nay cũng lạc vào tay ai, có khi ông xanh-xanh có ý phạt người mệnh-lãng. Lại nghĩ đến cái vốn riêng của mình, từ sáu năm nay lấy tiền công và tiền hoa-hồng bỏ vào công-ty, tính ra cũng có hơn một vạn đồng bạc. Nếu cột cái đã đổ thì kèo bảm vào đâu ; bấy nhiêu năm khổ tri khổ lòng đã hóa ra cái dạ-chàng se cát bễ.

Nghĩ đến đây, gan càng tức, ruột càng nóng, một hôm quyết lén vợ mà ra đi. Trước đến ngay cái nhà kin, cho người tìm mấy số nhật-báo trong những ngày mình đi vắng, lịa con mắt mà đọc mấy hàng cân-sự, không thấy có nói gì đến việc công-ty gao thóc, mới chắc ý mà đi đến công-ty. Vừa đến cửa, còn thấy rậm-rột kẻ ra người vào ; lúc vào phòng giấy lại thấy người phó Quản-lý và các thư-ký đều đến

mà trình việc ; trong ngoài mọi sự quang-cảnh vẫn như thường.

Có một điều lấy làm lạ là mọi việc sắp đặt trong công-ty đều như ý mình mới định. Hỏi ra mới biết từ mấy tuần lễ trước, có tiếp được thư Quản-lý thì các việc trong công-ty đã cứ theo phương-lược chỉ định mà thi-hành. May mà các việc đều đúng thời-cơ, cho nên sự giao-dịch trong công-ty lại được vững-vàng như trước. Lấy mấy cái thư ấy ra mà xem thì chính là thư của mình, mà chữ đề bì thư lại là tự-tích của người vợ.

Người chồng nghĩ lấy làm lạ, việc mình chưa hề có hở-han với ai, sao mà vợ mình lại gửi những cái thư này trong lúc mình còn hôn-vượng. Nếu vậy, chẳng những vợ mình đã biết mình là người trọng-yếu trong công-ty, lại biết những cái thư này có quan-hệ trong việc buôn bán của mình nữa. Những cái thư này thực đã tạo-hóa cho công-ty, mà tay kẻ đã gửi thư lại là tay tạo-hóa cho cái thư ấy.

Thôi mình đã phụ hẳn một người tri-kỉ bấy nhiêu lâu, đầy-dọa nhau vào trong chốn lằm-than ; nghĩa kia nên trọng, tình nọ đáng thương, còn biết trông thấy nhau đấy làm sao cho phải.

Lúc về nhà, trông thấy vợ, vội vàng cầm lấy tay mà nói rằng : « Minh ơi, tôi đã là người rất hèn-hạ, vì đã đem lòng khi-trá mà đả-kẻ chí-thành ; tôi đã là người bạc-hạnh, vì đã dùng cách tàn-nhân mà đả-kẻ chí-thân ; tôi lại là một người chí-ngu, vì đã để việc bí-mật cho mình biết cả. Thôi chẳng qua cái chí-hướng của tôi đã quyết, nó bắt tôi tệ bạc cùng mình ; tôi cũng trông mong rằng cái chí-hướng ấy đáng cho mình tha thứ cho tôi. » Người vợ nói : « Từ thuở mới gặp nhau, thiệp vốn biết chàng là người có chí lạ, tính-tình độ-lượng khác kẻ hạ-lưu, khi ăn nói, lúc ra vào, đều đủ cho người ta suy xét ; vì đã giữ lời giao-

ước, cho nên không dám can-vận cũng không dám sai-nghi. Thiếp nhận lấy những cái thư kia mà gửi là vì nghĩa-vụ người đàn-bà phải giúp đỡ chồng trong khi hoãn-cấp. Nghĩ như thiếp đã thóc-mách đến việc riêng của kẻ khác, cũng là phạm tội thày-lay ; thiếp xin chàng tha thứ cho điều ấy. »

Người chồng nghe nói, cứ cầm lấy tay người vợ mà nói :

— Hôm nay đã là ngày chúng ta bắt đầu đi đến con đường đã chỉ định, chính là ngày chúng ta mở cái màn hắc-ám mà ra chốn quang-minh. Hồi-tưởng thân-thế chúng ta từ sáu năm về trước chẳng khác chi người say rượu, vào trong đám đông, cứ bị kẻ đẩy người giu, mà mình cứ mê-mẩn lao-đao như cuồng như dại.

« Từ năm 25 tuổi tôi đã ra học nghề buôn bán, ở trong công-ti gạo thóc, cũng là tay kinh-kỹ, tiền công mỗi tháng có 200 đồng, còn hai phần hoa-hồng, một năm trong tay có kiếm ra ngót 3 nghìn đồng bạc, lấy vợ cũng là con nhà phong-thể, cách cư-xử cứ phải theo bậc thượng-lưu ; và việc giao-tiếp bên ngoài, cũng tập thói sang-trọng. Cái nhà ở đã lớn, thì phục-dịch phải dùng nhiều người, nào xe, nào ngựa, nào bồi, nào bếp, lại còn cơm ngang khách tạm, trong nhà bao giờ cũng có hơn mười miệng ăn. Đã là nhà phú-quí phải đủ lối hào-hoa, nào đồ trang-sức, nào đồ chưng-bầy, chỗ nào cũng muốn cho đẹp mắt, việc gì cũng muốn cho hơn người ; vợ cho chồng lên bậc thượng-lưu, chồng cũng không chịu để vợ ra người đạ-bạc. Thị-dục càng lắm, tiền-phí càng nhiều ; chúng tôi trước còn háo-hức, sau ra chán-chường, trước còn đua-tranh, sau ra phiến-não. Mặt ngoài ai cũng tưởng là vẻ-vang, mà nội-tình biết đâu là khổn nạn.

« Một hôm nhân thiếu-tiền, tôi nhà một người quen mà giật mượn. Vừa vào gặp có khách chơi, chủ-nhân cứ ép tôi vào cuộc. Nể bạn tôi cũng theo đồ đuổi đen một và tiếng, mà ai cũng khen là nước bạc sành. Hôm ấy được ít nhiều là may, mà trong lòng thực cũng tưởng mình là có duyên cờ bạc. Một lần khác, vừa chi lương về, tính ra không đủ tiêu, quen mui, tôi lại tìm ngay vào tiệm bạc. Ai ngờ mới nửa giờ đồng hồ bao nhiêu tiền lưng, đã bay lên chùa con chim mất cả.

« Về nhà, sợ đàn bà dầy-dật, cứ tìm cách giấu quanh, rồi cứ giật đầu cá và đầu tôm, lâu lâu thành ra một món nợ lớn. Người ta nói : « To cánh bè dài giòng vắn-tự », hết mọi sự đã dùng để vẽ vôi cho chúng tôi một bức tranh sang-chượng, lại là những chấu gai dây sắt giàng buộc chúng tôi vào một cảnh khó-khăn...

« Thương hại thay ! cho người bạn tôi trước vốn là người đa-sầu đa-bệnh, từ khi trong gia-đình đã gây nên cái phong trào phản-mục, thì đêm ngày chỉ ăn giận uống hờn. Hại người thay là cái bệnh thất-tinh, sự vui thì ít, sự lo thì nhiều, lần lửa mãi thành ra một chứng không ăn không ngủ. Người thì bảo là ma làm, người thì bảo là hậu-sản, thang-thuốc nào cũng không hiệu, bùa-chú nào cũng không linh, có chăng mình biết bệnh mình, trước là thị-dục quá-độ, sau là điều-dưỡng thất-nghi, tội tự mình làm nên còn mong cầu khẩn cầu được. Tưởng thân-thế chúng tôi bấy giờ, như một con tâm đã rút ruột ra, mình buộc lấy mình cho đến chết.

« Năm 31 tuổi thì hóa, mà trong tay thực không còn một đồng. Kể tự ngày từng trải thói đời mà việc sinh-nhai của tôi cũng đổi lối thay dây từ đó.

Ấy là cái kinh-lịch của tôi tự sáu năm về trước, còn từ khi đã giữ vững cái chủ-nghĩa « có gan làm giàu » tránh hết mọi sự phù-phiếm ở đời, nay mới biết cái lạc-cảnh trong gia-đình có giá-trị là thế ».

Nói chuyện rồi, đưa vợ và mấy đứa con lên ở một cái nhà lầu thật cao. Kia hai vợ chồng người quần xanh áo cộc hôm qua, nay đã là ông chủ bà chủ cái công-ti gạo thóc trong tỉnh.

NGUYỄN BÁ-HỌC (Nam-định)

VĂN - UYÊN

THƠ VĂN CŨ

DỊCH ĐƯƠNG THI

淮上別友人

Hoài-thượng biệt hữu-nhân

楊子江頭楊柳春
Trên ngàn khóm liễu tươi-bời,
楊花愁殺渡江人
Hoa sao hoa khéo trôi người bên sông.
數聲風笛離亭晚
Ly-đình một khúc nào-nùng,
君向瀟湘我向秦
Người trông bến Sở, ta trông bến Tần.

邊詞

Biên-từ

五原春色舊來遲
Cõi xa xuân đến còn chầy,
二月垂楊未掛絲
Nửa mùa liễu chưa mấy cây buông mảnh.
卽今河畔冰開日
Từ khi giá mở mặt dòng.
正是長安花落時
Hỏi hoa hoa đã trải thành Tràng-an.

西施石

Tây-Thi thạch

西施卽日浣紗津
Bến này rất lụa năm xưa,
石上青苔思殺人
Mà nay tấm đá lơ-mờ in rêu.

一去姑蘇不復返
Sông Tô khách chửa giở chèo,
岸傍桃李爲誰春
Một thành đào-lý biết chiều về ai ?

Hưu-quan lục-thập tự-thọ

Rằng nay là phải hẳn xưa nhằm,
Xe ngựa đường xa cát bụi lằm.
Ba lống cúc tông nhờ quả-phúc.
Sáu mươi mây tóc chửa hoa râm.
Hầu non bốn chị sinh năm một,
Bạn cũ mười anh chết đến năm.
Lộc nước còn nhiều hưu-bồng dương,
Muốn như Bành-tổ tám trăm năm.

Thuật-hoài

Đường mây qua lại vó câu dong,
Chán mặt non sông những thẹn thùng.
Mùi thể thử chơi chừng ấy đủ,
Cuộc đời đã hẳn lúc nào xong.
Thôi thôi xin lạy cùng chung-đỉnh,
Kéo kéo còn dày với kiếm-cung.
Phận lão điền-viên cam một tí,
Đào hoa năm cũ gió cơn đông.

Nợ phong-lưu

Cõi trần-thế nhân-sinh là khách cả, nợ phong-lưu kẻ giả có người vay ; trong trần-gian ai biết ai hay, làm ra đấng phi-thường cho tỏ mặt. *Quân-tử dụng-tâm*

vô đố kỵ⁽¹⁾, trượng-phu nhập-thể hữu kinh-quyền⁽²⁾. Bất oán nhân diệc bất ưu thiên⁽³⁾, trong ba vạn sáu ngàn ngày đều thích chí. Năm ba chén non nhân nước trí, một và câu thơ thánh phú thần; nhơn-nhờ trong áng hồng-trần, sấp người chung-đỉnh dai-cân cũng vừa, thánh-thời bầu rượu túi thơ.

Vãn cảnh chiều

Trái non nước xa trông ban tịch-chiều⁽⁴⁾, bức phong-vân ai khéo vẽ-vời. Dưới kim-ô con bạch-nhạn bóng loi-thoi, dòng bích-lãng tiếng ngư-ca gặng-gỏi. Đầu lấm điều sấn tà-dương ngoại⁽⁵⁾, thừa tịch ngư qui cồ-dộ đầu⁽⁶⁾. Gió trăng say chênh-choáng rượu lưng bầu, non nước hứng bẻ bai đàn mấy khúc. Nhân đứng-đỉnh xênh-xang gậy trúc, giục thẳng đồng thit túi kiền-khôn, thánh-thời trong côi khu-hoàn.

Cảnh thu

Xinh thay tiết thu-thiên quang-cảnh, khi lạc-hà⁽⁷⁾ dài bóng tà-dương⁽⁸⁾; một con thuyền cạy bát bên giang, thu-thủy cộng tràng-thiên nhất sắc⁽⁹⁾. Vừng ngọc-thỏ in sông vắng-vặc, giữa giang-tâm bóng lộn mấy từng; trên một trăng dưới cũng một trăng, xui lòng kẻ hữu-tình ngao-ngán. Nhất phiến ngân-bàn phân lưỡng-đoạn, bán-trần thủy để bán thiên-thai⁽¹⁰⁾; vừng trăng ai sẽ làm đôi, nửa in dưới nước nửa cài trên không

Túy-hương

Nhân-sinh tại-thế, chẳng gì hơn mượn chén để làm vui; việc bằng trời say đoạn

cùng bằng thoi, một trận phá thành sầu bề nào. Túu-trái tâm-thường hành-xử hữu, nhân-sinh thất-thập cồ-lai hi⁽¹¹⁾. Danh mà chi lợi cũng mà chi, mượn chén dặt-diu cơn trăng gió; nghìn vàng hết, hết thời lại có, dẫu muôn trung nghìn từ kém, chi; bên tai vắng vắng tiếng thị phi, màn trời chiếu đất dầu khi ngang tàng, mơ màng trong côi túy-hương.

Vãn vợ tế chồng

Than ôi!

Tơ thắm nhỡ-nhang nửa đoạn, sinh đồng sao tử không đồng.

Thoi vàng thắm-thoắt ba đông, duyên tận nhưng tình chữa tận.

Ngậm-ngùi lưỡng tử bách-niên-thân, giờ giới khôn cùng thiên-cổ-hận.

Chàng thiệp gấm từ duyên bén lửa, duyên ước nên huệ trướng nầy trời lan.

Chị em quay lại sắt xen cầm, phận bao quản gốc cù chen rễ sắn.

Bóng gương loan càng ngấm càng say, chẵn thúy-vũ một ngày một vắn.

Sóng hăng-hải thừa gập ghềnh bến khách, lòng thiệp dốc bẻ chẵn gối, thuyền thâm-tình xuôi ngược mũi bơ-vơ.

Lửa cừu-gia cơn dan-diu nhà thân, thay chàng liễu bước chông gai, gánh hiểu-đạo đi về vai quẩn-quặn.

Vụng nhân-mưu vì gặp hội gian-nan, Lay thế-vị bởi mang danh tài-tuấn.

Vâng sứ-tiết phải băng miền bắc-tái, tay cầm tay buổi ấy những dùng-dắng.

Xảy ai-thư vừa hé cửa nam-quan, mặt nhìn mặt nét xưa còn phảng-phấn.

(1) Người quân-tử dụng-tâm không có ghen ghét.

(2) Kẻ trượng-phu lọt đời phải có lúc kinh lúc quyền.

(3) Không oán người cũng không có trách trời.

(4) Bóng mặt trời chiếu lúc buổi chiều.

(5) Chim về rừng bay sấn dưới bóng mặt trời xế.

(6) Thuyền đánh cá nhân buổi chiều bơi về nơi bến dò cũ.

(7) Lạc-hà là bóng mây, có bóng mặt trời chiếu chiếu vào, thành sắc vàng ánh.

(8) Tà-dương là mặt trời xế chiều.

(9) Nghĩa là nước mùa thu cùng lộng với bóng da trời một sắc.

(10) Một mảnh mâm bạc chia làm hai đoạn, nửa chìm dưới nước, nửa trên trời, là nói cái bóng trăng.

(11) Nghĩa là nợ rượu tâm thường, đi chốn nào cũng mắc nợ. Người ta sinh ra từ xưa đến nay ít người sống được bảy mươi tuổi.

Ao ước chín năm trời, vừa tới độ
thèm chua khát ngủ, thời muôn dặm
nước non khơi bước, bẽ - bàng thay
phận thiệp có ai hay.

Muộn-mắn năm mươi tuổi, mới tới thì
nở quẻ treo cung, bỗng một cơn mưa
gió giữa đường, đau-đớn nhẽ mặt con
không kịp nhận.

Trời ôi ! nước chảy hoa trôi, mây về
ác lặn.

Doanh Trương-nữ trông về châu hóa-
trúc, tơ mảnh như thắt ruột tằm khô.

Đỉnh Vọng-phu ngoảnh lại đá-nên người,

giác mộng luống theo hồn bướm vẫn.

Chiếc bóng chưa qua tuần vân-cảnh,
gửi thân cửa bụi cũng chông-chênh.

Lắm điều thêm ngán nỗi nhân-tình,
nương thú non quê càng lẫn-thần.

Thay áo xám ngả màu sông cũng vậy,
chẳng những hai mươi bảy tháng, lòng
này riêng kẻ khuất với người còn.

Chặt tóc xanh thề tơ thắm từ đây, dẫu
mà bảy tám chín mươi, lời ấy tỏ tình
dài trong nghĩa-đoạn.

BẢN-QUÁN sao-lục

THƠ CA MỚI

Đề đền Hùng-vương

Tổ nhà vua nước công gây dựng,
Vật đổi sao dời nỗi nhớ thăm.
Con cháu rồng tiên hai chục triệu,
Non sông Lô Tản bốn nghìn năm.
Máu đào khéo quển duyên hương lửa,
Bia đá khôn mài dấu cổ kim.
Còn miếu, còn lăng, còn sử cũ,
Gốc cây nguồn nước chút tình thâm.

Đề Hiệp-Phật ở Nghĩa-địa tỉnh Thái-bình

(Phật ấy thì một tay cầm gươm, một tay
cầm buồm, nghĩa-địa ấy quan Tuần-phủ
Phạm Văn-Thụ làm ra)

Hiệp-Phật ai tô nghĩa-địa đây,
Tay buồm tay kiếm lạ lòng thay.
Vớt người bẽ khổ qua bờ bến,
Đoạn giống hôn yêu dứt rẽ giây.
Họa-phúc đôi đường ghê báo ứng,
Hương hoa một niệm mãi xưa nay.
Muôn nhà ao ước cầu sinh-phật,
Phải hiện thân trên thế-giới này.

Đánh đầu-hồ

Cũng lúc mua vui lúc giải phiền,
Cõi trần đủng-đỉnh một bầu tiên.
Vang lừng trời đất long-bong trống,
Đua chọi anh-hùng lát-chát tên.
Cách diễn thể-thao pha học mới,
Nghề chơi quân-tử gắng công rèn.
Chuyện đời khéo gánh đôi tai gỗ,
Mặc kệ người chê kệ kẻ khen.

Cử-nhân NGUYỄN HỮU-XƯƠNG

Vịnh ông Nguyễn-Trãi

Hai vai đeo nặng nợ anh-hùng,
Thù lớn cha riêng thẹn nước chung.
Đôi mắt tinh đời tôi biết chúa,
Mười năm mở nước núi ghi công.
Non Côn biết rõ niềm lui tới,
Vườn Lệ ngờ đâu tội lạ-lùng.
Độc cáo Bình-ngô lời tự nghĩ,
Công này oán ấy luống thương ông.

MAI-KHÊ

VĂN XUÔI

I Tu-thân dưỡng-tâm.

Năm ất-mão (1915), làng ta bị nước lụt, cả nhà chạy lên khúc đê giữa làng, ở nhờ vào một gian nhà nhỏ, dung được hai giường, mà người nhà đông, đồ-đạc nhiều, suốt đêm ta chỉ ngồi giữa đê mà ngủ. Mấy hôm ra Hà-nội, qua làng Gia-quất thấy một cái lều của làng ấy chạy lụt, rộng độ ba gian kê được giấm phở, có mấy người giải chiếu ngồi ăn cơm thung-dung. Lúc bấy giờ trông người mà ngắm đến ta, thời người ta còn sướng hơn mình nhiều lắm.

Nhân nghĩ ra rằng : Cảnh sướng cảnh khổ, bởi bụng mình mà sinh ra, nếu cứ đem mình mà so-sánh với người hơn mình, dầu quan đại-thần, giàu địch-quốc, cũng chưa chắc đã sướng.

Một đôi khi, ta gặp việc nhà hoặc việc công-ích, làm được một điều thiện nhỏ, trong bụng nghĩ đã lấy làm thích; tối đến xem sách, xem báo, thấy những người hào-kiệt, xưa nay làm nhiều công việc như trời như bể, tự-nhiên mình hỏi mình mà bẽn-lẽn xấu-hổ.

Nhân nghĩ ra rằng : Những đũa kiêu-ngạo cậy mình, rất là những đũa giốt cả, vì nó không được trông nghe sự-nghiệp của thánh-hiền hào-kiệt, cho nên nó tưởng mình là to.

Vậy ta có nghĩ được hai cách để tu-thân và dưỡng-tâm : học-vấn, tri-thức, ngôn-ngữ, đức-hạnh, công-nghiệp, nên trông lên với thánh-hiền hào-kiệt, mà cảnh-ngộ, sản-nghiệp, quần áo, ăn- uống, thì nên trông xuống với những kẻ ăn mày.

II

Chó chết hết chuyện.

Tục-ngữ ta có câu rằng : « Chó chết hết chuyện », câu ấy nghĩ kỹ ra rất có

ý nghĩa mà đáng tiếc cho mình, sợ cho mình, xấu hổ cho mình ; sao thế ? Các loài động-vật ở trên thế-gian này, đã có sống, tất có chết. Dầu loài người cũng phải theo lệ chung ấy. Duy các vật có thứ chết thì hết ngay, có thứ chết thì còn lại, như con tê, con tượng chết đi mà còn xừng còn ngà, con hổ con báo chết đi mà còn da còn vuốt, loài giẻ cừu chết đi thì còn lông để giệt dạ, loài trâu bò chết đi thì còn da để làm đồ dùng, thế là chết mà hãy còn. Duy có loài chó chết thì hết chuyện.

Đời người ta sống trong trăm năm rất là ngắn-ngủi. Thế mà những bậc thánh-hiền, như giáo-chủ, như anh-hùng, như trung-thần, như hiếu-tử, như tiết-phụ, như liệt-nữ, như cao-sĩ, như nghĩa-dân, cho đến những người có văn-chương hay, có chính-sự giỏi, có nghề-nghiệp khéo, cho rằng sống lâu đôi ba mươi tuổi, cách bảy giờ một vài nghìn năm, thế mà những chuyện các người ấy ghi ở sách truyền ở miệng, tưởng như vẫn còn.

Thế thì đã là loài người nếu cứ khu-khu một cách kiếm ăn nuôi mình, mà không có phẩm-hạnh, tư-tướng, sự-nghiệp, văn-chương gì đáng truyền lại đời sau, thì dầu sống đến trăm tuổi, quan đến nhất-phẩm, giàu đến triệu bạc mà có lẽ chết thì cũng hết chuyện.

TRỊNH XUÂN-NHAM.

Tiệc trà của Hội « Khai-trí »

Mắt đeo kính đen, thì trông thấy vật gì cũng đen, mắt đeo kính vàng thì trông thấy vật gì cũng vàng, đó là con mắt theo sắc kính mà vật ngoài cũng đen vàng. Con người ta trong lòng vui

thích thời cảnh ngoài cũng nhân thế mà vừa lòng. Tôi vốn là người trong hội Khai-trí-tiến-đức, tôi vẫn đeo cái kính « lạc-quan », từ khi hội Khai-trí-tiến-đức nhờ được các bậc thượng-lưu cõ-võ lập nên, tôi rất vui lòng, khi được phép Chánh-phủ cho thành-lập, tôi lại rất vui lòng, khi tôi được các bậc thượng-lưu trong Hội hạ-cổ đến phạt hèn cho lạm-dự vào chân « Chủ-trì » trong Hội, thì cái vui lòng của tôi biết mấy mươi mà kể. Ôi ! con người ta, sinh ra đời, ai chẳng có nước, có nước thì phải yêu, vì nước kia là chốn tổ-tiên ta đã qua đi ở đó, lại là nơi con cháu ta sắp tới ở đó, ta phải nghĩ sao mà vun-đắp lấy cái nền cố-đất cho được vững-vàng, để ông cha ta có kẻ nối, con cháu ta được quang-vinh, trước là giữ lấy nòi giống ở trong đời, sau là giữ lấy danh-vọng ở trong đời, để cho không đến nỗi phải khuất phải nhục, tấm lòng các nhà ái-quốc thực lúc vào cũng nghĩ man-mác như thế. Tôi chưa được là một kẻ ái-quốc, nhưng tôi đương muốn học cách ái-quốc cho phải đường. Thời Hội Khai-trí tấn-đức các nhà thượng-lưu lập ngay nên, thật là một cái trường học mà các bậc thượng-lưu trong hội là giáo-viên để dạy cho tôi sự ái-quốc phải đường vậy. Vì sao ? Vì Hội Khai-trí tấn-đức là một hội theo ý thánh-hiền cổ ở Á-đông ta, lấy cái đạo « trung-dung » làm chủ-nghĩa, theo lời thầy Mạnh-tử « lấy nước nhỏ thờ nước lớn » mà nương nhờ vào nước Đại-Pháp là một nước rất văn-minh trong thế-giới để cầu nước Pháp làm một ông thầy hướng-đạo diu-dắt cho chúng ta tiến-bộ, dần-dần lên cái đài mùa văn-minh. Về đường « tiến-thủ » thì nhất-tâm tin cậy ở nước Đại-Pháp, về đường « bảo-thủ » thì vun-trồng lấy cái luân-thường phong-hóa cũ của tiên-nhân để lại, làm cho cái gốc quốc-túy không bao giờ nát, giữ cho cái hồn cố-đất không

bao giờ mờ, khiến cho cái lễ-nghĩa hay, cái kỹ-cương tốt đã từng trải đời này đời khác tổ truyền tông nối kia không có bao giờ hóa ra giở ra xấu, mà cố giữ lấy một nền văn-minh riêng trong bề Á. Cái chủ-nghĩa của Hội Khai-trí tấn-đức rộng-rãi mà ôn-hòa biết như ở ngoài nào ! Đó chính là quyển sách của tôi, mà trong óc tôi lúc nào cũng nghĩ tới những bài học trong quyển sách ấy, một chữ, một câu không hề dám bỏ qua. Ngày nay tôi đã là học-trò trong trường học rồi, cái lòng hiếu-học của tôi thấy sách là vui, thấy học là thích, nói sao cho hết được cái nhiệt-độ tấm lòng vui thích ấy.

Cái trường học kia, cái quyển sách ấy mà anh học-trò này, biết bao nhiêu là ân-ái, biết bao nhiêu là cảm-tình.

Hội thành-lập đã lâu, nhưng tôi xin ví như là có nhà trường rồi thì mới có ngày làm tiệc khánh-thành để khai-trường cho các nhà học-sĩ đi lại mà luận-đạo đàm-văn, vậy thì hội thành-lập nhưng từ cái tiệc trà ở Văn-miếu này mới là khai-hội vậy. Ngày về-vang kia, là ngày Hội rước quan Toàn-quyền Sarraut làm danh-dự Hội-chủ, thời như nhà trường có quan Giám-đốc để trông nom chỉ bảo cho các giáo-viên cái đường dạy-dỗ học-trò, sao cho « trí khôn càng ngày càng mở-mang », « đức hay càng ngày càng tấn-tới », một mai ta thành ra một kẻ nhân-cách hoàn-toàn để ra mà xử-trí việc đời, giúp-dậy việc nước, đối với nhân-quần xã-hội có ích-lợi, mà cái ích-lợi to-tát vô-cùng.

Ừ, nếu mà tôi giữ vẹn được cái tư-cách người học-trò xiêng, chăm-chỉ học quyển sách ấy, không hề bỏ trốn nhà trường, ép lòng ép chí theo lời các giáo-viên, hết công hết sức mà noi ý quan giám-đốc, chắc rồi có một ngày tốt kia tôi sẽ trở nên một nhà ái-quốc phải đường, thời khi ấy tôi sẽ hoàn-toàn nhân-cách. Vậy trong tiệc trà ở

Văn Miếu kia, tôi bước chân vào, thời hân-hạnh biết giá nào !

Tôi hân-hạnh là hân-hạnh rằng mình được chen mặt vào làng ái-quốc, tôi hân-hạnh là hân-hạnh rằng cái làng ái-quốc mà tôi được chen mặt vào đó là cái làng ái-quốc phải đường, tôi hân-hạnh là hân-hạnh rằng cái làng ái-quốc phải đường đó đông-đúc những người thượng-lưu nhiệt-thành cả. Rồi sau ra một ngày, thêm lên, trí tôi được tăng, đức tôi được tiến, mà tôi thành người biết đường ái-quốc thời tôi hân-hạnh ngày nay tức là cầu lấy tới cái mục-đích ấy vậy.

Pháp-ngạn có câu « muốn là có thể được », tôi chắc cái mục-đích ấy tôi cứ đi thời sớm muộn cũng có ngày tới nơi.

Kia cái mục-đích ấy há tôi lại chưa trông thấy hay sao ? Tôi trông thấy ở cái quyền Điều-lệ của Hội, tôi trông thấy ở cái đám cờ tam-tài, cờ liệt-quốc, cờ ngũ-hành pháp-phối, trống cà-dùng, tiếng bát-âm tu cùng tiếng kèn trống tây ở xung quanh và giữa Văn-miếu ; tôi trông thấy ở trong hai bài diễn-thuyết của quan Thượng Đoàn và quan Sarraut đọc ở mấy gian nhà đại-bái thờ đức Khổng Phu-Tử ta ; tôi trông thấy mục-đích ấy tôi hăng-hái tấm lòng đuổi theo mục-đích, mà tôi vui vẻ quá chừng.

Cái sự vui vẻ ấy cũng không riêng gì tôi. người trong hội, trên tự các ông đàn anh, dưới đến các người trai trẻ, đều vui vẻ như tôi cả. Cái vui vẻ ấy cũng không riêng gì các người trong Hội mà chắc hết cả người An-nam dự tiệc hôm ấy cũng đều vui vẻ như các người trong Hội. Bởi vì cái mục-đích kia to-lớn tỏ-tường, ai là người biết rằng ở cái thời-thế cạnh-tranh này, khôn thời sống, dại thời chết, khỏe thời được, yếu thời thua, nước ta tất phải có nhà-nước Đại-Pháp bảo-hộ cho thời mới vững mà sinh-tồn

trong thế-giới được ; vả lại sự tiến-bộ của quốc-dân mà trông mong vào nước Pháp, nước Pháp mà hết lòng khai-hóa cho, thời chắc tuần-tự mà lên không có e rằng vấp-vấp, chẳng còn sợ chi hiểm-nghèo nữa. Tiên-nho ta có câu : « Cái bệnh bảy năm phải cầu cây ngải-cứn đã ba năm, nếu mà không súc-tích thời suốt đời không sao mà chuốc được. » Ta bây giờ muốn được có ngày cường-thịnh thời phải học-hành nghề hay thuật lạ, cũng như là kẻ bệ nhmà cầu cây ngải-cứu vậy. Nếu mà không có nhân-tài thời không bao giờ cường-thịnh được. Cái bệnh bảy năm thời phải cầu cây ngải-cứu ba năm, quốc-bệnh của chúng ta thời tất phải cầu cái cây nhân-tài thời mới có thể bình-phục được vậy. Ai là người biết đường yêu nước, tất cũng phải lấy cái mục-đích ấy là phải theo, trong bài diễn-thuyết của quan Thượng Đoàn và quan Toàn-quyền Sarraut hôm ấy thực đã phôi đường hơn lẽ thiệt mà quốc-dân ai nấy đều dịp chân vô tay tán-phục cả. Tôi thấy cái cảm-giác của tôi nó nồng-nàn như thế, tôi dám chắc rằng hội Khai-trí tiến-đức từ hôm ở Văn-miếu mà đi rồi thời càng ngày người vào Hội càng đông thêm lên, mà Hội có thể Nam, Bắc, Trung ba kỳ đều có người tất cả. Cái đoàn-thể này thực là một đoàn-thể thiêng-liêng, nó buộc kẻ trên người dưới trong Hội, lại tự-nhiên khởi tấm lòng tương-thân tương-ái nhau, ai ai cũng đồng-ý về sự trông cậy ở nước Pháp, không dám đòi nước Pháp ra. Vậy phàm những người nào có biết yêu mến nước Nam là tổ-quốc nhà mình, có biết thương nòi thương giống mình, mong họp nhau lại mà làm cho dân-đức dân-trí tăng-tiến lên để một mai chiếm một địa-vị lớn-lao trong hoàn-võ, thời mới biết yêu mến nước Pháp. Yêu mến nước Pháp bây giờ tức là để thi-hành cái lòng yêu mến nước

Nam vậy. Dám khuyên anh em thiếu-niên ta nghe lời tôi nói, xét cái cảm-giác của tôi, cũng đủ biết được cái tâm-sự những nhà ái-quốc cầm cái chủ-nghĩa « trung-dung », mà xin đồng-bào ta kịp cùng nhau cùng tán-thành

cái chủ-nghĩa ấy, để cho cái đoàn-thể ta mỗi ngày một to, rồi thực-hành bốn chữ Khai-trí tiến-đức cho cố-quốc được ích, quốc-dân được lợi vậy.

MÀN-CHÀU.

DỊCH HÁN - VĂN

Văn tế ông Liễu Tử-Hậu

(của ông HÁN-DŨ là một nhà đại-văn-học đời Đường)

Năm..... tháng..... ngày..... tôi HÁN-DŨ kính dâng lễ mọn tế trước vong-linh ông bạn cũ tên Liễu Tử-hậu rằng :

Hỡi anh Tử-hậu ! chết vội thế a ! xưa nay ai chẳng chết ? riêng gì chúng ta ?

Đương lúc chiêm - bao, có buồn có sướng, lúc đã tỉnh rồi, như cơn gió thoảng.

Phàm loài vật sinh, không muốn có tai ; cây chặt, dầu đốt, càng tai càng tai.

Anh lúc trai-trẻ, ngựa trời buông cương, châu phun ngọc nhả, giay tiếng từ-chương.

Chẳng giàu chẳng sang, ức-tắc nửa đời, cảnh anh càng cùng, văn anh càng hay.

Thợ vụng ngồi làm, vác mặt vênh râu ; thợ khéo đứng xem, le lưỡi lắc đầu.

Văn-học như anh, mà dụng không được ; kém như bọn tôi, bị vị HÁN-các.

Hỡi anh Tử-hậu, nay đã đi đâu ? Lời anh rồi lại, tiếng nghe lâu-lâu.

Bảo khắp bạn cũ, sau này gửi con ; tình-nghĩa giao-du, kẻ khuất người còn.

Thói thường người ta, xem thế hậu bạc ; tôi đã chắc gì, khỏi phụ anh thác.

Thói nguyện cùng anh, đã biết đến tôi, quỷ-thần hai vai, há dám sai lời.

Anh về, về luôn ; biết bao giờ lại ? Đặt lễ trước quan, lòng thành xin rã.

Hỡi ôi thương thay ! có linh xin hưởng.

* * *

LỜI BÀN CỦA NGƯỜI DỊCH. — Năm đạo thường, đạo bằng-hữu là một. Trong lễ, bạn thiết lúc chết có để tang nhau. Đức Khổng-tử nói : « Bằng-hữu chết mà không có ai thừa-nhận thì phần ta phải liệu việc tổng-chung ». Ông Tử-hạ nói : « Cùng bằng-hữu chơi, nói mà có thực ; tuy nói chưa học, thế cũng tức là học rồi. » Thánh-hiền xưa cũng lấy đạo bằng-hữu làm trọng lắm. Cỗ-nhân như ông Bão-Thúc với ông Quán-Trọng, sẻ của cho nhau mà không phiền ; ông Yên-Đan với ông Ô-Kì, mượn đầu của nhau mà không ngại ; (1) đạo bằng-hữu đến thế, mới thực là vàng đá keo sơn. Năm đạo thường ở nước ta bây-giờ, coi chừng muốn theo ngọn nước triều biển đông trôi tuốt-luốt hết, mà nhất là đạo bằng-hữu thì gần như quét dất sạch-sẽ không còn tí gì : giàu-có sang-trọng thì nhất vãng nhất lai, làm tưng-bấn ấy là người dung nước lũ ; đám tiệc xum-vầy thì chén anh chén chú, rủi gặp-khúc ấy là rệu đồ bìm leo ;

(1) Ông Quán-Trọng lúc nghèo, lấy vốn của Bão-Thúc cấp cho đi buôn, thường tiêu mất cả. — Ông Yên-Đan cậy ông Kinh-Kha làm thích-khách báothù vua Tần ; Tần đương cố bắt cho được Phàn Ô-kì nên mượn đầu Phàn-Ô-kì cho Kinh-Kha đem sang Tần làm tin.

người bạn thế, kẻ bạn tiền, bạn hát cô-đầu, bạn đi đánh bạc thì có chán, chứ bạn nhân bạn nghĩa, thì cả nước đã hồ đồ kiếm được mấy người? Mây mưa phiên-phúc, thói đòi ghẻ-lạnh, nghĩ mà ghê ; bạc trắng lòng đen, ai kể chi đến vàng phai đá nát ; thậm-chi lừa bạn, hại bạn, lấy vợ bạn, gạt con bạn, biết bao nhiêu cái lịch-sử rất tội-ác thương-thảm ở trong một môn bằng-hữu ở nước ta bây-giờ ! Nhân dịch bài văn-tế của ông Hàn-Dũ tế ông Liễu Tử-Hậu có

những câu : « Thói thường người ta, xem thế hậu bạc. Tôi đã chắc gì, khỏi phụ anh thác, Thôi nguyện cùng anh, đã biết đến tôi. Quỷ-thần hai vai, há dám sai lời. » Trong bấy-nhiều câu, phi-trắc chiền-miên, biết bao tinh-tự ; đọc đi đọc lại, sực nghĩ tới đạo bằng-hữu ở nước ta bây-giờ mà cảm. Chẳng biết những người đọc bài văn dịch ấy có cảm như mình không ?

TUYẾT-HUY

MỪNG QUAN TISSOT THĂNG KHÂM-SỨ KINH

Quan TISSOT, nguyên lĩnh Công-sứ tỉnh Nam-định, mới rồi mới được thăng về quyền Khâm-sứ Kinh. Ngài là người rất am-hiểu dân-tình phong-tục nước ta, lại rất có bụng thương yêu dân ta, trong năm năm cai-trị tỉnh Nam đã để lại được nhiều chính-tích hay, từ bậc quan-lại tấn-thân, cho đến kẻ bình-dân phụ-nhụ hết thấy đều một lòng kính-mến. Bữa ngài dời tỉnh Nam về Kinh, trong hàng tỉnh ai nấy đều nửa tiếc mà lại nửa mừng, tiếc rằng vắng mất một bậc quan hiền, mừng rằng ngài nay đã được cao-thăng thật là xứng-đáng với tài-năng phẩm-giá ; coi cách quan dân đưa tiễn đủ biết cái cảm-tình thân-mật. Nay ngài về lĩnh chức Khâm-sứ Kinh là một chức trọng-yếu, chắc sự-nghiệp sẽ được to lớn hơn trước, và nhờ tay ngài khôn-khéocái tình yêu mến kẻ Pháp người Nam rồi càng ngày càng thêm thân-thiết đậm-dà hơn lên. Bản-quán rất lấy làm mong-mỏi lắm, và xin có lời kính mừng kính chức quan Khâm-sứ TISSOT.

Nay lại mới tiếp được bài thơ sau này của quan huyện Trục-ninh tặng quan Khâm-sứ, xem đó thời biết cái lòng ái-mộ của các quan-liêu tỉnh Nam-định đối với ngài thân-thiết là dường nào. Thơ rằng :

*Quan cụ tài cao đức tinh hay,
Năm năm cai-trị tỉnh Nam này.
Gầy nền thịnh-vượng gần nên nếp,
Gieo hạt văn-minh đã nảy cây.
Người tốt Nam-Phong truyền ảnh-tượng,
Công to Bắc-đầu gần mây-day.
Tiễn ngài thăng-chức lòng ngao-ngán,
Nửa mến quan trên nửa mến thầy.*

NGUYỄN BÁ-CUNG

Tri-huyện Trục-ninh (Nam-định)

THỜI-ĐÀM

VIỆC LỚN TRONG THẾ-GIỚI

Hòa-ước. — Hòa-ước đã làm xong, cả thấy có 15 thiên, ngày mồng 7 tháng năm tuyên-độc ở Versailles cho bộ sứ Đức nghe.

Phần « phát-doan » (*préambule*) thời liệt tên các nước ký ước, một bên là năm đại-cường-quốc — Mi, Anh, Pháp, Ý, Nhật — cùng với các nước nhỏ : Belgique (Tỉ), Bolivie, Brésil, Chine (Tàu), Cuba, Equateur, Grèce (Hi-lạp), Guatémala, Haïti, Honduras, Libéria, Nicaragua, Panama, Pérou, Pologne (Ba-lan), Portugal (Bồ-đào-nha), Roumanie (Lô-mã-ni), Serbie (Tắc), Siam (Xiêm-la), Tchéco-Slovaquie (Triết-khắc), Uruguay : — một bên là một mình nước Đức.

Phần « nội-dung » thời trước nhất là bày cho nước Đức biết các nước Đồng-minh cùng hiệp-quốc định yêu-sách những điều gì, sau là điều-định các việc Đồng-minh với nhau, bởi thế nên trong hòa-ước có sáp-nhập cái quốc-tế-hiệp-ước về lao-động-giới (*convention internationale du travail*) và cái hiệp-ước về hội Vạn-quốc (*Ligue des nations*).

Phần « nội-dung » đó chia ra mười-lăm thiên.

Thiên thứ I là cái hiệp ước về Hội Vạn-quốc.

Thiên thứ II định địa-giới nước Đức, bắt đầu từ miền đông-bắc cho đến địa-giới nước Tỉ-lợi-thi (Belgique).

Thiên thứ III có 12 điều, buộc nước Đức phải nhận cái tình-hình chánh-trị mới ở Âu-châu. Thiên này lập ra hai nước mới là nước Triết-khắc-Ti-lạp-phu (Tchéco-Slovaquie) và nước Ba-lan (Pologne) và tổ-chức cái chánh-thể của hai nước ấy. Lại định lại cơ-sở cái quyền tự-chủ của nước Tỉ cùng sửa lại địa-giới nước ấy. Lại đặt cái chánh-thể mới cho châu Lục-xâm-bảo (Luxembourg), cùng miền lưu-vực sông Sarre (bassin de la Sarre), và hoàn lại hai châu Alsace-Lorraine cho nước Pháp. Lại mở rộng bờ-cõi cho nước Đan-mạch (Danemark), và bắt nước Đức phải công-nhận phần Áo thuộc dân Đức ở làm đất độc-lập, cùng là công-nhận cả hết thủy các điều-khoản sẽ thương-thuyết sau này với các quốc-gia

cùng các chánh-phủ mới lập lên từ sau khi cách-mệnh Nga.

Thiên thứ IV nói về cách khôi-phục chánh-thể cho những đất nước ở ngoài cõi Âu-châu mà có bị hại về việc chiến-tranh. Thiên này bắt nước Đức phải bỏ cả quyền-lợi ở các thuộc-địa, và bãi cái điều-ước Algésiras.

Thiên thứ V nói về cách dùng hải-quân lục-quân và dùng tàu bay về việc binh ; hạn-định cái số lục-quân hải-quân của Đức, bắt nước Đức bãi trong nước cái luật « cường-bách-binh-dịch » (*service obligatoire*), tức là khởi đầu sự bãi-binh (*désarmement*) trong thế-giới.

Thiên thứ VI buộc các nước ký ước phải tôn-trọng mồ-mả những người chết trận, và định cách-thức thả những tù-binh về.

Thiên thứ VII truy-nguyên về trách-cữu sự chiến-tranh, định cách trừng-trị những người có cữu và cách làm án Guillaume phé-dể.

Thiên thứ VIII nói về những khoản nước Đức phải đền-bồi cùng hoàn-lại. Trong thiên này có mấy điều riêng kê-liệt những công-văn cùng chiến-tích của người Đức lấy được hồi các chiến-tranh trước.

Thiên thứ IX gồm các điều-khoản về tài-chánh.

Thiên thứ X gồm các điều dự-bị riêng và định lại nhiều cái quốc-tế-điều-ước cùng hiệp-ước cũ.

Thiên thứ XI nói về sự giao-thông bằng tàu bay.

Thiên thứ XII định các cửa bể, cửa sông, đường sông, đường xe lửa của Đức phải thuộc quyền kiểm-đốc của Vạn-quốc. Thiên này có hẳn một mục riêng về sông vãn-hả Kiel, là cái quân-cảng to nhất của Đức.

Thiên thứ XIII là cái quốc-tế-hiệp-ước về lao-động-giới (*convention internationale du travail*).

Thiên thứ XIV nói về các quyền-pháp về sự thi-hành hòa-ước.

Thiên thứ XV về sự chuẩn-nhận hòa-ước.

Tờ hòa-ước này là dài nhất tự cổ-kim đến giờ, cả thấy tới ngót một vạn chữ, hơn một nghìn

nhà chuyên-môn soạn trong ba tháng rưỡi trời ; vừa làm bằng chữ Pháp, vừa làm bằng chữ Anh. Ngoại-giả các điều định trong hòa-ước, quan Giám-quốc Mĩ WILSON và quan thủ-tướng Anh LLOYD GEORGE lại nhận xin về bàn với nghị-viện hai nước Anh-Mĩ đặt thêm một điều phụ nữa đệ-trình cho Hội Vạn-quốc duyệt-y, điều phụ ấy định rằng hễ khi nào không phải nước Pháp khởi-hấn mà nước Đức tự sang xâm-phạm thời hai nước Anh Mĩ xin đoàn lập-tức đem quân cứu-viện.

Trong hòa-ước không nói gì đến các khoản thuộc về nước Áo, nước Bảo và nước Thổ, chỉ chuyên-chủ một nước Đức mà thôi, nhưng có định rõ rằng sau này Đồng-minh bắt ba nước kia chịu những điều-khoản gì thời nước Đức cũng buộc phải công-nhận cả.

Theo hòa-ước thời nước Đức phải hoàn lại hai châu Alsace-Lorraine cho nước Pháp, phải nhận trao miền lưu-vực sông Sarre (là miền giáp giới châu Lorraine với nước Đức) cho Vạn-quốc tạm-thời-quản-trị (*internationalisation provisoire*), lại trao cửa biển Dantzig (là một cái chiến-cảng của Đức ở trong biển Baltique) cho Vạn-quốc vĩnh-viễn-quản-trị (*internationalisation permanente*). Lại phải nhường một phần to đất Silésie cho nước Ba-lan (Pologne) mới lập. Bao nhiêu thuộc-địa cùng đất bảo-hộ của Đức mất hết, lại bao nhiêu điều-ước của Đức hồi trước ký với các nước khác mà được quyền-lợi riêng ở đất Maroc, Egypte (Ai-cập), Xiêm-la, Libéria và lĩnh Sơn-đông ở Tàu, cũng đều bãi bỏ hết. — Nước Đức phải nhận cho nước Pologne (Ba-lan), nước Tcheco-Slovaquie (Triết-khắc Ti-lạp-phu), và phần nước Áo có dân Đức ở làm ba nước hoàn-toàn-độc-lập.

Cái mưu nước Đức xưa nay vẫn là muốn lấy cái « dân-tộc-chủ-nghĩa » (*principe des nationalités*) mà đòi kiêm-tính cả cái phần đất Áo có dân Đức ở ấy, cả thảy hơn 13 triệu người. Nếu kiêm-tính được thời dân Đức nhất-dân tăng số nhiều như vậy, thật là một sự nguy-hiêm cho cuộc hòa-bình của Âu-châu, nên Đồng-minh vẫn lấy làm lo về khoản đó. Nay trong hòa-ước định đặt phần đất Áo ấy làm nước độc-lập, thật là ngừa được cái mưu của người Đức vậy.

Quân-đội nước Đức phải giảm xuống 10 vạn người mà thôi, kể cả các quân quan. Trong một vùng 50 cây-lô-mét về phía đông sông Rhin (Lai-nhân), bao nhiêu pháo-dài triệt-hạ hết, và phạm sự chế-tạo, sự xuất-nhập các binh-khí cùng đạn-dược cũng cấm-tiết.

Quân Đồng-minh hiện nay đóng ở nước Đức thời cứ giữ ở đấy choký đến bao giờ nước Đức đền-bồi hết cả mọi khoản rồi mới rút về, nhưng hạn trong 15 năm chia làm ba kỳ mỗi kỳ năm năm, hễ đến mỗi kỳ nước Đức tuân theo y như điều-ước không sai thời sẽ rút dần một phần về.

Phạm các điều-khoản thuộc về cái vùng 50 cây-lô-mét ở phía đông sông Rhin mà nước Đức phạm một điều nào thời tiện-thị coi là một sự « chiến-tranh-hành-vi » (*acte de guerre*).

Hải-quân của nước Đức giảm xuống 6 chiếc « hành-chiến tuần-dương » (*croiseurs de guerre*), 6 chiếc « khinh-tiện tuần-dương » (*croiseurs légers*), 12 chiếc « phóng-ngư-lôi » (*torpilleurs*), còn tàu ngầm thời không được có một chiếc nào. Hiện nay có bao nhiêu tàu chiến ngoài số trên ấy phải nộp cho Đồng-minh hoặc phải hủy đi hết.

Nước Đức phải doan không được dựng một cái hải-cảng nào trong biển Baltique, phải triệt-hạ cả các pháo-dài ở đảo Héli-goland, phải mở sông vận-hà Kiel cho các nước giao-thông, phải nộp cho Đồng-minh cả 14 đường giây thép ngầm qua biển (*cables sous-marins*).

Nước Đức từ nay về sau tịnh cấm không được đặt một đội tàu bay nào. Song từ nay cho đến ngày 1 tháng 10 sau hãng cho phép tạm giữ lấy bốn chiếc « hải-phi-đỉnh » (*hydroplanes*) không có vũ-trang (*non armés*), chỉ được dùng để đi tìm đi vớt các thủy-lôi của sót dưới biển mà thôi.

Nước Đức phải nhận cả những sự tổn-hại cho các nước Đồng-minh cùng các nước hiệp-ước, và phải doan đền trả hết. — Trong hòa-ước chưa định rõ tổng-số là bao nhiêu. Chỉ định cái số phải đền cho các dân-cư bị hại là 20 ngàn triệu « mạc ». (20 milliards de marks, « mạc » là tiền Đức giá bằng 1 f 25 tiền Pháp), Chánh-phủ Đức phải phát về quốc-trái trong nước mà lấy tiền trả.

Những tàu bè của Đồng-minh bị hại nước Đức phải đền bằng tàu, chiều số « tấn » (*tonnes*) mà đền, nghĩa là phải nhượng lại cho Đồng-minh một phần nhiều những tàu chạy bè, tàu chạy sông trong nước và chế-tạo thêm để đền cho đủ số.

Nước Đức phải dùng hết của-cải, hết sức kinh-tế trong nước mà khôi-phục lại những châu-quận bị tàn-phá.

Phạm các quyền-lợi nước ưu-đãi (*droits de la nation la plus favorisée*), thời nước Đức chỉ được hưởng những quyền-lợi đã công-nhận từ

trước năm 1914 mà thôi ; còn các nước Đồng-minh cùng hiệp-quốc thời được hưởng những đặc-quyền bởi sự chiến-tranh mà được.

Phàm những tội phạm trung-lập, phạm công-pháp cùng những tội dùng các lối hành-chiến phi-pháp (như dùng khí độc, hủy phá cửa nhà vô-ích, v. v.), nước Đức phải nhận ra chịu xử và chịu tội trước một tòa-án Vạn-quốc. Vua Đức cũ thời Đồng-minh sẽ yêu-sách nước Hòa-lan phải trục-xuất cảnh-ngoại, và nước Đức phải chịu cái trách-nhiệm đem đệ-nộp cho Đồng-minh.

Hội Vạn-quốc thời các nước Đồng-minh cùng hiệp-quốc đã công-nhận cả, và nước Đức cũng phải công-nhận, nhưng hiện nay nước Đức chưa được có tên trong Hội. Hội Vạn-quốc sẽ gồm những đại-biêu của các nước, và đặt riêng ra một tòa-trị-sự thường-trực để thi-hành mọi việc và mỗi năm mời các hội-viên đến họp đại-hội-dồng một kỳ. Hội Vạn-quốc lại sẽ đặt ra mấy tiêu-hội-dồng, mỗi tiêu-hội-dồng coi một việc riêng, một tiêu-hội-dồng thời giám-đốc về việc thi-hành các điều hòa-ước, một tiêu-hội-dồng coi việc quản-trị miền lưu-vực sông Sarre và đốc-xuất việc « hỏi ý bàn dân » (*plébiscite*) ở châu Schleswig và ở nước Nga.

Trong hòa-ước lại còn nhiều khoản về các sự bồi-thường về quân-sự, về việc điều-tra các trách-cửu hồi khai-chiến, về sự đặt các ủy-viên để kiểm-tra sự giao-thông trong các đường sông nước Đức, v. v..

○ Thuộc về Giao-châu (Kiao-tchéou) thời nước Đức phải nhường hết thảy cho nước Nhật. Phàm các quyền-lợi trong tỉnh Sơn-đông của nước Tàu nhường cho nước Đức theo điều-ước ngày 6 Mars 1897, thuộc về hỏa xa, về mỏ, về các đường giầy thép bẽ, cùng các động-sản bất-động-sản (*propriétés mobilières et immobilières*) của người Đức trong miền ấy, từ nay sẽ về tay nước Nhật cả, nước Nhật không phải đảm-nhiệm sự gì.)

Đó là mấy khoản quan-trọng trong hòa-ước, lược-dịch theo các điện-tín Âu-châu mới đây, còn toàn-văn hòa-ước thời chưa được biết. Nghe như nước Đức đại-đề chịu nhận cả, chỉ xin giảm cho ít nhiều điều quá nặng. Chính-phủ Đức có gửi tới hơn mười cái quốc-thư sang quan Tổng-lý CLÉMENTEAU để yêu-cầu mọi điều, quan Tổng-lý trả lời rằng các yếu-kiện trong hòa-ước thời không thể đổi được, duy các tiểu-tiết có thể chàm-chước được một đôi chút mà thôi. Vậy chắc thế nào cũng nội trong tháng 6 này là hai bên ký xong vậy.

VIỆC TRONG NƯỚC

Quan Toàn-quyền Sarraut về Đại-Pháp. — Quan Toàn-quyền SARRAUT cùng qui-quyển đã xuống tàu về Đại-Pháp từ ngày 20 tháng 5 tây. Trước bữa ấy, ngày 20, ở tiệc rượu của các đồng-bào ta trong Lục-tỉnh mời ngài tại Sài-gòn, ngài lại đọc một bài diễn-thuyết cũng quan-trọng bằng bài đọc ở Vạn-miêu Hà-nội tháng trước, kỳ sau bản-báo sẽ dịch ra quốc-âm và đăng báo. Trước khi ngài xuống tàu, các quan thủ-hiến cùng các ông trưởng hội trong suốt cõi Đông-dương đều thay mặt dân, thay mặt các hội-viên gửi điện về tiễn-mừng ngài, coi lời-lẽ rất là thiết-tha thời đủ biết dân tình ái-mộ ngài biết dường nào. Hoàng-Thượng đặc-phái hẳn một quan Đại-thần là cụ Lại-bộ-thượng-thư NGUYỄN HỮU-BÀI về tận Sài-gòn để tiễn chân ngài. Thật là cả dân Đông-dương từ người

trên chí kẻ dưới, một lòng luyện-ái, chỉ chúc tụng cho ngài lại chóng trở về đây để làm hoàn-thành công-nghiệp.

Công-nghiệp quan SARRAUT trong mấy năm ngài trọng-nhậm cõi này thời lạ là phải nói quốc-dân ta mới biết : cái kết-quả đã hiển-nhiên ai là người không trông thấy ? Xưa nay phạm nhà đại-chánh-trị không mấy người là không có kẻ thù-hiền ; chỉ có những người không làm nên việc gì thời mới không ai nói đến mà thôi. Đã muốn thi-thố công nọ việc kia thời tất có lợi cho người này mà có thiệt cho kẻ khác, vì việc đời không có việc gì là toàn-hảo, là bằng lòng cho cả mọi người được ; những kẻ tự cho là thiệt đến mình nhân đấy mà gây ra lòng hiềm-oán, nhưng miễn là những công-việc thi-thố đó có ích-lợi cho số nhiều người thời là việc hay, việc tốt, việc

đáng làm, đáng khen, đáng phục, phàm người tri-thức nên hoan-nghehnh mà tán-thành mới phải. Cái chánh-sách của quan SARRAUT thi-hành ở đây, những công-cuộc ngài đã dựng thành, thật là ích-lợi cho phần nhiều người Tây và cho hết thảy dân Au-nam trong cõi này. Cứ coi lòng dân ái-mộ ngài thời đủ biết, thật từ xưa đến nay không có quan Toàn-quyền nào được dân ta yêu mến như vậy. Cầm quyền cai-trị một nước lớn mà được hết thảy bàn dân trong nước ấy một lòng hoài-mộ ái-đái, thời chẳng là cái chứng hiển-nhiên rằng cái chánh-sách thi-hành đó là hợp với dân-tình, trúng với dân-nguyện rư ? Còn thể làm thế nào cho hơn được nữa, và mấy người đã làm được như thế ? Thiết-tưởng quan SARRAUT cũng tự-tri mà không coi vào đâu những lời bài-bác quá-kích của một vài tờ báo tây ở đây vị lòng tự-hiềm mà mất cả bụng công-nghĩa. Quốc-dân ta cũng không nên lấy cái thái-độ của một vài tờ báo đó làm lạ : ở nước dân-chủ, cái quyền ngôn-luận của các nhà báo rất là được tự-do, thật không có hạn-chế gì, nên lắm nhà báo thường hay lạm-dụng vì những mục-đích không đáng ; sự đó ở bên Đại-Pháp là một sự thường, không lấy gì làm lạ. Như quan SARRAUT đây lại là một tay sắc-sảo trong chánh-giới, là chỗ các đảng-phái cạnh-tranh nhau rất là kịch-liệt ; dù ngài không có kẻ thù riêng mà đảng ngài tất có đảng khác không ưa, như vậy thời tránh sao khỏi kẻ ghen-ghét, người bài-bác.

Về phần quốc-dân ta thời tưởng không có một người nào là không cảm-phục cái chánh-khoan-dung đại-độ của ngài. Dân ta coi ngài là người đại-biêu thứ nhất cho cái chánh-sách *khải-phóng* của nước Đại-Pháp vậy. Quý Chánh-phủ mới rồi, trước khi ngài xuống tàu về Pháp, có đánh điện riêng sang cho ngài đề biếu đồng-tình và tán-thành cùng tưởng-lệ cái chánh-sách của ngài ở đây. Quốc-dân ta rất mong-mỏi rằng thế nào sau này quý-chánh-phủ cũng lại đặc-phái ngài sang đây lần nữa để thực-hành cái chánh-sách ấy cho đến ngày thành kết-quả, ngày ấy thật là vẻ-vang cho nước Pháp mà hạnh-phước cho dân ta. Ngạn-ngữ nước Anh có câu rằng : « Phải chọn người xứng-đáng vào cái địa-vị xứng-đáng » : quan SARRAUT làm Toàn-quyền Đông-dương, thật là « người xứng-đáng vào cái địa-vị xứng-đáng », sự kính-

nghiêm trong năm năm nay đủ chứng rõ vậy. Cho dầu có người tài-giỏi hơn ngài nữa, mà ngài đã am-hiểu dân-tình, được dân yêu mến, mà cũng thật lòng yêu-mến dân, thành-thực muốn khai-hóa cho dân, tưởng chỉ có ngài là xứng-đáng hơn cả.

Hồi ngài ở Sài-gòn, sắp sửa-soạn về Tây, có điện bên Bộ sang nói rằng ngài lại được đặc-phái làm Toàn-quyền Đông-dương sáu tháng. Quốc-dân ta nhiều người hiểu lầm rằng thế là ngài lại được lưu-nhiệm, không phải về Tây nữa. Kỳ-thực ngài trở về quý-quốc không phải là hết hạn toàn-quyền mà về, thực là vẫn giữ chức toàn-quyền mà về có việc mà thôi. Nguyên ngài là chân nghị-viên, không phải là một nhà quan-lại. Các ông nghị-viên, ông nào có biệt tài, thời Chánh-phủ có thể lâm-thời đặc-phái đi chủ-nhiệm một cái quyền-chức trọng-yếu nào, nhưng đặc-phái chỉ được sáu tháng một mà thôi, cho nên tuy cần phải ở bao nhiêu lâu cũng được mà cứ sáu tháng một lại phải có lệnh đặc-phái một lần nữa. Làm nghị-viên ở một nước dân-chủ có thể lực mạnh lắm, mạnh hơn quan-lại nhiều, vì lâm-thời có quyền khuynh-đảo được cả Chánh-phủ. Vả lại các quan nghị-viên sinh-trưởng vận-động trong chánh-giới, thuộc việc chánh-trị nhiều, thường có cái chánh-kiến rộng-rãi, biết trông xa nhìn rộng, làm lớn, tính to, không có cần-thủ lắm như các bậc quan-lại. Chủ-trương một cõi lớn như đất Đông-dương này, chi-phối những công-việc tây đing, giám-đốc một dân-tộc hai mươi triệu con người, cần phải có một tay chánh-trị có tài-lực hơn là một nhà quan-lại thao công việc. Bởi lẽ đó nữa, mà ta lại rất mong được quan SARRAUT sang làm Toàn-quyền đây lần nữa.

Xin lấy ngày mồng hai tháng năm là ngày đức Thế-Tổ đăng-quang làm ngày quốc-hội của dân-tộc An-nam. — Đức Thế-Tổ Cao-hoàng-đế (đức Gia-Long) ta bình-định Tây-sou, nhất-thống nam bắc, lấy ngày mồng hai tháng năm năm nhâm-tuất (1802) đăng-quang. Ngày mồng hai tháng năm là cái ngày kỷ-niệm chung của dân-tộc ta, dựng nên cái nền nhất-thống thủy tự ngày ấy vậy. Dân-tộc ta có được một cái ngày rất vinh-dự như thế, lại không đáng ghi đáng nhớ, suốt đời này qua

đời khác, để biểu cái lịch-sử quang-vinh của nước-nhà, tưởng cái công ơn đề-tạo của người trước hay sao?

Năm ngoài vâng lời Chỉ-du định ngày mồng-hai tháng năm làm ngày quốc-hội; đến ngày quan-dân sĩ-thứ trong Trung-kỳ nhất-thề nghỉ lễ, kéo cờ thấp đèn, rất trang-trọng, rất vui-vẻ, các quan các tỉnh ở Bắc-kỳ cũng đúng ngày làm lễ báo-vọng tại hành-cung, nhưng thiết-tưởng ngày ấy là ngày kỷ-niệm chung cho cả dân-tộc An-nam ta, ở Trung-kỳ có thông sức cho phủ huyện tổng lý đều biết có ngày quốc-hội ấy cả; dân Trung-kỳ vậy, dân Bắc-kỳ và Nam-kỳ cũng nên theo. Bắc-kỳ và Nam-kỳ cũng cùng một dân-tộc An-nam; có lẽ cái ngày vinh-dự chung cả của dân-tộc An-nam mà trong ba xứ lại chỗ vui chỗ tế?

Ước gì nhà-nước Bảo-hộ cho dân Bắc-kỳ và Nam-kỳ cũng được chung vui ngày quốc-hội ấy, đến ngày các sở công cho nghỉ làm việc, các trường học cho nghỉ học, các nhà An-nam cho kéo cờ thấp đèn, thì nhân-tình thật lấy làm hỉ-hả lắm.

Nhà-nước Bảo-hộ đối với dân ta thường hay thuận dân sở hỉ; như ngày tết nguyên-đán, vẫn cho suốt nước được nghỉ tết mấy ngày. Ngày lễ này của dân-tộc ta, kể còn trọng bằng mấy cái lễ nguyên-đán, chắc dân ta xin thì nhà-nước Bảo-hộ cũng ưng cho.

Về phần dân ta, xưa nay theo Tàu ăn tết mồng năm tháng năm. Ngày mồng năm tháng năm là ngày người Tàu Khuất-Nguyên ôm đá trẫm mình chết ở sông Mịch-la (1); người Tàu thương một đấng trung-thần chết oan, cứ nhớ ngày bơi thuyền trên sông Mịch-la làm lễ triêu hồn, thành ra có tết ấy. Ta với Khuất-Nguyên có tình-nghị chi, mà bánh trái, cỗ-bàn, bày biện ra để khốc ma mượn nước người cho mê? Cũng trong một tháng đó, cũng kê vài ngày đó, mà một ngày đáng ghi đáng nhớ của cả một dân-tộc ta, như ngày mồng hai tháng năm, lại không mấy người biết tới, vậy có nực cười không? Tưởng nên đổi tết mồng năm làm tết mồng hai tháng năm, kỷ-niệm cái ngày dựng nền nhất-thống của dân-tộc ta là phải.

Mới rồi Hoàng Thượng ta lại có sắc-du định tên ngày quốc-hội đó là lễ « Hưng-quốc khánh-niệm tiết » 興國慶念節, Lôi Thánh-Dụ rằng :

« Nhà-nước sở định đặt ra một tiết-kỷ-niệm. « là để nhớ đến cái ngày đệ nhứt của đức « Thế-tổ Cao Hoàng-Đế ta đã sáng nghiệp long « hưng, di truyền vạn thế vậy.

« Trẫm phỏng xét kẻ thần dân trong nước « ai nấy đều một lòng vui vẻ mà phụng hành, « đến nỗi có người đã muốn giảm bỏ lễ Đoan- « dương (tết mồng-năm) mà vui theo tiết Kỷ- « niệm.

« Coi đó đủ thấy cái nhơn rộng ơn to của « Liệt thánh đã thấm khắp dân tâm là dường « nào! Lại thấy dân-tâm của ta thuần-hậu « văn minh, không quên đức-hóa của Trẫm « lấy làm đáng khen và yêu mến thay!

« Nhưng cái nghĩa hai chữ « kỷ-niệm » nghe « nó vẫn còn lộn xộn, chưa hiệp với lòng chí « thành sở nguyện của đồng dân. Ví nói rằng « ghi lấy sự mừng để cho nhớ mãi, thì không « bằng làm cho biểu dương cái danh hiệu « xứng đáng ấy, để cho vĩnh viễn lưu tồn, là « hay hơn cả. Vậy Trẫm kính xin đổi hai chữ « kỷ-niệm » ấy làm « Hưng Quốc khánh niệm « tiết », ý muốn phỏng theo lễ kỷ-niệm Chánh- « trung vậy. »

Vậy từ nay đồng-bào ta trong Nam ngoài Bắc nên ghi nhớ lấy ngày mồng 2 tháng 5 ta là ngày lễ « Hưng-quốc » cũng như ngày 14 tháng 7 tây là ngày lễ « Chánh-trung » vậy.

Xin lập cái đèn kỷ-niệm cho những linh ta tử-trận bên Đại-Pháp.

— Trận đại-chiến-tranh vừa rồi, ân-quốc ta vì nhân-đạo, vì công-lý mà đứng mũi chịu sào, cự với quân Đức. Nước ta với nước Đại-Pháp có cái tình nghị anh em thầy trò, khi có cấp nạn cứu giúp nhau cũng là một cái nghĩa-vụ. Những linh ta vì một cái nghĩa-vụ của nước, đem mình sang nước Đại-Pháp, xông-pha tên đạn, vì cái nghĩa-vụ ấy mà hi-sinh tính-mệnh cũng nhiều.

Từ xưa đến nay, nước nào cũng vậy, quốc-dân đối với những người vì nghĩa-vụ của nước mà chết, thường có cái cảm-tình thương tiếc kính mến, hoặc lập đền, hoặc lập tượng, hoặc lập bia để biểu tiếng những người chết

(1) Khuất-Nguyên làm quan Tam-lữ-dại-phu nước Sở, thờ vua Sở Hoài-vương, rất trung-trực, bị vua Sở tin rèm không nghe lời can dấn, trẫm mình chết. Mịch-la là thuộc tỉnh Hồ nam Tàu bây giờ.

với việc nước, một là ý báo công người trước, hai là ý khích-khuyến người sau.

Tục nước ta lại lấy thờ người chết làm trọng lắm, nào đắp nấm, nào cúng lễ, người sống đối với người chết có cái cảm-tình rất mật-thiết.

Nay những linh ta vì nghĩa-vụ của nước mà sang giúp Đại-Pháp, vì sang giúp Đại-Pháp mà bỏ mình nơi chiến-trường, lấy cái danh-nghĩa chết với việc nước, thực đáng biểu-dương; mà lấy cái tình-nghĩ kẻ khuất người còn, càng thêm chua-sốt; thương tiếc kính mến, chắc quốc-dân ta ại lại chẳng đồng-tình.

Vậy quốc-dân ta nên xin với nhà-nước Bảo-hộ cho ở thủ-phủ Trung, Bắc, Nam ba kỳ mỗi chỗ lập một cái đền để kỷ-niệm chung cả những linh trong toàn-kỳ đã tử-trận bên Đại-Pháp, và xin quan binh cho tên những linh ấy khắc vào một tấm bia lớn dựng trước cửa đền. Đền nên lập ở nơi cảnh-trí thanh-u, xung-quanh có vườn rộng, trồng cây-cối thật sâm-uất, để năm năm đến tiết Thanh-minh, anh em bà con người chết đấy, mà viếng linh-hồn.

Việc ấy là một việc từ-thiện đối với kẻ chết, mà vừa là một việc nghĩa-cử đối với nước-nhà; miễn là được phép Chính-phủ cho, thì mở một cuộc lạc-quyên, khắc đủ tiền kinh-phí làm được; quốc-dân ta xưa nay về những sự công-đức như làm đền, hàn-lâm, lập nghĩa-địa, lạc-quyên rất nhiều, huống việc ấy công-đức còn bằng mấy những việc kia, tất ai cũng nhiệt-thành tán-trợ.

Vả chẳng việc ấy lại là việc đền công trả ngài những người chết. Lúc linh ta bước chân sang Đại-Pháp, nhà-nước đã hứa ai tử-trận sẽ được phối-hưởng ở đình làng; nghe ở bên Đại-Pháp cũng có cho người An-nam ta lập một chỗ để thờ cúng những người chết, hưởng ở bản-xứ ta mà dân mình muốn lập theo như vậy, tất Chính-phủ cũng thuận dân sở-hỉ, đoái nghĩ đến công lao người tử-trận mà chuẩn cho ngay.

Thi đình. — Kỳ thi Hội năm nay là chung cục sự khoa-cử ở nước ta. Hôm 28 tháng Avril đã ra bằng trúng-cách, được mười tám ông đỗ hội và năm ông thiêm-thủ. Hôm 15 tháng Mai vào đình, Phụng đức Hoàng-thượng ta thân-sách lấy hai chữ « Văn-minh » làm đề-mục: đầu hỏi hết lịch-sử hưng-suy trị-loạn các đời vua nước Tàu và nước ta có văn-minh hay là không văn-minh, mà kết lại hỏi đến chính-thể chuyên-chế có chỗ nào ngô-điềm; thứ hỏi

đến nước ta bây-giờ nhờ nhà-nước Bảo-hộ diu-dắt, làm thế nào phú-cường theo được Thái-Tây; về đường thực-nghiệp thì hỏi đến khăn mở ruộng đất, tổ-chức công-thương, về đường chánh-trị thì hỏi đến lấy thuế sao cho khỏi bệnh dân, mở tân-học sao cho được người giỏi, mà kết lại hỏi đến chánh-thể lập-biến quyền-hạn tổ-chức ra thế nào; thứ nữa hỏi đến mấy năm Đại-Pháp có việc tranh-chiến, dân ta kẻ xuất tiền người xuất lực sang giúp Đại-Pháp, nay toàn-thắng thành công, nhà nước Đại-Pháp biết ơn cho dân ta thế nào thì không kể, còn nhà-nước ta đối với con-dân trung thành làm hết nghĩa-vụ như thế, nên làm thế nào để trả công-lao cho dân; thứ nữa hỏi đến cái trách-nhiệm của người dân làm thế nào giúp được sự tiến-hóa cho có trật-tự mà không đến nỗi sai-lầm.

Coi cái đầu-bài ấy đủ biết chí cao lượng cả của đức Hoàng-thượng ta, ngài thường lưu-tâm tru-hoạch những vấn-đề thuộc về dân-sinh quốc-kế. Cái đầu-bài ấy tuy là một cái đầu-bài thi đình, nhưng phạm những vấn-đề rất quan-trọng, rất ích-lợi của cả quốc-dân ta gần hết ở trong đó; tưởng quốc-dân ta nên thế bụng đức Hoàng-thượng lo cho dân lo cho nước, mà ai nấy đều chú-ý toan liệu về những vấn-đề ấy, đừng coi như một cái đầu bài thi đình khác, xem rồi bỏ qua.

Giới-thiệu sách mới. — 1° — *Đài Giảng*, của NGUYỄN KHẮC-HIỆU. (Sách dạy đàn bà con gái). In ở nhà in Ngô-tử-Hạ, Hà-nội, 64 trang, giá bán : 0\$35.
— 2° — *Lên Sáu*, của NGUYỄN KHẮC-HIỆU. (Sách dạy trẻ con học văn quốc-ngữ). In ở nhà in Mạc-dinh-Tư, Hà-nội, 24 trang, giá-bán : 0\$10.

Ông NGUYỄN KHẮC-HIỆU từ khi xuất-bản mấy tập thơ văn chơi đề là *Khởi-tinh*, *Giác-mộng*, mà nghiêm-nhiên dựng ra một cái văn-phái mới, môn-đệ hiện nay cũng được tới mười người. Chắc ông cũng không ngờ đâu như thế, nhưng sách ông ra được ít lâu thời kể luôn mấy người bắt chước, cũng làm thơ, cũng làm văn, cũng đem in, cũng đem bán, cũng đạo-tính thuyết-mộng như ông, mà sánh với văn-chương ông còn kém xa nhiều. Học trò ông quả không bằng ông thiệt. Song học-trò không ra gì là tội tại thầy. Đọc những sách vô-vị của các học-trò ông mà không thể không trách thâm rằng vì ông khởi ra cái lối văn-chương mơ-hồ

không thiết-thực đó, nay mới có nhiều người tập-tiền như vậy, và vì những người ấy bắt chước ông không nên mà quốc-văn mới có cái nguy sắp đả-đuối vào trong những cõi sâu cảnh mộng, thành ra một vật vô-ích cho xã-hội. Trách ông vì cái hại đó mà lại tiếc thay cho cái tài ông. Ông quả là người có tài văn-chương, vì từ trước tới nay, trong bọn theo chân nổi gót ông đã có ai theo kịp ông đâu? Nhưng tiếc thay cho cái tài ấy chỉ dùng về những lối văn-chương du-hí, thật là không có bổ-ích gì cho xã-hội, không những không bổ-ích gì mà có khi hại nữa. Nhà làm văn không phải là làm văn cho một mình mình đọc, một mình mình nghe; đã đem công-bổ ra, thời có trách-nhiệm với xã-hội. Nước mình ngày nay đương buổi khí dân ủy-mị, phong-tục suy-đổi, chỉ ngậm-nga những giọng lằng-lo, chỉ thở-than những lời buồn-bã, thật là đánh thuốc độc cho cả nước, thật là phạm tội diệt-chủng đó! Các nhà làm thơ làm văn có nghĩ tới không? Cái vạ hư-văn từ trước đến nay đã gây ra cái gương vong-quốc đó, há có mắt mà không trông rư?

Bởi thế nên văn riêng trách mà lại riêng than cho ông NGUYỄN KHẮC-HIỆU.

Nhưng người có tài, kẻ biết nghĩ, cũng dễ ửng-ngộ ngay được; chỉ có những kẻ mơ-hồ mới sợ đả-đuối mà không sao cứu-vớt được. Ông HIỆU đã ửng-ngộ rồi, từ nay quyết bỏ lối văn-chương nhảm mà chuyên-chủ về đường giáo-dục. Đáng khen thay! Ông mới xuất-bản một tập dạy văn quốc-ngữ cho trẻ con đề là *Lên Sáu* và một quyển phổ-thông-luân-lý cho đàn-bà con-gái đề là *Đài Guong*. Hai quyển đều có giá-trị cả, rất nên khuyên cho đàn-bà trẻ con mua mà đọc làm bộ sách giáo-khoa trong gia-đình. Tập *Lên Sáu* thời trên dạy văn quốc-ngữ, dưới có những bài học xếp từng câu ba chữ một, khéo lắm, bài nào cũng có ý-vị, tức là một cuốn « Tam-tự-kinh » bằng quốc-ngữ vậy. Như những bài khuyên trẻ rằng :

Sách quốc ngữ — Chữ nước ta — Con cái nhà — Đều phải học....

hay là dạy cho trẻ biết rằng :

Mày để ra — Là người Việt — Mày phải biết — Yêu nước Nam....

thời thật là trùng với phép quốc-dân-giáo-dục vậy.

Sách *Đài-Guong* là lấy chữ *Truyện Kiều* mà muốn ví quyền sách luân-lý cho đàn bà con gái như cái giá-gương bọn quần-thoa thường đề liền mình, soi vào thời biết mình xấu tốt thế nào. Ngụ ý cũng hay lắm. Sách chia làm bốn mục gồm cả một đời người đàn bà từ lúc nhỏ cho đến lúc già : 1o Thời con gái ; 2o Thời làm dâu (cùng lúc có chồng) ; 3o Thời làm chủ nhà (cùng lúc có con) ; 4o Thời tuổi già. Mỗi mục mười lăm bài, mỗi bài một vài trang, lời lẽ thiết-thực, văn-chương răn-rỏi ; mỗi bài dưới lại có một bài phụ, hoặc nói dẫn chuyện, hoặc chứng vật-lý, hoặc bàn rộng nghĩa ; sắp đặt chỉnh-đốn lắm. Xem một đoạn văn trích sau này thời đủ biết cái giá-trị, cái chỉ-thú cả quyền sách. Bàn về chữ *trình*, ông khuyên người đàn bà nên tự chuộng lấy cái phẩm-giá mình mà nói rằng :

« Ngọc lành đã được giá, nên phải giữ sao
« cho sạch vết, khỏi phụ lòng người mua.
« Trăm năm đã kết ngãi đá vàng, sông chưa
« cạn, đá chưa mòn, mà nỡ đem một tấm
« lòng son yêu riêng sẻ giầu, thời soi gương
« thẹn với gương, đeo hoa thẹn với hoa,
« đứng trăng thẹn với trăng, ngồi đèn thẹn
« với đèn, đêm nằm thẹn với chăn, ngày đi
« thẹn với bóng ; trong đời người có một cái
« qui-nhất mà dứt tình cho đàng ! Chẳng qua
« cái ngòi vật-dục khêu ở ngoài, ngọn lửa tà-
« dục bốc ở trong, làm cho một chút lòng
« trình đương đổ như son mà cháy ra than,
« tan ra gio, tan ra khói. Tiếc thay ! »

Suốt cuốn sách toàn một lối văn-chương răn-rỏi đứng-dẫn như vậy. Vậy có lời khen ông HIỆU đã soạn được hai cuốn sách có ích, chúc cho sách ông được nhiều người đọc và khuyên ông cứ nên chuyên-chủ về đường giáo-dục đó là chánh-đáng hơn cả.

P. Q.

* * *

— *Dây đờn đau đớn* (tập thơ từ nôm) của NAM-THẢO. — In ở Đông-kinh-ấn-quán, Hà-nội, 46 trang, giá bán 0\$15.

Tập thơ từ nôm này là của một ông tây-học, thuộc giòng Lý Đổ, học nghề làm thơ, không đề rõ tên, chỉ đề hiệu là NAM-THẢO. Ông không đề tên phải, vì ông muốn thí-nghiệm một sự khi bạo quá, mà sự thí-nghiệm ấy chắc là hỏng. Ông muốn đem vần-điệu Tây mà làm thơ ta thời thế sao được? Ông há lại không biết rằng thanh-âm của nước nào là riêng cho nước ấy, và thơ-từ của một nước là phỏng theo cái âm-điệu thiên-nhiên của nước ấy, không thể tự-tiên biến-đổi được. Và ngay như các tiếng Âu-châu là những tiếng liên-vận (*polysyllabique*), có chữ nhiều vần có chữ ít vần, âm-hưởng tiết-tấu không nghiêm lắm, mà có người xướng ra cái lối thơ « tự-do » (*vers libre*), không theo thi-pháp cũ, cũng còn không được thay; huống chi là tiếng độc-vận (*monosyllabique*) như tiếng mình, mỗi chữ là một vần, phải xếp đặt có tiết-tấu thời âm-hưởng mới thanh-thoát, đặt hơi chéch-lệch không theo luật là khổ-độc ngay; như vậy mà làm thơ muốn phá lệ-lối cũ, theo âm-điệu tây, thời còn nghe sao được? Thử đọc những câu:

*Hỡi các người chết : ta kính trọng,
Các người cũng như là còn sống... (!)*

*Ngồi xe điện, xe điện chạy,
Mau mau mở bẫy.
Có trông nẻo xa,
Mong chóng đến đây... (!)*

*Tình nọ cảnh kia ở đâu đâu,
Kéo dến trong lòng đông nghìn nghịt... (!)*

Thủ nào bằng thủ vợ chồng,

Bây lâu cách mặt mà nay cùng giường... (!)

Không biết có ai cho là thơ từ gì không, chớ đọc nó khổ tai quá. Không những khổ tai mà buồn cả tri-nữa, vì cái tư-tưởng nó cũng tầm-thường lắm.

Dám khuyên ông NAM-THẢO (chẳng biết ông là ai) đừng nên làm cái lối thơ kỳ-quặc ấy nữa, mà uổng công vô-ích, lại để người ta cười. Gây đàn mà không hợp điệu thời dẫu « dây đờn vui vẻ » cũng khó nghe thay, huống nữa là « dây đờn đau đớn » !

P. Q.

* * *

— *Thề-dục*, Manuel franco-annamite d'éducation physique, par FRÉDÉRIC CHOLET. — Hanoi, Imprimerie d'Extrême Orient, 1917, 106 pages.

Quan hai bị ban F. CHOLET năm trước dạy thể-thao cho quân lính An-nam ở trại chùa Thông, (Sơn-tây) nhân có theo chương-trình trong quân-đội soạn ra quyển « Thề-dục » này, vừa bằng chữ Pháp vừa bằng quốc-ngữ. Tuy sách là để riêng cho nhà binh dùng, mà lời giáo-huấn giản-dị, phép luyện-tập tinh-tùng, dẫu người thường xem cũng có ích-lợi lắm. Chắc bao nhiêu những phép dạy trong đó không phải là ai ai cũng có thể thi-hành được, nhưng tùy mỗi người nên chọn lấy những phép nào thích-hợp mà tập cho cân-cốt mạnh mẽ, thân-thể tráng-cường, thật là có ích cho giống nòi lắm lắm. Nước ta xưa nay về đường thể-dục vẫn hay nhãng bỏ, thật là một sự khuyết-diểm trong phép giáo-dục của ta: sự khuyết-diểm ấy phải kịp bổ lấy mới được. Như vậy thời những sách dạy cách tập-luyện thân-thể, như sách quan hai CHOLET, quốc-dân ta rất nên nghiên-cứu và rất nên theo đó mà thực-hành.

Cải chính. — Kỳ báo số 22 tháng 4 trước trang 329 bài hát nói *Thợ trời rất khéo* in lầm thiếu một câu, nay sửa lại như sau này :

*Ba vạn sáu nghìn ngày thắm thoát,
Từ mọc răng đến thuở bạc đầu,
Cái nhục vinh gắp lại chữa bao lâu.*

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ-TIẾN-ĐỨC »

Biên-bản kỷ hội-đồng tòa trị-sự ngày 29 Mai 1919, — Ngày thứ năm 29 Mai, đúng 4 giờ chiều, tòa trị-sự Hội Khai-trí-tiến-đức họp hội-đồng tại nhà hội Trí-trí, phố hàng Quat, Hà-nội.

Ông Hoàng-trọng-Phu phó chủ hội làm chủ tọa.

Có mặt : ông Thân-trọng-Huê, Trần-văn-Thông, Bùi-đình-Tá, Phạm Quỳnh, Lê-văn-Phúc, Phạm-duy-Tốn.

Vắng mặt : ông Nguyễn-hữu-Thu, Nghiêm-xuân-Quảng, Đào-văn-Sử.

Hội-đồng bàn về cách bầu các hội-viên chủ-trì mới. Theo điều-lệ thời các hội-viên chủ-trì mới phải có chia tư ba phần hội-viên cũ bầu thời mới được nhận vào Hội. cách bầu ấy thời hoặc hỏi ý ở nhà, hoặc viết thư hỏi. Vậy trước kia Hội đã định cách như thế này : Các hội-viên đều có nhận báo *Nam-Phong* cả, vậy cứ kỳ-kỳ mỗi lần gửi đính theo vào một mảnh giấy kê tên các người muốn xin vào Hội, mảnh giấy ấy thay vì vé bầu, các hội-viên cũ nhận được ưng bầu ai thời đề tên, không ưng ai thời xóa đi, rồi gửi về cho Hội, cộng cả lại người nào được nhiều vé bầu thời được nhận vào Hội. Cách ấy đã thử làm một lần, nay nghiệm ra thật là không tiện, vừa phiền cho Hội, vừa phiền cho các hội-viên, cứ tháng tháng phải gửi giấy đi giấy lại lồi thối lắm. Lần trước có nhiều ông hội-viên không gửi vé bầu về, có ông gửi về mà nói rằng nhiều tên không biết không thể bầu được, v. v. —

Ông Đỗ-Thận,
Đỗ-Thúc,
Nghiêm Canh-Khoan,
Nguyễn Hữu-Thu,
Nguyễn-Tiến,
Nguyễn Văn-Vinh,
Phạm Văn-Duyệt,

Nay hội-đồng phải xét định nên dùng cách nào là không trái điều-lệ mà tiện-lợi hơn. Hội-đồng bàn đi bàn lại, rồi quyết-định như sau này : Theo điều-lệ, cách bầu có thể viết thư hỏi ý các hội-viên, nhưng viết thư cho từng người không thể sao được. Nay nguyệt-báo của Hội, các hội-viên đều có nhận cả, có thể mượn đấy mà làm cách hỏi ý các hội-viên được. Vậy từ nay ai xin vào chân chủ-trì, cứ mỗi tháng đăng tên lên báo, cũng như các thường-hội-viên, hạn trong hai tháng không có ai dị-nghị thời được nhận vào hội, nhưng phải tòa Trị-sự mỗi tháng hội-đồng nhận mới được. Hoặc khi có dị-nghị, thời ông hội-viên nào nghi-ngờ hay là không ưng ai vì có gì phải viết thư mật về nói tường-tận các lẽ cho ông chủ Hội biết : bảy giờ tòa trị-sự sẽ mật hỏi và tra xét kỹ xem thực-hư thế nào. Nếu không có ai dị-nghị thời cho là cả các hội-viên đều bằng lòng hết, bảy giờ thời cứ mãn hai tháng, tòa trị-sự xét lại rồi nhận cho vào Hội. Cách ấy vừa tiện và vừa không sai ý điều-lệ, cả hội-đồng đều ưng-thuận.

Hội-đồng lại xét các vé bầu lần trước, thời chỉ nhận được cả thấy có sáu chục vé gửi về mà thôi. Các hội-viên khác không gửi về về thời hội-đồng coi cũng như là bằng lòng bầu cả. Trong sáu mươi vé ấy có mấy cái xóa mất mấy tên, nhưng ông bị xóa ấy Hội hẵng đình chưa nhận vội, đề xét về sau, còn các ông khác kê tên sau này, kể từ ngày hôm nay được nhận vào chân chủ-trì-hội-viên hội Khai-trí :

thượng hàm tri-huyện, Hà-nội.
tham-biện tòa sứ, Hà-nội.
buôn bán ở Hải-phòng.
tri-huyện Thanh-oai, Hà-đông.
(tức-hiệu Cẩm-văn), bán sách, Hà-nội.
chủ-bút « Trung-Bắc-tân-văn ».
giữ sổ sách các nhà buôn, Hà-nội.

Ông Phạm Văn-Hanh,
Phạm Mạnh-Xứng,
Phạm Gia-Thụy,
Phạm Gia-Nùng,
Trần Ngọc-Điền,
Vương Khắc-Khuyến,

Các chủ-trì-hội-viên thời có chân vào hội-đồng-quản-trị (*comité directeur*), được quyền bầu các hội-viên mới, khi nào Hội có việc quan-trọng phải mời họp đại-hội-đồng để xét, lại mỗi năm có quyền bầu và ứng bầu vào chân trị-sự. Hội-viên chủ-trì phải nộp tiền nhập-hội là 20 \$ và phải mua nguyệt-báo cùng các sách vở của Hội.

Hội-đồng bàn xong việc bầu cử, thời ông Bùi-dinh-Tá trình cho Hội biết các khoản tiêu về việc trà-hội ở Văn-miếu. Hội trước xuất có 600 \$, chỉ các khoản không đủ, tính ra còn thiếu 100 \$ nữa,

Ông Bạch Văn-Lam,
Bùi Khiêm-Chi,
Bùi-Kỷ,
Bùi Trọng-Huyền,
Bùi Trọng-Nga,
Cung Đình-Huệ,
Cung Khắc-Đản,
Choulet (Frédéric),
Dương Bạch-Duyệt,
Đặng Đình-Điền,
Donnadieu,
Đào Hữu-Khôi,
Đào Huy-Tiến,
Đào Thiện-Luận,
Đỗ Tiên-Tiến,
Đặng Xuân-Phương,
Hoàng Gia-Luận,
Hoàng Huấn-Trung,
Lương Đình-Vũ,
Lã Quý-Chấn,
Lê Tất-Đạt,
Lê Thành-Ý,
Lê Trung-Ngọc,
Lê Vũ-Bình.

tri-huyện Đan-phương, Hà-dông.
nghị-viên, Hà-nội.
tri-phủ Xuân-trường, Nam-định.
tri-huyện Nam-trực, Nam-định.
thầu-khoán, Hà-nội.
hàn-lâm-viện-diễn-tịch, Sơn-tây.

nay định trích thêm để trang-trải mọi việc cho xong. Các giấy má về các khoản tiêu ấy sẽ lưu trong bút-lục.

Hội-đồng bàn định mấy việc vặt nữa, đến 5 giờ rưỡi thời tan.

Tên các ông xin vào chủ-trì-hội-viên. — Theo lời quyết-định của tòa trị-sự ngày 29 mai 1919 xin kê sau này những tên các ông có gửi giấy xin vào chân chủ-trì hội-viên. Hạn trong hai tháng không có ai dị-nghị thời tòa trị-sự sẽ xét nhận các ông vào Hội.

thầu-khoán, Hà-nội.
tri-huyện Cát-hải, Thái-bình.
phó-bảng, giáo-học trường Đại-học, Hà-hàn-lâm-viện-kiềm-thảo, Ninh-bình. [nội.
buôn bán, Quảng-yên.
làm việc công-ti Bạch-thái, Nam-định.
án-sát, Phúc-yên.
chủ nhà Tầm-tầm, Hà-nội.
trợ-tá phủ Yên-lăng, Phúc-yên.
hội-viên Bắc-kỳ, Thái-bình.
đốc-học trường Bảo-hộ, Hà-nội.
tri-huyện Thủy-nguyên, Kiến-an.
tri-phủ Yên-khánh, Ninh-bình.
chánh-tổng Lạc-đạo, Thái-bình.
buôn bán xã Phú-thụy, Hưng-yên.
tú-tài, xã Ô-mễ, Thái-bình.
Thái-hà-ấp, Hà-dông.
tri-phủ Yên-lăng, Phúc-yên.
nghị-viên, Thái-nguyên.
buôn bán, Nam-định.
làm việc nhà buôn Tây, Hải-phòng.
giáo-học trường Bảo-hộ, Hà-nội.
tuần-phủ, Hưng-yên.
buôn bán, Hà-nội.

Ông Lưu Văn-Điêm,	chánh cứu-phẩm văn-giai, Kiến-an.
Lê Văn-Rị,	thầy-thuốc, Ninh-bình.
Nguyễn Văn-Lan	(tức Tân-Ký) buôn bán, Gia-lâm.
Ngài (1),	cai sở Xi-măng, Hải-phòng.
Nguyễn Bá-Tiếp,	tri huyện Tùng-thiện, Sơn-tây.
Nguyễn Diệp-Quảng,	tri-huyện Vũ-tiên, Thái-bình.
Nguyễn-Đắc	thông-phán sở Điện-báo, Hà-nội.
Nguyễn-Đốc,	án-sát, Hà-dông.
Nguyễn Đức-Đản,	bang-tá Thanh-trì, Hà-dông.
Nguyễn Đình-Đạt,	chủ lò-thịt Núi-đeo, Kiến-an.
Nguyễn Đăng-Kính,	chủ-sự sở Điện-báo, Ninh-bình.
Nguyễn Đình-Khôi,	làm <i>dentellerie</i> , Hà-nội.
Nguyễn Đăng-Thu,	thợ may, Hà-nội.
Nguyễn Đức-Thịnh,	(Nguyễn-ký) buôn bán, Vinh.
Nguyễn Đức-Thúy,	buôn bán, Hà-nội.
Nguyễn Hữu-Hậu,	tri-huyện Gia-viễn, Ninh-bình,
Nguyễn Huy-Hợi,	làm việc nhà G. M. R., Hà-nội.
Nguyễn Hữu-Kiến,	Bắc-kỳ nghị-viên, chánh-tổng Lai-vũ.
Nguyễn Hợp-Phác,	tri-huyện Gia-lộc, Hải-dương.
Nguyễn Hữu-Phái,	tri-phủ Nho-quan, Ninh-bình.
Nguyễn Lan-Hương,	(Hương ký), chụp-ảnh, Hanoi.
Ngô Như-Bính,	thư-ký tòa quan-bình, Hải-phòng.
Nguyễn Như-Gi,	tri-phủ Nam-sách, Hải-dương.
Nguyễn Như-Khán,	chủ-sự Điện-báo, Kiến-an.
Nguyễn Ngọc-Quý,	chánh bát-phẩm văn-giai, Hà-dông.
Nguyễn-Quý,	giáo-thụ phủ Tiên-hung, Thái-bình.
Nguyễn Quang-Cơ,	trưởng hội Đồng-ích, Thái-bình.
Ngô Quang-Nghiệp,	thầu-khoán, Quảng-yên.
Nguyễn Tồn-Khải,	tri-phủ Vinh-trường, Vinh-yên.
Nguyễn Văn Kỳ,	thư-ký tòa Đốc-ly, Hanoi.
Nguyễn Văn-Khôi,	chủ nhà la-ga (xe lửa Vân-nam) ở Tachou Táng (Yun-nan).
Nguyễn Văn Nguyễn,	cựu thơ-lại, buôn bán, Thái-nguyên.
Nguyễn Văn-Tiếp,	thầu khoán và nghị-viên Phú-thọ.
Nguyễn Văn-Tính,	tham-biện tòa Điện-báo Hanoi.
Nguyễn Văn-Tố,	thư-ký trường Bác-cổ Hanoi.
Nguyễn Đức-Tiên,	làm rượu, Nghệ-an.
Phạm Duy-Thanh,	tri-huyện Thanh-thủy, Phú-thọ.
Phạm Đình-Nở,	thầu-khoán, Hải-phòng,
Phạm Huy-Toại,	tri-huyện Gia-bình, Vinh-yên.
Phan Văn-Đại,	tri-phủ Tiên-hung, Thái-bình.
Saint Marty,	trưởng tòa thư-viện ở phủ Toàn-nguyên.

(1) Ông này trong giấy xin nhập hội không khai rõ họ, xin bảo rõ cho Hội lược biết cả toàn tên.

Ông Trần Dụng-Hoàn,
 Từ-Đạm,
 Trịnh Đình-Long,
 Trần Đình-Quang,
 Trần Minh-Thu,
 Từ Nhiếp-Hữu,
 Trần-Quỳnh.
 Trần Thiên Lập,
 Ông Chu-Miền,
 Vũ Đình-Bân,
 Vũ Đình-Chung,

Vũ Đức-Đôn.
 Vũ Đình-Khôi,
 Vũ Đan-Phong,
 Vũ Minh-Châu.
 Vũ Ngọc-Thúy,
 Vũ Ngọc-Trác,
 Vũ Thiệu-Kỳ,

Các hội-viện cũ ông nào có điều gì dị-nghị thuộc về các ông có tên trên kia, xin viết thư mật kể tường-tận các lẽ cho Hội biết, trong hạn hai tháng kể từ ngày báo xuất-bản.

Tán-trợ hội-viên. — Tán-trợ hội-viên là ông nào tư-cấp cho Hội tự 100 đồng trở lên. Trong tháng mới rồi có ông *Lê Văn-Mãn* thầu-khoán Hà-nội xin vào chân tán-trợ hội-viên. Hội xin

Ông Bùi Hữu-Linh,
 Chu Đức-Thắng,
 Đoàn Đức-Cân,
 Đào-Hình,
 Đặng Như-Lan,
 Đinh Văn-Thành,
 Hồ Tá-Phu,
 Hoàng Văn-Chương,
 Lương Duyên-Đức,
 Nguyễn Bá-Cung,
 Nguyễn Công-Điền,
 Nguyễn Đình-Giai,
 Nguyễn Đức-Gi,
 Nguyễn Hữu-Bình,

buôn bán, Nam-định.
 tuần-phủ, Ninh-bình.
 buôn bán, Hà-nội.
 thư-ký, Hà-nội.
 làm việc Đồn-diên, Phú-thụy.
 tri-huyện An-lão, Kiến-an.
 buôn bán (hiệu Cát-thành), Hà-nội.
 làm việc nhà buôn, Hải-phòng.
 buôn bán, Hải-phòng.
 lý-trưởng xã Trục-nội, Thái-bình
 phán sự tòa Công-chánh ở Amitchéou
 (Yunnan).
 chủ ruộng ở Hà-dông.
 tri-huyện Kim-thành, Hải-dương.
 buôn bán, Hanoi.
 thầu khoán, Hanoi.
 tri-huyện hậu-tuyền, Kiến-an.
 cựu chánh-tổng, Thái-bình.
 buôn bán, Nam-định.

công-nhận ông vào Hội, kể từ ngày đăng tên vào báo này.

Tên các ông xin vào thường-hội-viên. — Trong tháng mới rồi, Hội có nhận được giấy xin vào chân thường-hội-viên của các ông kê tên sau này, trong hạn hai tháng kể từ ngày đăng báo không có ai dị-nghị thời các ông được nhận vào Hội :

giáo-học trường Pháp-việt, Thái-bình.
 buôn bán ở Tuy-hòa, (Qui-nhơn).
 chánh-tổng Đôn-lương, Quảng-yên.
 xã Xuân-đỗ, Bắc-ninh.
 thư-ký Công-ty nấu rượu, Hà-nội.
 nghị-viên phủ Nho-quan, Ninh-bình.
 buôn bán, Phan-thiết.
 lý-trưởng xã Yên-mông, Ninh-bình.
 thừa phái huyện Cát-hải, Thái-bình.
 tri-huyện Trục-ninh, Nam-định.
 thư-ký nhà G. M. R., Hà-nội.
 làm ruộng xã Nghiêm-xá, Bắc-ninh.
 buôn bán, Ninh-bình.
 buôn bán, Hà-nội.

Ông Nguyễn Hữu-Điền,
 Nguyễn Mạnh-Phan,
 Nguyễn Văn-Bình,
 Nguyễn Quang-Bật,
 Nguyễn Huy-Năng,
 Nguyễn Vinh-Thực,
 Quách Gia-Phong
 Quách Văn-Cao,
 Tống-Lã,
 Trịnh Hữu-Khánh,
 Trần Văn Chắp,
 Trần Văn-Quế,
 Trần Văn-Thứ,

Các thường-hội-viên mới. — Các ông xin vào chân thường-hội-viên đã đăng tên trong báo *Nam-Phong*, số 21 (mars 1919) xuất-bản từ cuối tháng ba tây, tới nay là cuối tháng năm, vừa đầy hai tháng, không có ai phản đối, được nhận vào chân thường-hội-viên hội Khai-trí. Là hai mươi ông: Bùi Trình-Khiêm, Hoàng Đình-Nhạc, Khương Quang-Hân, Lê Văn-Huệ, Nguyễn Gia-Hội, Nguyễn Hữu-Tiến, Nguyễn Ngọc-

làm ruộng xã Nguyên-xá, Hà-dông.
 kiêm-đốc trường Phù-tải, Hải-dương.
 lại mục châu Vũ-nhai, Thái-nguyên.
 hậu-tuyền tri-huyện, Ninh-bình.
 thông-sự sở hỏa xa Vân-nam, Hà-nội.
 thông-sự sở hỏa xa Vân-nam, Hà-nội.
 lý-trưởng xã Lạng-phong, Ninh-bình.
 chánh-tổng, Hội-viên cựu, Ninh-bình.
 lục-sự tòa án Ninh-bình.
 thư-ký Công-ty nấu rượu, Hà-nội.
 Đội-lệ cựu, làm ruộng, Ninh-bình.
 hậu-bổ, Ninh-bình.
 buôn bán, Nam-định.

Kiểm, Nguyễn Văn - Bình, Nguyễn Văn - Minh, Nguyễn Văn-Nguyên, Nguyễn Tri-Túc, Nguyễn-Triệu, Phạm Duy-Trí, Phạm Hữu-Thái, Phạm Quang-Thước, Phạm Trọng-Thông, Trần Thụy-Ứng, Từ-duy-Quán, Từ Văn-Nông, Vũ Đình-Phụng.

Trừ có ông Trần Minh-Thu trước xin vào thường hội-viên, sau lại có giấy nói lại xin vào chân chủ-trì đã đăng tên ở trên kia.

Cải chính. — Bản-quản tiếp được thơ của ông Nguyễn-hảo-Vĩnh, ở Sài-gòn gửi ra, nói rằng trong bài « Chú lái buôn thành Venice » của ông đăng

trong *Nam-Phong* số 21 có nhiều chữ in sai lầm, ông sửa đổi lại như sau này, xin cứ theo trong thơ ông in ra đây :

Trương	215	gian tay trái hàng	28	xin đọc : « lái Antôniô ghét va hết chỗ nói ! »
»	215	—	33	» « nghèo mượn bạc chẳng ăn lời ».
»	215	gian tay mặt hàng	40	xin đọc : « Sàilộc cho tao mượn bạc xài ».
»	216	—	27	» « Lão Sàilộc hôm-chuốc đủ đều, song Baxaniô... »
»	217	gian tay trái hàng	26	xin đọc : chẳng được ở càrà chốn ấy.
»	217	—	37	» Sợ khi nó trật nó càrà.
»	218	gian tay mặt hàng	38	xin đọc : tùy thích bà, chớ tôi đâu dám...
»	219	—	38	» Ông Hầu cai trị thành Venice.
»	220	gian tay trái hàng	10	xin đọc : cho nãng biết mặt người hào hiệp... »
»	220	—	12	» ngoài miệng như vậy mặc dầu... »
»	220	—	14	» khó nổi mà gỡ Antoniô ra... »
»	220	—	44	» đều nghe danh ngài cã thầy.

Trương	220	gian tay mặt hàng	30	xin đọc :	Giữa tòa
»	220	—	39	»	song lão nắn nắn quyết một
»	220	—	41	»	tôi đã thề đọc rồi
»	221	gian tay trái hàng	12	xin đọc :	mà muốn người ta giết nó
»	221	—	15	»	chịu tổn tiền mà mua mắt
»	221	—	42	»	Balthazar hỏi còn trẻ khô
»	221	—	43	»	một cách khác thường
»	221	gian tay mặt hàng	4	xin đọc :	đương hàm hàm
»	221	—	22	»	cầu trời đất nhỏ phước.
»	222	gian tay trái hàng	21	xin đọc :	nó xiu lòng đôi trí.
»	222	gian tay mặt hàng	40	xin đọc :	rầu buồn dùm cho chú lái.
»	222	—	42	»	dao cho sẵn đi và nói với nó.
»	222	—	45	»	sợ dễ chảy máu quá và phải chết dạ.
»	223	gian tay trái hàng	13	xin đọc :	cân thịt là phần của người
»	225	—	17	»	Bột-sa thấy nói nài nĩ quá
»	225	—	18, 19	»	Vậy thì hãy đưa đôi vớ tay
»	225	—	30	»	cãi cho anh em
»	225	gian tay mặt hàng	27	xin đọc :	Bởi tánh Gratiano hay bắt chước
»	225	—	29	»	cho ông thầy kiện
»	225	—	43	»	miếng lòng mình
»	226	gian tay trái hàng	4	xin đọc :	khi con trăng ấy bị mây đen án
»	226	—	45	»	Tôi mà có cho đòn bà nào thì có trời.
»	226	gian tay mặt hàng	25	xin đọc :	mồ hôi
»	226	—	27	»	đặng lấy cơ ấy mà nói, vì chống chôi
»	227	gian tay trái hàng	12	xin đọc :	đều bấy giờ ?
»	227	—	22	»	đừng để ông tấn sỹ luật ấy léo lại
»	227	—	32	»	tôi cũng chẳng.
»	227	gian tay mặt hàng	12	»	nếu để lâu
»	227	—	15	»	nếu ông lái chịu bảo lãnh
»	227	—	24	»	mẽ, chiếc cará này...
»	228	gian tay trái hàng	1	xin đọc :	sự làm bộ giận dữ <i>tanh rất le</i>
»	228	—	1, 2	»	làm lạnh gặp lạnh, làm dữ gặp dữ »

Phụ-lục. — Bản-chi sắp xuất-bản mới được biết các thầy học-sinh trường Bảo-hộ ở Hà-nội ngày mồng hai tháng năm ta vừa rồi có làm lễ « Hưng-quốc-khánh-niệm » ở trong trường vui-vẻ và trọng-thể lẫm. Bản-chi lấy làm tiếc không kịp kỹ-thuật cái việc nghĩa-cử rất đáng khen ấy trong kỳ này. Vậy có lời biểu đồng-tình với các thầy học-sinh và mừng cho cái nghĩa-khí trong bậc thanh-niên nước ta.